

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục & Đào tạo về đổi mới nội dung, chương trình giảng dạy và học tập các môn Lý luận chính trị, được sự đồng ý của Ban Giám hiệu Trường Đại học Thủy lợi tại Quyết định số 567/QĐ-ĐHTL, ngày 16 tháng 4 năm 2018, Bộ môn Mác - Lenin đã tiến hành biên soạn cuốn “Bài giảng Chủ nghĩa xã hội khoa học”. Cuốn Bài giảng Chủ nghĩa xã hội khoa học được biên soạn bám sát với cấu trúc và nội dung chương trình môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học, đồng thời kế thừa nội dung các Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học trước đây của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành. Cuốn Bài giảng đã kết cấu lại nội dung, làm rõ những kiến thức cơ bản, trọng tâm của môn học. Một số nội dung được cập nhật theo văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Đồng thời, bài giảng còn cung cấp hệ thống câu hỏi ôn tập và thảo luận, giúp sinh viên ghi nhớ kiến thức của từng chương. Từ đó, giúp cho sinh viên có thể nghiên cứu sâu hơn và có thể vận dụng những kiến thức môn học vào lý giải các vấn đề thực tiễn cuộc sống. Về tổng thể, Bài giảng Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương: Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Chương 5: Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Cuốn bài giảng này được dùng làm tài liệu chính thức trong giảng dạy và học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học cho sinh viên các ngành thuộc các hệ đào tạo đại học, cao đẳng của Trường Đại học Thủy lợi. Trong quá trình biên soạn cuốn bài giảng, mặc dù tập thể tác giả đã cố

gắng cao nhất để đưa ra cuốn bài giảng hoàn chỉnh nhưng cũng khó có thể tránh khỏi những hạn chế nhất định. Chúng tôi trân trọng và cảm ơn các ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, đồng nghiệp và bạn đọc, hy vọng lần tái bản lần sau, bài giảng sẽ được hoàn thiện hơn. Mọi góp ý xin gửi về Bộ môn Mác - Lê nin, khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Thủy lợi, 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

Tập thể tác giả

Chương 1

NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

CNXH khoa học là một bộ phận quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Sự hình thành và phát triển CNXH khoa học luôn gắn liền với quá trình hoạt động lý luận và thực tiễn của các nhà sáng lập và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin. Học tập, nghiên cứu CNXH khoa học trong giai đoạn hiện nay có nhiều ý nghĩa trên phương diện lý luận cũng như thực tiễn.

1.1. SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Chủ nghĩa xã hội khoa học

CNXH khoa học, theo nghĩa rộng, là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải trên các góc độ triết học, kinh tế và chính trị - xã hội về sự chuyển biến tất yếu xã hội loài người từ chủ nghĩa tư bản lên CNXH và chủ nghĩa cộng sản.

CNXH khoa học, theo nghĩa hẹp, là một bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin, là hệ thống lý luận chính trị - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin.

CNXH khoa học là thành quả lý luận về lô-gich với triết học và kinh tế học chính trị Mác - Lênin. CNXH khoa học làm rõ mục tiêu và con đường giải phóng xã hội, giải phóng con người, đồng thời luận giải khoa học về lực lượng chủ đạo qua trình đó là giai cấp công nhân với sứ mệnh lịch sử của mình là xây dựng CNXH, chủ nghĩa cộng sản. Chúng ta nghiên cứu môn học này theo nghĩa hẹp của nó.

1.1.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội

Chủ nghĩa Mác ra đời trong những năm 40 của thế kỷ XIX, khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã phát triển ở nhiều nước châu Âu và tỏ rõ tính ưu việt của nó so với phương thức sản xuất phong kiến. Ở

Anh đã diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp từ cuối thế kỷ XVIII. Cuộc cách mạng công nghiệp đã đánh dấu bước chuyển biến từ nền sản xuất thủ công nghiệp sang nền sản xuất đại công nghiệp, đồng thời làm thay đổi sâu sắc cục diện xã hội, trước hết là sự hình thành và phát triển giai cấp vô sản.

Mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã bộc lộ gay gắt, đó là mâu thuẫn giữa tính xã hội hóa của nền sản xuất với tính chất tư bản chủ nghĩa của sự chiếm hữu về tư liệu sản xuất và về của cải xã hội. Mâu thuẫn cơ bản về mặt xã hội là sự đối kháng của giai cấp vô sản với giai cấp tư sản. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đã trở thành phong trào rộng lớn, diễn ra ở nhiều quốc gia như: Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân thành phố Li-on (nước Pháp) năm 1831, phong trào Hiến chương Anh (1838 - 1848), phong trào công nhân ở thành phố Xi-lê-di (nước Đức) năm 1844... Những phong trào đấu tranh ấy đã chứng tỏ giai cấp công nhân đã phát triển, trở thành lực lượng chính trị độc lập.

Thực tiễn cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản cần có lý luận cách mạng khoa học để giải thích đúng đắn bản chất của chủ nghĩa tư bản, vai trò lịch sử của giai cấp vô sản, triển vọng phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản và tương lai của xã hội loài người nói chung. CNXH khoa học ra đời để giải đáp những vấn đề đó.

1.1.1.2. Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận

* *Tiền đề khoa học tự nhiên*

Cùng với thực tiễn kinh tế - xã hội, những thành tựu của khoa học tự nhiên cũng có vai trò quan trọng đối với sự ra đời của chủ nghĩa Mác nói chung, CNXH khoa học nói riêng. Bước sang thế kỷ XIX, khoa học tự nhiên phát triển mạnh mẽ với nhiều phát minh quan trọng. Những phát minh của khoa học tự nhiên làm bộc lộ rõ tính hạn chế của phương pháp tư duy siêu hình trước đó. Đồng thời, thông qua các phát minh, khoa học tự nhiên đã cung cấp tri thức để phát triển tư duy biện chứng vượt khỏi tính biện chứng tự phát của thời cổ đại và phép biện chứng duy tâm.

Đánh dấu sự phát triển của khoa học tự nhiên thời kỳ này, chúng ta không thể không đề cập đến ba phát minh vĩ đại. Đó là: định luật bảo toàn

và chuyển hóa năng lượng (của Mayer), thuyết tế bào (của Matthias Schleiden và Theodor Schwann) và thuyết tiến hóa (của Darwin). Với các phát minh đó, khoa học đã chỉ ra mối liên hệ thống nhất giữa những dạng tồn tại khác nhau, các hình thức vận động khác nhau, chỉ ra biện chứng của sự vận động và phát triển của nó. Những phát minh này là tiền đề khoa học cho sự ra đời của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, cơ sở phương pháp luận cho các nhà sáng lập CNXH khoa học nghiên cứu những vấn đề lý luận - chính trị đương thời.

* *Tiền đề tư tưởng lý luận*

Cùng với sự phát triển của khoa học tự nhiên, trong lĩnh vực khoa học xã hội thời kỳ này cũng có những thành tựu quan trọng như: Triết học cổ điển Đức mà tiêu biểu J.V.Ph. Hêghen (1770 - 1831) và L.V. Phoiobắc (1804 - 1872); kinh tế chính trị cổ điển Anh với A. Smith (1723 - 1790) và D. Ricardo (1772 - 1823); các học thuyết xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa không tưởng- phê phán như H.Xanh Ximông (1760 - 1825), S. Phuriê (1772 - 1837) và R. Ôoen (1771 - 1858).

Những nhà tư tưởng trên đã có những đóng góp nhất định cho nhân loại trên các phương diện như triết học, kinh tế học... Đặc biệt, những đóng góp của trào lưu CNXH không tưởng Pháp. Những giá trị mà CNXH không tưởng Pháp đã thể hiện tinh thần phê phán, lên án chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa với những bất công, xung đột. Đồng thời, trào lưu này cũng đã đưa ra những luận điểm có giá trị về xã hội tương lai như: về tổ chức và phân phối sản phẩm xã hội, vai trò của công nghiệp và khoa học kỹ thuật, yêu cầu xóa bỏ sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc, về sự nghiệp giải phóng phụ nữ và về vai trò lịch sử của nhà nước.

Bên cạnh những giá trị trên, CNXH không tưởng phê phán cũng chưa đựng những hạn chế nhất định: chưa phát hiện ra quy luật vận động và phát triển của xã hội loài người nói chung; bản chất, quy luật vận động và phát triển của chủ nghĩa tư bản nói riêng; chưa phát hiện ra lực lượng xã hội tiên phong có thể thực hiện cuộc chuyển biến cách mạng từ chủ nghĩa

tư bản lên chủ nghĩa cộng sản; chưa chỉ ra được các biện pháp để cải tạo xã hội đương thời để xây dựng xã hội mới... Những hạn chế này có yếu tố khách quan từ điều kiện lịch sử xã hội, cũng như về tầm nhìn và thế giới quan của các nhà CNXH không tưởng. Tuy nhiên, giá trị của CNXH không tưởng phê phán là đã tạo ra những tiền đề lý luận để C. Mác và Ph. Ăngghen kế thừa có chọn lọc, xây dựng và phát triển CNXH khoa học.

1.1.2. Vai trò của C. Mác và Ph. Ăngghen

Những điều kiện kinh tế - xã hội, khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận là những yếu tố khách quan cần thiết cho sự ra đời của học thuyết. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác nói chung, CNXH khoa học nói riêng gắn với vai trò quan trọng của C. Mác và Ph. Ăngghen.

Các Mác (5/5/1818 - 14/3/1883) là người sáng lập ra học thuyết. Ông sinh trưởng trong một gia đình trí thức, ở thành phố Torevo- tỉnh Ranh, nước Đức. Đây là vùng có nhiều ảnh hưởng của cuộc Cách mạng tư sản Pháp.

Phridorich Ăngghen (28/11/1820 - 5/8/1895), là người có vai trò quan trọng trong việc sáng lập, bảo vệ và phát triển học thuyết. Ông sinh ra trong một gia đình chủ xưởng dệt ở thành phố Bacmen, tỉnh Ranh, nước Đức.

C. Mác và Ph. Ăngghen sinh ra và trưởng thành ở nước Đức, nơi có nền văn hóa, tư tưởng phát triển rực rỡ so với châu Âu đương thời. Bằng sự kế thừa những giá trị của nhân loại, các ông đã sáng tạo ra học thuyết mới để phục vụ cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân; với mục tiêu giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động khỏi sự áp bức của các giai cấp thống trị, tiến tới giải phóng con người nói chung.

1.1.2.1. Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị

Sự hình thành thế giới quan duy vật biện chứng của C. Mác và Ph. Ăngghen là một quá trình. Các ông là những người nghiên cứu triết học của Hêghen và là những thành viên tích cực của phái Hêghen trẻ. Hai ông đã chuyển biến từ chủ nghĩa duy tâm sang chủ nghĩa duy vật, từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa.

Ảnh hưởng của truyền thống gia đình, nhà trường và các quan hệ xã hội khác đã hình thành ở Mác tinh thần nhân đạo và xu hướng yêu tự do. Ông đã say mê nghiên cứu triết học nhằm giải đáp vấn đề giải phóng con người mà lịch sử đặt ra. Tuy nhiên, từ năm 1843 trở về trước, ông chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa duy tâm và thể hiện sự ủng hộ đối với tầng lớp giai cấp tư sản cấp tiến.

Bước ngoặt chuyển biến thế giới quan của Mác diễn ra cuối năm 1843, với việc Mác phê phán triết học pháp quyền của Hêghen và qua đó phê phán triết học duy tâm của Hêghen. Trong khi phê phán triết học duy tâm của Hêghen, ông đã tiếp nhận quan điểm triết học duy vật của Phoiobắc. Song, ông cũng phê phán Phoiobắc đã xa rời những vấn đề chính trị - xã hội đương thời. Sự phê phán sâu rộng đối với triết học của Hêghen, cùng với ảnh hưởng quan niệm duy vật và nhân văn của triết học Phoiobắc đã đẩy mạnh xu hướng duy vật trong tư tưởng của C. Mác. Tháng 10 năm 1843, C. Mác tới Pari và đoạn tuyệt với chủ nghĩa duy tâm, chuyển sang chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản. Các bài viết của ông như: “*Bàn về vấn đề Do Thái*” và “*Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen - Lời nói đầu*”, đã đánh dấu hoàn thành sự chuyển biến đó.

Với “*Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen - Lời nói đầu*”, C.Mác đã phân tích, theo quan điểm duy vật, ý nghĩa lịch sử to lớn và cả hạn chế của cách mạng tư sản mà ông gọi là “*sự giải phóng chính trị*” hay “*cuộc cách mạng bộ phận*”. Ông đã phác thảo những nét đầu tiên về cuộc cách mạng mới, triệt để và chỉ ra lực lượng có khả năng thực hiện cuộc cách mạng đó là giai cấp vô sản.

Như vậy, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng triết học duy vật biện chứng và triết học duy vật lịch sử của C. Mác và cũng là quá trình hình thành CNXH khoa học. Quá trình ấy đã đưa ông từ bỏ vị trí giai cấp của mình đến với giai cấp vô sản và trở thành một trong các lãnh tụ vĩ đại của phong trào công nhân quốc tế.

Trong thời gian ấy, thế giới quan cách mạng của Ph. Ăngghen được hình thành độc lập với C. Mác. Khi còn học ở bậc trung học, Ph. Ăngghen

đã căm ghét sự độc đoán, chuyên quyền của bọn quan lại. Từ năm 1841, ông thường xuyên dự thính các bài giảng về triết học của trường Đại học Tổng hợp Béclin và tham gia vào nhóm Hêghen trẻ. Trong thời gian này, Ph. Ăngghen đã đọc *Bản chất đạo Cơ đốc* của Phoiobăc. Những tư tưởng của Phoiobăc trong tác phẩm này đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến thế giới quan của Ph. Ăngghen.

Từ mùa Thu năm 1842, Ph. Ăngghen sang sống ở nước Anh - trong khoảng gần hai năm. Việc nghiên cứu đời sống kinh tế và sự phát triển chính trị ở nước Anh, đồng thời tham gia vào phong trào công nhân đã dẫn đến bước chuyển biến căn bản trong thế giới quan và lập trường chính trị của Ph. Ăngghen.

Từ năm 1843, ông đã chuyển từ thế giới quan duy tâm sang thế giới quan duy vật, từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa. Quá trình chuyển biến đó được biểu hiện thông qua các tác phẩm như: *Lược thảo phê phán khoa kinh tế chính trị*, *Tình cảnh nước Anh*, *Quá khứ và hiện tại*, *Tômát Cáclây...* Ph. Ăngghen đã đứng trên lập trường duy vật và công sản để phê phán kinh tế chính trị học của A. Xmít, vạch trần quan điểm phản động của Tômát Cáclây, một người phê phán chủ nghĩa tư bản của giai cấp phong kiến.

1.1.2.2. Ba phát kiến vĩ đại của C. Mác và Ph. Ăngghen

* *Chủ nghĩa duy vật lịch sử*

Chủ nghĩa duy vật lịch sử là một trong những phát kiến vĩ đại mà C. Mác và Ph. Ăngghen đã để lại cho nhân loại. Việc sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử đã tạo ra cuộc cách mạng trong lịch sử triết học, đưa triết học Mác trở thành chủ nghĩa duy vật triệt để nhất.

C. Mác và Ph. Ăngghen đã kế thừa trực tiếp nền triết học cổ Đức với các nhà triết học tiêu biểu là Hêghen và Phoiobăc. Đối với triết học của Hêghen, các ông đã phê phán thế giới quan duy tâm, song đánh giá cao và kế thừa phép biện chứng mà Hêghen xây dựng. Các ông đã coi “phép biện chứng” là “hạt nhân hợp lý” trong triết học của Hêghen. Trong triết học của Phoiobăc, các ông đã kế thừa thế giới quan duy vật. Các ông khẳng

định, công lao to lớn của Phoiobăc đã không ngại đấu tranh chống lại triết học duy tâm Hêghen để bảo vệ triết học duy vật. Tuy nhiên, các ông cũng phê phán sự hạn chế của Phoiobăc đã không thấy được giá trị của “*phép biện chứng*” trong triết học của Hêghen. Vì thế, về cơ bản triết học của Phoiobăc vẫn dựa trên quan điểm siêu hình. Trên cơ sở phê phán, kế thừa có chọn lọc, C. Mác và Ph. Ăngghen đã sáng tạo ra hệ thống triết học mới, chủ nghĩa duy vật biện chứng.

C. Mác và Ph. Ăngghen đã vận dụng phép biện chứng duy vật để nghiên cứu xã hội đương thời, xã hội tư bản chủ nghĩa. Các ông đã phát hiện ra các quy luật vận động, phát triển của chủ nghĩa tư bản cũng như các quy luật chi phối vận động, phát triển của xã hội loài người. Các ông đã chứng minh sự vận động và phát triển của mỗi xã hội, cũng như lịch sử phát triển nhân loại, luôn tuân theo các quy luật của nó. Từ kết quả nghiên cứu đó, C. Mác và Ph. Ăng ghen đã khẳng định tính tất yếu về sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và sự ra đời của xã hội mới thay thế cho nó, chủ nghĩa cộng sản.

* *Học thuyết về giá trị thặng dư*

Học thuyết giá trị thặng dư là một trong các lý luận quan trọng mà các ông đã xây dựng và để lại cho nhân loại. Trên cơ sở thế giới quan duy vật, vận dụng những quan niệm duy vật lịch sử và những yếu tố hợp lý của kinh tế chính trị cổ điển Anh vào nghiên cứu nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, C. Mác và Ph. Ăng ghen đã sáng tạo ra bộ “*Tư bản*”. Ở “*Tư bản*”, các ông đã vạch ra bản chất của nền sản xuất đó là sự bóc lột của giai cấp sở hữu tư liệu sản xuất (giai cấp tư sản) đối với giai cấp không có tư liệu sản xuất phải đi bán sức lao động để kiếm sống (giai cấp vô sản). Đồng thời, các ông cũng chỉ ra phương thức mà giai cấp tư sản bóc lột giai cấp công nhân. Lý luận ấy hình thành “*Học thuyết về giá trị thặng dư*”. Với học thuyết về giá trị thặng dư, các ông đã khẳng định, về phương diện kinh tế, sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và sự ra đời của CNXH là tất yếu khách quan.

* *Học thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*

Học thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là một trong ba phát kiến vĩ đại của C. Mác và Ph. Ăngghen. Học thuyết này được các

ông xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư. Theo các ông, giai cấp công nhân có sứ mệnh thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới, xóa bỏ sự bóc lột giữa người với người. Với phát kiến này, những hạn chế lịch sử của CNXH không tưởng - phê phán đã được khắc phục triệt để. Đồng thời, thông qua đó, C. Mác và Ph. Ăngghen đã luận chứng và khẳng định về tính tất yếu về sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và sự ra đời của xã hội mới tiến bộ hơn, xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Học thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân có vị trí quan trọng trong chủ nghĩa Mác, là lý luận trung tâm xuyên suốt của CNXH khoa học.

1.1.3. Tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học

“Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” đã được C. Mác và Ph. Ăngghen xuất bản lần đầu tiên vào tháng Ba năm 1848. Đây là một tác phẩm có vai trò quan trọng trong học thuyết Mác. Tác phẩm ra đời trong điều kiện chủ nghĩa tư bản đã phát triển cao, thống trị ở châu Âu và bành trướng thế lực sang châu Phi, châu Á thông qua các cuộc chiến tranh xâm lược. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đã trở thành những phong trào rộng lớn. Các tư tưởng CNXH không tưởng tồn tại và thống trị đến lúc này đã bộc lộ nhiều hạn chế: không giải thích đúng đắn bản chất của chế độ tư bản chủ nghĩa; chưa thấy được vai trò, sứ mệnh của giai cấp công nhân trong việc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới...

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản gồm bốn chương (*Tự sản và vô sản; Những người vô sản và những người cộng sản; Văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa và Thái độ của những người cộng sản đối với các đảng đối lập*). Bên cạnh đó sau mỗi lần xuất bản, do những biến đổi của xã hội, các ông đã có sự bổ sung những điểm mới cho phù hợp. Song, vì tôn trọng lịch sử, nên những luận điểm được bổ sung ấy đã trình bày trong các *Lời tựa* (các năm 1882, 1883, 1888, 1890, 1892 và 1893). Sự ra đời của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã đưa chủ nghĩa Mác hình thành với ba

bộ phận cơ bản là Triết học, Kinh tế chính trị học và CNXH khoa học. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* khẳng định:

Cuộc đấu tranh giai cấp trong lịch sử loài người đã phát triển đến một giai đoạn mà giai cấp công nhân không thể tự giải phóng mình nếu không giải phóng loài người khỏi sự phân chia giai cấp, khỏi sự áp bức, bóc lột, bất công. Đồng thời, giai cấp vô sản không thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử nếu không tổ chức ra chính đảng của mình, Đảng được hình thành và phát triển xuất phát từ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Lôgic phát triển tất yếu của xã hội tư bản và cũng là thời đại tư bản chủ nghĩa là sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của CNXH là tất yếu như nhau.

Giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, đồng thời là lực lượng tiên phong trong quá trình xây dựng CNXH, chủ nghĩa cộng sản.

Những người cộng sản trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, cần thiết phải thiết lập liên minh với các lực lượng dân chủ để đánh đổ chế độ phong kiến chuyên chế, đồng thời không quên đấu tranh cho mục tiêu cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

Như vậy, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là cương lĩnh chính trị của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Đồng thời, tác phẩm này còn là ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, giải phóng loài người khỏi sự áp bức, bóc lột.

1.2. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1.2.1. C. Mác và Ph. Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học

1.2.1.1. Thời kỳ từ năm 1848 đến Công xã Pari

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm cách mạng ở châu Âu giai đoạn 1848 - 1851, C. Mác và Ph. Ăngghen tiếp tục phát hiện thêm nội dung của CNXH khoa học trên nhiều khía cạnh. Các ông đã cho thấy: để giành được

quyền thống trị về chính trị, giai cấp công nhân cần đập tan bộ máy nhà nước quan liêu và nhà nước tư sản, thiết lập chính quyền vô sản (một phạm trù mà các ông chưa đề xuất trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*) - công cụ chủ yếu để xây dựng CNXH; cần thực hiện liên minh công-nông để hình thành lực lượng cách mạng; cần nhận thức mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc - giải quyết vấn đề dân tộc trên lập trường của giai cấp công nhân; giữa xã hội tư bản và xã hội cộng sản là một thời kỳ chuyển biến cách mạng lâu dài, đó là “*Thời kỳ quá độ chính trị*” và nhà nước của thời kỳ đó là chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản.

Đánh dấu bước phát triển của thời kỳ này là sự ra đời bộ *Tư bản* (Tập I, năm 1864) mà nền tảng là nội dung lý luận về giá trị thặng dư trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Thông qua *Tư bản*, các ông đã làm sáng tỏ quy luật hình thành, tồn tại, phát triển và diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản, sự thay thế chủ nghĩa tư bản bằng CNXH là một tất yếu khách quan. Giai cấp công nhân là lực lượng xã hội quyết định lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa và xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa.

1.2.1.2. Thời kỳ sau Công xã Pari (1871) đến năm 1895

Sự ra đời của Công xã Pari (18/3/1871 - 28/5/1871) là kết quả của cuộc đấu tranh vũ trang của giai cấp công nhân Thành phố Pari chống lại nhà nước tư sản Pháp. Công xã Pari đã để lại những bài học to lớn cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Pháp nói riêng và phong trào công nhân quốc tế nói chung. Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm Công xã Pari, C. Mác và Ph. Ăngghen phát triển toàn diện CNXH khoa học. Các ông đã bổ sung và phát triển tư tưởng đập tan bộ máy nhà nước quan liêu, không đập tan toàn bộ bộ máy nhà nước tư sản nói chung. Các ông coi Công xã Pari là một hình thái nhà nước của giai cấp công nhân. Với “*Chóng Duyrinh*”(1878), Ph.Ăngghen đã luận chứng sự phát triển của CNXH từ không tưởng đến khoa học và đánh giá cao công lao của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Anh, Pháp (Xanhximông, Phuriê, O-oen...).

C. Mác và Ph. Ăngghen đã có những đóng góp to lớn cả về lý luận và thực tiễn, nhưng các ông chưa bao giờ coi học thuyết của mình đã đầy đủ,

hoàn thiện. Sau khi các ông qua đời, với những biến đổi sâu sắc của thực tiễn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, V.I.Lênin và các nhà lý luận tư tưởng của giai cấp công nhân sau này đã bảo vệ, bổ sung và phát triển học thuyết phù hợp với sự vận động, phát triển cách mạng của giai cấp công nhân.

1.2.2. V.I. Lenin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới

V.I. Lenin (22/4/1870 - 21/1/1924) là người đã kế tục xuất sắc sự nghiệp cách mạng và khoa học của C. Mác và Ph. Ăngghen. Ông đã bảo vệ, phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và trong hoàn cảnh mà chủ nghĩa Mác đã giành được ưu thế trong phong trào công nhân quốc tế. Những đóng góp to lớn của V.I.Lênin trong sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học có thể khái quát qua hai thời kỳ cơ bản là thời kỳ trước và sau Cách mạng Tháng Mười Nga (1917).

1.2.2.1. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga

Trên cơ sở tổng kết các sự kiện lịch sử diễn ra trong đòn sống kinh tế - xã hội của thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga; đồng thời kế thừa những di sản mà C. Mác và Ph. Ăngghen để lại, V.I.Lênin đã xây dựng hệ thống nguyên tắc cho một đảng mácxít kiểu mới của giai cấp công nhân.

Phát triển quan điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen về *khả năng thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa*, các ông đã cho rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa chỉ có thể thành công cùng một lúc trong nhiều nước. V.I. Lenin đã phân tích sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, ông gọi là chủ nghĩa đế quốc. Ở thời kỳ này, ông nhận thấy mâu thuẫn giữa các nước tư bản đã trở lên sâu sắc; sự phát triển không đồng đều giữa các nước trong hệ thống chủ nghĩa tư bản, sự hình thành hệ thống các dân tộc thuộc địa... V.I.Lênin đã đưa ra kết luận: cách mạng vô sản có thể nổ ra và thắng lợi ở một số nước, thậm chí ở một nước riêng lẻ, nơi chủ nghĩa tư bản chưa phải là phát triển nhất, nhưng là khâu yếu nhất trọng sợi dây truyền tư bản chủ nghĩa.

Phát triển *quan điểm cách mạng không ngừng* của C. Mác và Ph. Ăng ghen, đã được hai ông trình bày trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, những người cộng sản cần ủng hộ giai cấp tư sản lật đổ chế độ chuyên chế. Sau khi giai cấp tư sản thắng lợi, giai cấp công nhân mới chuyển sang làm cách mạng chống giai cấp tư sản cầm quyền. Thực tiễn từ nước Nga, một nước đế quốc chủ nghĩa, V.I.Lênin đã chủ trương thực hiện *cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới* với mục tiêu vừa đánh bại giai cấp phong kiến, đồng thời vừa cô lập, làm suy yếu giai cấp tư sản, chuyển ngay sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

V.I.Lênin đã dành nhiều thời gian cho việc *nghiên cứu về chuyên chính vô sản*: xác định bản chất dân chủ của chế độ chuyên chính vô sản; mối quan hệ giữa hai chức năng cơ bản của chuyên chính vô sản là chức năng giáo dục, tổ chức, xây dựng và chức năng cưỡng chế trong những điều kiện cần thiết để bảo vệ quyền lực chính trị của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Ông là người đầu tiên đề cập đến phạm trù *hệ thống chuyên chính vô sản* được coi như cơ cấu tổ chức mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản Bônsêvích lãnh đạo, Nhà nước Xô viết quản lý và tổ chức công đoàn.

Gắn hoạt động lý luận với thực tiễn cách mạng, V.I.Lênin trực tiếp lãnh đạo Đảng của giai cấp công nhân Nga tập hợp các tầng lớp nhân dân, xây dựng lực lượng đấu tranh chống chế độ Nga hoàng, tiến tới giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga.

1.2.2.2. Thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười Nga

Sau khi cùng với Đảng Cộng sản Bônsêvich lãnh đạo các tầng lớp nhân dân đấu tranh giành chính quyền, V.I.Lênin tiếp tục nghiên cứu lý luận để bàn về những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện mới - xây dựng chế độ xã hội mới. Lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của ông, trong giai đoạn này, được biểu hiện thông qua những tư tưởng cơ bản:

Tư tưởng về chuyên chính vô sản: Chuyên chính vô sản, theo V.I. Lênin, là một hình thức nhà nước mới, dân chủ đối với giai cấp vô sản và nhân dân lao động, đồng thời chuyên chính với giai cấp tư sản và các giai cấp bóc lột nói chung. Cơ sở và nguyên tắc của chuyên chính vô sản là liên

minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và toàn thể các tầng lớp nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân để thực hiện nhiệm vụ cơ bản của chuyên chính vô sản là thủ tiêu mọi chế độ người bóc lột người, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng về chế độ dân chủ: Theo V.I.Lênin, không có dân chủ thuần túy nói chung, dân chủ luôn gắn với chế độ nhất định. Ông khẳng định chỉ có dân chủ tư sản hay dân chủ XHCN. Sự khác biệt căn bản giữa hai chế độ dân chủ này là chế độ dân chủ vô sản so với bất cứ chế độ dân chủ tư sản nào, cũng dân chủ hơn gấp triệu lần; chính quyền xôviết so với nước cộng hòa dân chủ tư sản nhất thì cũng dân chủ hơn gấp triệu lần.

Tư tưởng về thời kỳ quá độ chính trị từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa công sản: Đây là một trong những tư tưởng quan trọng của V.I. Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học trong giai đoạn này. Ông đã phê phán các quan điểm của kẻ thù xuyên tạc về bản chất của chuyên chính vô sản chuyên quyền chỉ là bạo lực. Ông khẳng định, chuyên chính vô sản chỉ bạo lực với giai cấp tư sản và bọn áp bức bóc lột, chuyên chính vô sản do giai cấp công nhân đưa ra và thực hiện kiểu tổ chức lao động cao hơn so với chủ nghĩa tư bản, đây là nguồn sức mạnh, là điều đảm bảo cho thắng lợi hoàn toàn và tất nhiên của chủ nghĩa cộng sản.

Tư tưởng về cải cách hành chính bộ máy nhà nước: Cải cách hành chính bộ máy nhà nước, theo V.I.Lênin, là nội dung quan trọng khi bước vào xây dựng xã hội mới. Ông khẳng định, trước hết, phải có một đội ngũ những người cộng sản cách mạng đã được tôi luyện và tiếp sau phải có bộ máy nhà nước tinh gọn, không quan liêu.

Đối với *cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga*, V.I.Lênin nêu ra nhiều luận điểm khoa học độc đáo như: cần có *những bước quá độ nhỏ* trong thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa; giữ vững chính quyền xôviết và tiến hành điện khí hóa toàn quốc là những nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định để tiến lên chủ nghĩa xã hội; liên minh công - nông là nguyên tắc cao nhất trong chuyên chính vô sản; trí thức là lực lượng quan trọng để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; xây dựng nền công nghiệp hiện đại; điện khí hóa nền kinh tế quốc dân; cải tạo kinh tế tiểu nông theo

những nguyên tắc chủ nghĩa xã hội; xã hội hóa những tư liệu sản xuất cơ bản theo hướng xã hội chủ nghĩa; thực hiện cách mạng văn hóa; trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cần thiết phải phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

V.I.Lênin đặc biệt coi trọng *vấn đề dân tộc* trong hoàn cảnh đất nước có nhiều sắc tộc khác nhau. *Cương lĩnh dân tộc* được ông soạn thảo với các nguyên tắc: Quyền bình đẳng dân tộc, quyền dân tộc tự quyết và tình đoàn kết của giai cấp vô sản thuộc tất cả các dân tộc.

Sau thời kỳ nội chiến và chống lại kẻ thù xâm lược, từ tháng 3 năm 1921, Nhà nước xô viết đã chuyển sang thực hiện chính sách kinh tế mới (NEP). Nội dung của chính sách kinh tế mới đã góp phần ổn định và phát triển kinh tế, đồng thời tiếp tục củng cố, đoàn kết khối liên minh công nông.

Như vậy, với hoạt động của mình, V.I.Lênin không những bảo vệ mà còn có vai trò to lớn trong việc phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện mới. Trong lý luận cũng như trong thực tiễn, ông đã được lịch sử ghi nhận là vị lãnh tụ hàng đầu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

1.2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của chủ nghĩa xã hội từ sau khi V.I.Lênin qua đời cho đến nay

Sau khi V.I.Lênin qua đời, thế giới có nhiều biến đổi to lớn. Thế giới đã trải qua cuộc đại khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933). Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 - 1945) đã gây ra những hậu quả nặng nề cho nhân loại. Liên Xô, trong phe đồng minh chống phát xít, đã có những đóng góp to lớn để kết thúc chiến tranh, góp phần giải phóng loài người thoát khỏi thảm họa phát xít. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, cục diện thế giới có nhiều thay đổi. Sự hình thành hệ thống các nước chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới đã trở thành đối trọng với các nước tư bản chủ nghĩa.

J. Xtalin (18/02/1878 - 5/03/1953) là người lãnh đạo cao nhất của Đảng Cộng sản (Đảng Bôn sê vich) Nga (ông nhậm chức Tổng bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng năm 1922) và sau đó là Đảng Cộng sản Liên Xô. Sau khi V.I.Lênin qua đời, J. Xtalin là người kế nhiệm, trực tiếp vận

dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học. Với sự lãnh đạo của ông, cùng với Đảng Cộng sản Liên Xô đã đưa Liên bang Xô viết trở thành cường quốc chủ nghĩa xã hội.

Hội nghị đại biểu Đảng Cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa họp tại Mátxcova tháng 11/1957 đã nhất trí thông qua các nội dung tính quy luật chung của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên tinh thần những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học. Đó là: sự lãnh đạo của giai cấp công nhân mà hạt nhân là Đảng mácxít-lêninnít đối với quần chúng lao động tiến hành cách mạng vô sản thiết lập nền chuyên chính vô sản; liên minh của giai cấp công nhân với quần chúng cơ bản trong nông dân và các tầng lớp lao động khác; thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa và đào tạo một tầng lớp trí thức đông đảo trung thành với giai cấp công nhân, với nhân dân lao động, với sự nghiệp xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ sự áp bức dân tộc, xây dựng bình đẳng và tình hữu nghị anh em giữa các dân tộc; bảo vệ những thành quả của chủ nghĩa xã hội chống sự phá hoại của các kẻ thù bên ngoài và bên trong; sự đoàn kết của giai cấp công nhân nước này với giai cấp công nhân tất cả các nước khác, tức là chủ nghĩa quốc tế vô sản. Những nội dung mà Hội nghị thông qua đã thể hiện sự bổ sung và phát triển nhất định những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Hội nghị đại biểu của 81 Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế vào tháng 1/1960 tại Mátxcova đã phân tích tình hình quốc tế, xem xét đặc điểm của thời đại. Hội nghị đề cập những vấn đề quan trọng như: đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới, chống nguy cơ chiến tranh còn có khả năng xảy ra vì thực tế vẫn tồn tại những thế lực đế quốc; xây dựng cơ sở vật chất cần thiết, điện khí hóa nền kinh tế quốc dân, cơ giới và tự động hóa sản xuất.

Sau Hội nghị năm 1960, hoạt động lý luận và thực tiễn của các Đảng và công nhân được tăng cường hơn trước. Tuy nhiên, trong thời kỳ này cũng đã xuất hiện những bất đồng và cuộc đấu tranh gay gắt giữa những người theo chủ nghĩa Mác - Lênin với những người theo chủ nghĩa xét lại trong phong trào cộng sản quốc tế.

Đến những năm cuối thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, do sự tác động của nhiều yếu tố, mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Sự sụp đổ đó đã đặt ra cho các nước tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội nhiều bài học sâu sắc. Những Đảng Cộng sản kiên trì hệ tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lê nin đã từng bước ổn định, phát triển- tiêu biểu như Trung Quốc và Việt Nam.

Trung Quốc đã thực hiện công cuộc cải cách (1978) với mục tiêu kiên định xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc riêng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, Trung Quốc đã thu được nhiều thành tựu cả trên phương diện lý luận và thực tiễn. Với sự ổn định về chính trị, sự phát triển vượt bậc của khoa học - công nghệ đã đưa Trung Quốc hiện nay trở thành nền kinh tế thứ hai thế giới.

Ở Việt Nam, trước những biến động của thực tiễn và những khó khăn thách thức, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiến hành công cuộc đổi mới. Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (12/1986) đã thông qua đường lối đổi mới trên tinh thần *nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*. Trải qua quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những đóng góp nhất định những giá trị vào kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác - Lê nin. Đất nước Việt Nam đã thu được nhiều thành tựu to lớn. Chúng ta đã giữ vững ổn định chính trị; con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã được định hướng trong điều kiện mới. Nền kinh tế tăng trưởng tương đối cao, phát triển trong thời gian tương đối dài; đời sống của phần lớn nhân dân đã được cải thiện. Đất nước đã cơ bản thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Trên phương diện quốc tế, Việt Nam đã thoát khỏi tình trạng bị bao vây, cô lập của các thế lực đế quốc và hội nhập sâu rộng vào cộng đồng quốc tế. Chúng ta đã có những đóng góp quan trọng trong việc giải quyết những vấn đề chung được quốc tế ghi nhận. Việt Nam đã trở thành hình mẫu về xóa đói, giảm nghèo của thế giới...

Cùng với sự phát triển về lý luận và thực tiễn do Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam đem lại, những đóng góp của Đảng Cộng sản Cuba, Đảng Nhân dân cách mạng Lào và phong trào công

nhân quốc tế đã bồ sung nhất định vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại mới. Dưới sự lãnh đạo của các đảng Cộng sản, ở các nước xã hội chủ nghĩa đã thu được những thành tựu nhất định. Những thành tựu của các nước xã hội chủ nghĩa đạt được đã chứng minh cho sức sống và vai trò to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại ngày nay.

1.3. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, Ý NGHĨA HỌC TẬP CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học

Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học là những quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Với tư cách là một bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu, luận chứng sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; những điều kiện, cách thức để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Trên nền tảng lý luận và phương pháp luận Triết học và Kinh tế chính trị học mác - xít, Chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ ra những luận cứ chính trị - xã hội để khẳng định tính tất yếu của sự thay thế của chủ nghĩa xã hội cho chủ nghĩa tư bản. Song quá trình khách quan, có tính chất lịch sử tự nhiên này lại chỉ có thể thực hiện bằng việc phát huy nhân tố chủ quan, thông qua sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân do Đảng cộng sản lãnh đạo.

Chủ nghĩa xã hội khoa học có chức năng hướng dẫn giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình. Đồng thời, nó có nhiệm vụ luận chứng khoa học về tính tất yếu sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa xã hội gắn liền với sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân, địa vị, vai trò của quần chúng lao động do giai cấp công nhân lãnh đạo trong cuộc đấu tranh cách mạng xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Từ những vấn đề trên, có thể khẳng định, đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học là: *Các quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã*

hội cộng sản chủ nghĩa; những con đường và hình thức, phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

1.3.2. Phương pháp nghiên cứu

Chủ nghĩa xã hội khoa học sử dụng phương pháp luận chung nhất là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác - Lênin. Dựa trên phương pháp này, chủ nghĩa xã hội khoa học đã luận giải đúng đắn các quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, những quy luật chính trị - xã hội của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Để xây dựng hệ thống lý luận, chủ nghĩa xã hội khoa học không chỉ sử dụng duy nhất phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử mà còn sử dụng kết hợp với các phương pháp khác:

Phương pháp kết hợp lôgic và lịch sử, đây là phương pháp quan trọng đối với chủ nghĩa xã hội khoa học. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã nghiên cứu sự vận động và phát triển của lịch sử nhân loại, sự phát triển của phương thức sản xuất... để rút ra lôgich của lịch sử. Sự vận động và phát triển xã hội do sự tác động của các quy luật khác nhau. Từ sự phân tích ấy, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra lôgich tất yếu của sự ra đời của chủ nghĩa xã hội.

Phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội dựa trên các điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể là phương pháp có tính đặc thù của chủ nghĩa xã hội khoa học. Đối với chủ nghĩa xã hội khoa học, phương pháp này giúp cho việc khái quát lý luận có cơ sở vững chắc dựa trên các dữ kiện, những công trình điều tra, khảo sát, những dữ liệu thống kê... Phương pháp này còn làm giàu trí tuệ của người nghiên cứu bằng kiến thức phong phú trong đời sống thực tế xã hội. Vì thế, các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã không ngừng nghiên cứu, thu thập, tổng kết thực tiễn, khái quát lý luận để xây dựng lên học thuyết của mình.

Phương pháp so sánh cũng là một trong những phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học. Với phương pháp này

nhằm so sánh và làm sáng tỏ những điểm tương đồng và khác biệt trên phương diện chính trị - xã hội giữa phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa; giữa các loại hình thể chế chính trị và giữa các chế độ dân chủ - dân chủ tư sản và dân chủ XHCN; giữa các mô hình chủ nghĩa xã hội...

Các phương pháp có tính liên ngành: Chủ nghĩa xã hội khoa học là một khoa học chính trị - xã hội thuộc khoa học xã hội nói chung. Vì vậy, việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học cũng phải sử dụng các phương pháp của các khoa học xã hội nói chung như: phương pháp phân tích, tổng hợp, mô hình hóa... để nghiên cứu các khía cạnh chính trị - xã hội của các mặt hoạt động trong xã hội còn tồn tại giai cấp, đặc biệt trong chủ nghĩa tư bản và trong chủ nghĩa xã hội.

1.3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học

** Ý nghĩa lý luận*

- Nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học giúp chúng ta nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu về sự hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã hội mới, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, tiến bộ hơn hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội khoa học là vũ khí lý luận của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đấu tranh để giải phóng mình, giải phóng xã hội khỏi sự áp bức, bất công.

- Nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học góp phần định hướng chính trị- xã hội cho hoạt động thực tiễn của Đảng Cộng sản, Nhà nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học giúp Đảng và Nhà nước ta vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào thực tiễn của cách mạng Việt Nam nói chung cũng như quá trình thực hiện công cuộc đổi mới hiện nay nói riêng.

- Nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học giúp ta có cơ sở khoa học để nhận thức và đấu tranh chống lại những luận điểm xuyên tạc, sai trái, chống phá của các thế lực đối với sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta.

* Ý nghĩa thực tiễn

- Nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học cho ta nhận thức đúng đắn về sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, đây chỉ là sự sụp đổ của một mô hình xây dựng chủ nghĩa hội chứ không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội nói chung với tư cách là một xã hội tiến bộ hơn chủ nghĩa tư bản.

- Nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học giúp chúng ta kiên định và định hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong tình hình mới, điều kiện mới - thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng, kinh tế tri thức...

Từ những vấn đề trên, chúng ta có thể khẳng định, chủ nghĩa xã hội khoa học góp phần quan trọng vào việc giáo dục niềm tin khoa học cho nhân dân vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Niềm tin khoa học được hình thành trên cơ sở nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn. Niềm tin khoa học là sự thống nhất giữa nhận thức, tình cảm, ý chí và quyết tâm trở thành động lực tinh thần hướng con người đến hoạt động thực tiễn một cách chủ động, tự giác, sáng tạo và cách mạng.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích những tiền đề cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học? Ý nghĩa nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học trong giai đoạn hiện nay?
2. Những giai đoạn cơ bản trong tiến trình phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học?
3. Đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005): *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội.

[2] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh (2012): *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019): *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Tài liệu Tập huấn Giảng viên lý luận Chính trị, Hà nội.

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006): *Giáo trình Kinh tế chính trị học Mác - Lê nin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội.

[5] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005): *Giáo trình Triết học Mác - Lê nin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội.

[6] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh (2014): *Giáo trình Triết học Mác - Lê nin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội.

Chương 2

SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Trên cơ sở phân tích quy luật kinh tế của sự vận động của xã hội tư bản chủ nghĩa, chủ nghĩa Mác - Lênin đã làm sáng tỏ tính tất yếu diệt vong của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và sự ra đời tất yếu của phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa mà lực lượng duy nhất có sứ mệnh lãnh đạo cuộc cách mạng thực hiện bước chuyển biến lịch sử này chính là giai cấp công nhân. Phát hiện ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là một trong những công hiến vĩ đại nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là một phạm trù cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học. Việc vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là cơ sở khoa học để Đảng ta xây dựng đường lối cách mạng, đưa đất nước từ một nước phong kiến nửa thuộc địa lên làm chủ đất nước, bước vào thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thành tựu to lớn.

2.1. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân

* *Khái niệm giai cấp công nhân*

Trong các tác phẩm của mình, C.Mác, Ph.Ăngghen đã sử dụng nhiều thuật ngữ khác nhau để chỉ giai cấp công nhân như: “giai cấp công nhân”; “giai cấp vô sản”; “giai cấp công nhân công nghiệp”; “giai cấp vô sản công nghiệp”; “giai cấp lao động trong thế kỷ XIX”; “giai cấp công nhân đại công nghiệp cơ khí”; “giai cấp công nhân hiện đại”; “giai cấp những

người lao động làm thuê”, “công nhân nông nghiệp”, “công nhân thương nghiệp”, “công nhân khai khoáng”, “vô sản trí thức”,... Sở dĩ có hiện tượng này vì khi nghiên cứu giai cấp công nhân, C.Mác, Ph.Ăngghen đã tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Về bản chất, chúng có chung một nội hàm với những đặc trưng cơ bản, thuộc tính bản chất để biểu thị về giai cấp công nhân hiện đại.

Trong phạm vi của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân có hai đặc trưng cơ bản sau:

Thứ nhất, xét về phương thức lao động của giai cấp công nhân:

Giai cấp công nhân là những tập đoàn người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và có trình độ xã hội hoá ngày càng cao, do vậy, đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến. Đây là đặc trưng cơ bản nhất để phân biệt giai cấp công nhân với các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội.

Yêu cầu của sản xuất công nghiệp đòi hỏi phải ứng dụng nhanh những thành tựu của khoa học, kỹ thuật, công nghệ vào quá trình sản xuất, làm cho trình độ của công cụ sản xuất ngày càng hiện đại và tất yếu thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển mang trình độ xã hội hoá ngày càng cao.

Trình độ xã hội hoá của lực lượng sản xuất được thể hiện chủ yếu ở sự hoàn thiện công cụ lao động, ở quy mô của sản xuất, của năng suất lao động xã hội và ở trình độ phân công lao động xã hội mang tính quốc tế hoá và toàn cầu hoá...

Thứ hai, xét về địa vị của giai cấp công nhân trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa:

Trong chủ nghĩa tư bản, với tư cách là một giai cấp, giai cấp công nhân không nắm giữ tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội, mà tư liệu sản xuất của xã hội về cơ bản do giai cấp tư sản nắm giữ và chi phối. (Với nghĩa này nên C.Mác gọi giai cấp công nhân là giai cấp vô sản). Nhưng để duy trì cuộc sống của mình và gia đình, giai cấp công nhân buộc phải bán sức lao động cho nhà tư bản và tất yếu bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư. Trong chủ nghĩa tư bản, vì mục tiêu lợi nhuận tối đa nên giai cấp

tư sản dùng mọi thủ đoạn để bóc lột sức lao động của giai cấp công nhân một cách nặng nề. Do vậy, giai cấp công nhân trở thành lực lượng đối kháng trực tiếp với giai cấp tư sản.

Vận dụng những quan điểm cơ bản của học thuyết Mác về giai cấp công nhân trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga Xô viết, V.I.Lênin đã làm rõ hơn vai trò của giai cấp công nhân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa và trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong các nước định hướng lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân đã giữ vị trí lãnh đạo xã hội và cùng toàn thể nhân dân lao động trở thành người làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội.

Dựa trên những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lenin về giai cấp công nhân có thể định nghĩa khái quát về giai cấp công nhân như sau:

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với nền sản xuất công nghiệp hiện đại, với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất có tính chất xã hội hóa ngày càng cao; là lực lượng cơ bản trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tái sản xuất ra của cải vật chất và cải tạo các quan hệ xã hội; đại biểu cho lực lượng sản xuất hiện đại, phương thức sản xuất tiên tiến; lấy chủ nghĩa Mác - Lenin làm nền tảng tư tưởng; có sứ mệnh tổ chức, lãnh đạo tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản ở mỗi nước và trên phạm vi toàn thế giới.

Ở các nước tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân là những người không có, hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất, làm thuê cho giai cấp tư sản và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân cùng nhân dân lao động làm chủ tư liệu sản xuất chủ yếu và cùng nhau hợp tác lao động vì lợi ích chung của toàn xã hội, trong đó có lợi ích chính đáng của mình.

* *Đặc điểm chủ yếu của giai cấp công nhân:*

Là giai cấp lao động trong nền sản xuất công nghiệp có trình độ kỹ thuật và công nghệ hiện đại của xã hội. Là giai cấp lao động sản xuất vật chất chủ yếu của xã hội (với trình độ tay nghề ngày càng cao, đồng thời

cũng ngày càng có những sáng chế, phát minh lý thuyết được ứng dụng ngay trong sản xuất). Vì thế giai cấp công nhân là giai cấp có vai trò quyết định nhất sự tồn tại và phát triển của xã hội.

Có lợi ích cơ bản đối lập với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản. Do đó, giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để.

Là “giai cấp dân tộc” - vừa có quan hệ quốc tế, vừa có bản sắc dân tộc, và chịu trách nhiệm trước hết với dân tộc mình.

Có hệ tư tưởng riêng của giai cấp mình: đó là chủ nghĩa Mác - Lênin phản ánh sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, đồng thời hệ tư tưởng đó dẫn dắt quá trình giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình nhằm giải phóng xã hội, giải phóng con người. Giai cấp công nhân có Đảng tiên phong của mình là Đảng Cộng sản.

2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

2.1.2.1. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Trong thời kỳ chuyển biến cách mạng của xã hội loài người từ hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế - xã hội khác cao hơn luôn có một giai cấp đứng ở trung tâm, đóng vai trò là lực lượng chủ yếu và lãnh đạo quá trình chuyển biến đó. Giai cấp này có nhiệm vụ lịch sử thủ tiêu chế độ cũ, xây dựng chế độ mới phù hợp với yêu cầu khách quan của tiến trình lịch sử và do chính địa vị khách quan của giai cấp đó trong xã hội đương thời quy định. Toàn bộ những nhiệm vụ, mục tiêu đó được gọi là sứ mệnh lịch sử của một giai cấp.

** Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*

Nói một cách khái quát sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là: Tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, thủ tiêu chế độ tư bản và tiền tư bản chủ nghĩa, xoá bỏ áp bức bóc lột giành chính quyền, giải phóng mình đồng thời giải phóng nhân dân lao động và toàn nhân loại. Từng bước xây dựng chính quyền mới, chế độ xã hội mới - xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa văn minh.

Khẳng định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Ph.Ăngghen viết: “Thực hiện sự nghiệp giải phóng thế giới ấy - đó chính là sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản hiện đại”. Quá trình thực hiện sứ mệnh phải tiến hành theo hai bước: *Bước thứ nhất*: giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động. *Bước thứ hai*: tiến hành cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa văn minh. Đó là giai đoạn khó khăn và lâu dài.

Hai bước này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau: giai cấp công nhân không thể thực hiện được bước thứ nhất thì cũng không thực hiện được bước thứ hai nhưng bước thứ hai là quan trọng nhất để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

Ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản, thiết lập nền chuyên chính nhân dân, xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân, từ đó đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được thể hiện trên ba nội dung chính sau:

Nội dung kinh tế:

Một là, giai cấp công nhân là chủ thể của quá trình sản xuất ra của cải vật chất, họ có sứ mệnh sản xuất của cải vật chất ngày càng nhiều để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của con người và xã hội. Bằng cách đó, giai cấp công nhân tạo tiền đề vật chất, kỹ thuật cho sự ra đời của xã hội mới.

Hai là, giai cấp công nhân đóng vai trò là lực lượng nòng cốt trong quá trình giải phóng lực lượng sản xuất, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển để tạo cơ sở cho quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa ra đời. Để thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân phải là lực lượng đi đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường.

Nội dung chính trị - xã hội:

Một là, giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản tiến hành cách mạng chính trị để lật đổ

chính quyền thống trị của giai cấp tư sản, xóa bỏ chế độ bóc lột, áp bức của chủ nghĩa tư bản, giành quyền lực về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Thiết lập nhà nước kiểu mới, mang bản chất giai cấp công nhân, xây dựng nền dân chủ XHCN, thực hiện quyền lực của nhân dân, quyền dân chủ và làm chủ xã hội của tuyệt đại đa số nhân dân lao động.

Hai là, phải tiến hành xoá bỏ giai cấp bóc lột, phải xoá bỏ giai cấp nói chung, tạo ra sự bình đẳng trong quan hệ giữa người với người.

Nội dung văn hóa, tư tưởng:

Một là, cải tạo, từng bước xoá bỏ cái cũ lỗi thời, lạc hậu, xây dựng cái mới, tiến bộ trong lĩnh vực ý thức tư tưởng, trong tâm lý, lối sống và trong đời sống tinh thần xã hội; đấu tranh để khắc phục ý thức hệ tư sản và các tàn dư của các hệ tư tưởng cũ.

Hai là, xây dựng và củng cố ý thức hệ tiên tiến của giai cấp công nhân, đó là chủ nghĩa Mác - Lê nin. Phát triển văn hóa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đạo đức và lối sống mới xã hội chủ nghĩa.

Tựu chung lại, giai cấp công nhân có vai trò quan trọng trong lịch sử toàn nhân loại. Họ chính là lực lượng lãnh đạo các sự nghiệp: sự nghiệp giải phóng giai cấp; sự nghiệp giải phóng xã hội và dân tộc; sự nghiệp giải phóng người lao động và sự nghiệp giải phóng con người.

2.1.2.2. Đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Thứ nhất, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân xuất phát từ những tiền đề kinh tế - xã hội của nền sản xuất mang tính xã hội hóa với hai biểu hiện nổi bật là:

Xã hội hóa sản xuất làm xuất hiện những tiền đề vật chất, thúc đẩy sự phát triển của xã hội, thúc đẩy sự vận động của mâu thuẫn cơ bản trong lòng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Sự xung đột giữa tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất với tính chất chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất là nội dung kinh tế - vật chất của mâu thuẫn cơ bản đó trong chủ nghĩa tư bản.

Quá trình sản xuất mang tính xã hội hóa đã sản sinh ra giai cấp công nhân và rèn luyện nó thành chủ thể thực hiện sứ mệnh lịch sử. Do mâu thuẫn về lợi ích cơ bản không thể điều hòa giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, nên mâu thuẫn này trở thành động lực chính cho cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội hiện đại.

Thứ hai, thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là sự nghiệp cách mạng của bản thân giai cấp công nhân cùng với đồng bào quần chúng và mang lại lợi ích cho đa số. Cụ thể:

Cuộc cách mạng xã hội do giai cấp công nhân lãnh đạo là cuộc cách mạng mang lại lợi ích cho đại đa số quần chúng nhân dân. Cuộc cách mạng này hướng tới xây dựng một xã hội mới dựa trên chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội, xóa bỏ triệt để tính chất tư nhân về tư liệu sản xuất, hướng tới một chế độ xã hội thực sự của dân, do dân, vì dân, chấm dứt vĩnh viễn chế độ bóc lột người.

Giai cấp công nhân chỉ có thể tự giải phóng mình thông qua việc đồng thời giải phóng các giai cấp bị áp bức bóc lột khác, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Thông qua đội tiền phong của mình là Đảng cộng sản, giai cấp công nhân sẽ thực hiện sứ mệnh lịch sử bằng một cuộc cách mạng triệt để không chỉ xóa bỏ sự thống trị áp bức của chủ nghĩa tư bản mà còn xây dựng thành công chế độ xã hội mới - xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Đây là một tiến trình lịch sử lâu dài, nhiều bước đi, nhiều chặng đường nhưng thắng lợi nhất định sẽ thành công.

Thứ ba, việc giai cấp công nhân giành lấy quyền lực thống trị xã hội là tiền đề để cải tạo toàn diện, sâu sắc và triệt để xã hội cũ, xây dựng xã hội mới với mục tiêu cao nhất là giải phóng con người. Cụ thể:

Cuộc cách mạng mà giai cấp công nhân thực hiện khác về chất nên không phải là sự thay thế chế độ bóc lột người này bằng chế độ bóc lột người khác, mà là nhằm xóa bỏ triệt để tình trạng bóc lột, áp bức và nô dịch con người.

Cuộc cách mạng mà giai cấp công nhân thực hiện nhằm xóa bỏ sự thống trị của giai cấp tư sản, thiết lập chính quyền của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, hướng tới dân chủ, văn minh thực sự cho con người.

2.1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

2.1.3.1. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Thứ nhất, do địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa quy định:

Giai cấp công nhân là một bộ phận và là bộ phận quan trọng nhất trong bộ phận cấu thành lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa. Họ đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, có tính chất xã hội hoá cao. Do đó, họ là lực lượng quyết định phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, là lực lượng lãnh đạo xây dựng xã hội mới.

Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân hoàn toàn không có hoặc có rất ít tư liệu sản xuất, là người lao động làm thuê cho giai cấp tư sản và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư nặng nề nhất. Do vậy, lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân đối lập trực tiếp với lợi ích của giai cấp tư sản.

Lợi ích của giai cấp công nhân phù hợp với lợi ích cơ bản của nhân dân lao động, phù hợp với sự phát triển và tiến bộ xã hội, nên giai cấp công nhân có thể dễ dàng tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản.

Giai cấp công nhân gắn liền với nền đại công nghiệp, sống tập trung ở các khu công nghiệp, ở các thành phố lớn nên giai cấp công nhân có khả năng tập hợp được lực lượng, đoàn kết với các tầng lớp nhân dân lao động khác trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản để giải phóng mình và giải phóng toàn xã hội.

Thứ hai, do đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân

Giai cấp công nhân là giai cấp tiên phong cách mạng và có tinh thần cách mạng triệt để nhất.

Giai cấp công nhân là giai cấp tiên phong cách mạng vì họ đại biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến gắn liền với những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại. Do yêu cầu khách quan của quá trình sản xuất công nghiệp với sự thay đổi liên tục của công nghệ, giai cấp công nhân thường xuyên được cập nhật tri thức mới, tiên tiến của thời đại để đáp ứng yêu cầu của quá trình sản xuất mới.

Giai cấp công nhân được trang bị một lý luận khoa học, cách mạng là chủ nghĩa Mác - Lê nin, là lực lượng luôn đi đầu trong mọi phong trào cách mạng theo mục tiêu xóa bỏ xã hội cũ lạc hậu, xây dựng xã hội mới tiến bộ, nhờ đó có thể tập hợp được đông đảo các giai cấp, tầng lớp khác vào phong trào cách mạng của mình.

Giai cấp công nhân bị giai cấp tư sản bóc lột, có lợi ích căn bản đối lập trực tiếp với lợi ích của giai cấp tư sản. Điều kiện sống, điều kiện lao động trong chế độ tư bản chủ nghĩa đã chỉ cho họ thấy: họ chỉ có thể được giải phóng bằng cách giải phóng toàn xã hội khỏi chế độ tư bản chủ nghĩa và lợi ích của giai cấp công nhân chỉ thực sự được bảo đảm khi xóa bỏ triệt để chế độ tư hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và các hình thức tư hữu khác, thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

Giai cấp công nhân có ý thức tổ chức kỷ luật cao. Do trong điều kiện kỹ thuật, công nghệ của nền đại công nghiệp đòi hỏi người công nhân phải tuân thủ một cách nghiêm ngặt kỷ luật, nên ý thức kỷ luật của người công nhân được rèn luyện ngay từ trong phân xưởng, xí nghiệp.

Trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản thống trị - một giai cấp có nhiều tiềm lực kinh tế, một bộ máy đàn áp khống lồ với nhiều thủ đoạn tinh vi, thâm độc, thì ý thức tổ chức, kỷ luật của giai cấp công nhân cũng được rèn luyện trong đó.

Giai cấp công nhân có bản chất quốc tế. Giai cấp công nhân ở các nước tư bản nói chung đều có địa vị kinh tế - xã hội giống nhau: Là con đẻ của nền đại công nghiệp, bị giai cấp tư sản bóc lột, áp bức, có mục tiêu đấu tranh chung là xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội nên họ dễ dàng đoàn kết được với nhau.

Giai cấp tư sản cũng là một lực lượng quốc tế, giai cấp tư sản các nước cũng liên kết với nhau để áp bức và bóc lột giai cấp công nhân. Muốn chiến thắng giai cấp công nhân không chỉ đoàn kết giai cấp công nhân nước mình, giai cấp công nhân thế giới mà còn phải đoàn kết với các tầng lớp nhân dân lao động khác nữa. Điều này chỉ có giai cấp công nhân mới làm được vì lợi ích của giai cấp công nhân về cơ bản phù hợp với lợi ích của các tầng lớp nhân dân lao động khác. Lợi ích dân tộc không tách rời lợi ích quốc tế.

2.1.3.2. Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử

Thứ nhất, sự phát triển của giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng

Về số lượng: Giai cấp công nhân chẳng những ngày càng tăng lên rõ rệt ở tất cả các nước, kể cả trong nền “kinh tế tri thức” như hiện nay, mà còn đa dạng hơn các loại cơ cấu giai cấp công nhân với nhiều ngành nghề ngày càng phong phú, phát triển, tinh vi hơn.

Về chất lượng: bản thân giai cấp công nhân luôn có sự nâng cao về học vấn, về khoa học công nghệ và tay nghề. Từ hoạt động kinh tế, đấu tranh kinh tế trước mắt, đã từng bước hoạt động chính trị, đấu tranh chính trị, thông qua các tổ chức nghiệp đoàn, công đoàn, từng bước có ý thức giai cấp, giác ngộ giai cấp và cao nhất là dẫn đến hình thành đảng tiên phong là Đảng Cộng sản.

Vì thế, bản thân giai cấp công nhân trở thành cơ sở chính trị căn bản nhất của Đảng Cộng sản.

Thứ hai, Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình.

Tự bản thân mình, giai cấp công nhân không thể thực hiện được sứ mệnh lịch sử. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là khách quan, song để biến khả năng khách quan thành hiện thực thì phải thông qua những nhân tố chủ quan. Trong những nhân tố ấy, việc thành lập Đảng Cộng sản

với lý luận tiên phong, trung thành với sự nghiệp, lợi ích giai cấp là nhân tố quyết định đảm bảo cho việc thực hiện sứ mệnh lịch sử thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Đảng Cộng sản là chính đảng của giai cấp công nhân, là đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu, lãnh tụ chính trị của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng Cộng sản bao gồm những bộ phận tiên tiến của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động. Đảng Cộng sản lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, lấy nguyên tắc tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản của mình.

Như vậy, Đảng Cộng sản mang bản chất giai cấp công nhân, không tách rời với giai cấp công nhân, nhân dân lao động.

Tính tắt yếu ra đời Đảng Cộng sản:

Sự thâm nhập của chủ nghĩa Mác vào phong trào công nhân dẫn đến sự hình thành chính đảng của giai cấp công nhân. V.I.Lê nin chỉ ra rằng, Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân.

Nhưng trong mỗi nước, sự kết hợp ấy là sản phẩm của lịch sử lại được thực hiện bằng những con đường đặc biệt, tùy theo điều kiện không gian và thời gian. Ở nhiều nước thuộc địa, nửa thuộc địa thì Đảng Cộng sản ra đời là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

Đảng Cộng sản ra đời đánh dấu sự phát triển nhảy vọt của phong trào công nhân từ tự phát lên tự giác, cuộc đấu tranh vì lợi ích kinh tế trong giới hạn của chủ nghĩa tư bản cho phép chuyển sang cuộc đấu tranh chính trị nhằm lật đổ giai cấp tư sản, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Mối quan hệ giữa giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản:

Đảng Cộng sản là tổ chức chính trị cao nhất của giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích và trí tuệ của giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động.

Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội - giai cấp của Đảng Cộng sản, là nguồn bồi sung lực lượng phong phú của Đảng, Đảng là đội tiên phong chiến đấu, là bộ tham mưu của giai cấp, là biểu hiện tập trung lợi ích, nguyện vọng, phẩm chất, trí tuệ của giai cấp công nhân và của dân tộc. Những người là đảng viên Đảng Cộng sản có thể không phải là giai cấp công nhân nhưng phải là người giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và đứng trên lập trường của giai cấp công nhân.

Với một Đảng Cộng sản chân chính thì sự lãnh đạo của đảng cũng chính là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Đảng thể hiện vai trò tiên phong trong cả lí luận và hành động cách mạng. Đảng Cộng sản có những lợi ích cơ bản thông nhất với lợi ích của giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động, vì thế Đảng có thể thực hiện giác ngộ quần chúng nhân dân, đưa họ tham gia phong trào cách mạng.

2.2. GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ VIỆC THỰC HIỆN SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN HIỆN NAY

2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay

* *Khái niệm giai cấp công nhân hiện nay:* là những tập đoàn người sản xuất và dịch vụ bằng phương thức lao động công nghiệp tạo nên cơ sở vật chất cho sự tồn tại và phát triển của thế giới hiện nay.

* *Điểm tương đồng và khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại với giai cấp công nhân truyền thống thế kỉ XIX*

Thứ nhất, về điểm tương đồng:

Giai cấp công nhân hiện nay vẫn đang là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội hiện đại. Họ là chủ thể của quá trình sản xuất công nghiệp hiện đại mang tính chất xã hội hóa ngày càng cao. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa vẫn là cơ sở khách quan để giai cấp công nhân hiện đại phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng.

Giai cấp công nhân hiện đại vẫn bị giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản bóc lột giá trị thặng dư. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa với chế độ

sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa sản sinh ra tình trạng bóc lột này vẫn tồn tại - đó cũng vẫn là nguyên nhân cơ bản, sâu xa của đấu tranh giai cấp trong xã hội hiện đại ngày nay.

Phong trào công sản và công nhân ở nhiều nước vẫn luôn là lực lượng đi đầu trong các cuộc đấu tranh vì hòa bình, hợp tác và phát triển, vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.

Từ những điểm tương đồng của giai cấp công nhân hiện đại so với giai cấp công nhân thế kỉ XIX, có thể khẳng định: Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lenin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân vẫn mang giá trị khoa học và cách mạng, vẫn có ý nghĩa thực tiễn to lớn, chỉ đạo cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay của giai cấp công nhân, phong trào công nhân và quần chúng lao động, chống chủ nghĩa tư bản và lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển của thế giới ngày nay.

Thứ hai, về những biến đổi và khác biệt

Giai cấp công nhân là một phạm trù lịch sử, do vậy cùng với tiến trình của lịch sử, giai cấp công nhân cũng có những biến đổi và khác biệt.

Xét về phương thức lao động: Dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, dưới sự tác động mạnh mẽ của kinh tế tri thức, giai cấp công nhân có trình độ văn hóa, kỹ thuật tay nghề ngày càng cao, từ đó hình thành bộ phận công nhân trình độ cao, nhưng vẫn trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất vật chất, gọi là công nhân tri thức (hay công nhân cổ cồn). Sự bóc lột của giai cấp tư sản đối với bộ phận công nhân này chuyển từ bóc lột theo chiều rộng sang bóc lột theo chiều sâu, nặng nề hơn nhưng với những hình thức tinh vi hơn.

Xét về vị trí trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa: Một bộ phận công nhân đã có một số tư liệu sản xuất nhỏ hoặc có cổ phần trong các xí nghiệp tư bản chủ nghĩa. Tuy nhiên, số tư liệu sản xuất và cổ phần mà công nhân có chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ, tuyệt đại bộ phận tư liệu sản xuất vẫn nằm trong tay giai cấp tư sản và giai cấp công nhân về cơ bản vẫn phải bán sức lao động làm thuê cho nhà tư bản. Những biểu hiện mới nêu trên một mặt không làm thay đổi bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản.

Theo báo cáo của ILO (Tổng liên đoàn Lao động thế giới) nếu tỷ suất bóc lột giá trị thặng dư ở thế kỷ XIX là 1/20 thì hiện nay tỷ suất bóc lột giá trị thặng dư đã tăng lên ghê gớm: 1/300. Mặt khác, những biểu hiện mới của giai cấp công nhân hiện đại cũng đang đặt ra những khó khăn, thách thức mới cho các Đảng cộng sản trong việc tập hợp, tổ chức công nhân đấu tranh chống lại sự áp bức bóc lột của giai cấp tư sản trong chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Về trình độ: Ngày nay, công nhân được đào tạo chuẩn mực và thường xuyên được đào tạo lại, đáp ứng được sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ trong nền sản xuất. Hao phí lao động hiện đại chủ yếu là hao phí về trí lực chứ không còn thuần túy là hao phí sức lực cơ bắp. Cùng với nhu cầu về vật chất, nhu cầu về tinh thần của công nhân cũng ngày càng tăng, phong phú đa dạng hơn và đòi hỏi chất lượng hưởng thụ tinh thần cao hơn.

Với tri thức và khả năng làm chủ công nghệ, với năng lực sáng tạo trong nền sản xuất hiện đại, giai cấp công nhân đang có thêm điều kiện vật chất để tự giải phóng. Công nhân hiện đại với trình độ tri thức và làm chủ công nghệ cao, với sự phát triển của năng lực trí tuệ trong kinh tế tri thức, trở thành nguồn lực cơ bản, nguồn vốn xã hội quan trọng nhất trong các nguồn vốn xã hội hiện đại.

Xét về cơ cấu giai cấp: Trong bối cảnh của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0, công nhân hiện đại ngày càng tăng về số lượng và nâng cao hơn nữa về mặt chất lượng. Bên cạnh đó giai cấp công nhân hiện đại có những thay đổi lớn về cơ cấu trong nền sản xuất. Số lượng lao động trong ngành công nghiệp dịch vụ, thương mại, điện tử, viễn thông gia tăng ngày càng lớn, số lượng công nhân lao động trong các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp nông nghiệp giảm đi rõ nét. Lý do cho sự thay đổi cơ cấu lao động trong nền sản xuất hiện đại là do sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất và khoa học công nghệ làm cho máy móc thiết bị ngày càng hiện đại, giúp thay thế sức lao động của con người ở mọi cấp độ.

Tính chất xã hội hóa của lao động công nghiệp mang nhiều biểu hiện mới: Sản xuất công nghiệp trong thế giới toàn cầu hóa đang mở rộng hình thành “chuỗi giá trị toàn cầu”. Tính chất xã hội hóa trong sản xuất hiện đại dựa trên sự phát triển của công nghiệp và công nghệ cao đã xuất hiện những hình thức liên kết mới, những mô hình về kiểu lao động mới như “xuất khẩu lao động tại chỗ”, “việc làm tại nhà”, “nhóm chuyên gia quốc tế”, “quốc tế hóa các tiêu chuẩn sản xuất công nghiệp”. Đây là lý do làm cho lực lượng sản xuất hiện đại vượt ra khỏi phạm vi quốc gia - dân tộc và mang tính chất quốc tế, trở thành lực lượng sản xuất của thế giới toàn cầu.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp lãnh đạo và Đảng Cộng sản trở thành Đảng cầm quyền.

Đó chính là những biến đổi mới của giai cấp công nhân hiện nay so với giai cấp công nhân thế kỷ XIX. Tuy nhiên, những biến đổi và khác biệt đó vẫn không làm mất đi sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân mà càng khẳng định hơn nữa giá trị của học thuyết Mác - Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện đại trong bối cảnh mới.

2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thế giới hiện nay

** Về nội dung kinh tế - xã hội*

Thông qua vai trò của giai cấp công nhân trong quá trình sản xuất với công nghệ hiện đại, năng suất, chất lượng cao, đảm bảo cho phát triển bền vững, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đối với sự phát triển xã hội ngày càng thể hiện rõ. Sự phát triển sản xuất của chủ nghĩa tư bản trong thế giới ngày nay với sự tham gia trực tiếp của giai cấp công nhân và các lực lượng lao động - dịch vụ trình độ cao lại chính là nhân tố kinh tế - xã hội thúc đẩy sự chín muồi các tiền đề của chủ nghĩa xã hội trong lòng tư bản chủ nghĩa.

Mâu thuẫn lợi ích cơ bản giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản ngày càng sâu sắc ở từng quốc gia và trên phạm vị toàn cầu. Toàn cầu hóa hiện nay vẫn mang đậm tính chất tư nhân tư bản chủ nghĩa với những bất

công và bất bình đẳng xã hội lại thúc đẩy cuộc đấu tranh chống chế độ bóc lột giá trị thặng dư trên phạm vi thế giới, phần đầu cho việc xác lập một trật tự xã hội mới công bằng và bình đẳng, đó là từng bước thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong kinh tế - xã hội.

* Về nội dung chính trị - xã hội

Ở các nước tư bản chủ nghĩa, mục tiêu đấu tranh của giai cấp công nhân và lao động là chống bất công và bất bình đẳng xã hội. Mục tiêu lâu dài là giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa, nơi các Đảng Cộng sản đã trở thành Đảng cầm quyền, mục tiêu là lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới, giải quyết thành công các nhiệm vụ trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

* Về nội dung văn hóa, tư tưởng

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng được thể hiện như sau:

Cuộc đấu tranh ý thức hệ là cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Cuộc đấu tranh này đang diễn ra phức tạp và quyết liệt, nhất là trong nền kinh tế thị trường phát triển với những tác động mặt trái của nó. Khi hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới tan rã, phong trào cách mạng thế giới đang phải vượt qua những thoái trào tạm thời thì niềm tin vào lý tưởng xã hội chủ nghĩa cũng đứng trước những thách thức càng làm cho cuộc đấu tranh lý luận giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội trở nên phức tạp và gay gắt hơn.

Giai cấp công nhân phải đấu tranh để bảo vệ các giá trị như lao động, sáng tạo, công bằng, dân chủ, bình đẳng, tự do. Đấu tranh để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản, giáo dục nhận thức và củng cố niềm tin khoa học đối với lý tưởng, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động, giáo dục và thực hiện chủ nghĩa quốc tế chân chính của giai cấp công nhân trên cơ sở phát huy chủ nghĩa yêu nước

và tinh thần dân tộc cũng chính là nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay.

2.3. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM

2.3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam

Khái niệm: Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và lao động trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp hoặc sản xuất, kinh doanh dịch vụ có tính chất công nghiệp¹.

Sự hình thành giai cấp công nhân Việt Nam

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược, biến nước ta thành thuộc địa nửa phong kiến, nơi tiêu thụ hàng hóa, khai thác tài nguyên và bóc lột nhân công rẻ mạt của chúng.

Sau khi đặt ách thống trị lên toàn bộ nước ta, vào đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp cấu kết với bọn phong kiến tay sai tiến hành khai thác các hầm mỏ, xây dựng các nhà máy, xí nghiệp, mở các tuyến đường, mở các đồn điền trồng cây công nghiệp... Từ đó, nước ta có một lớp người lao động mới ra đời - đó là những công nhân làm thuê, phần lớn tập trung ở các thành phố, các khu công nghiệp. Năm 1906 nước ta có khoảng 5 vạn công nhân. Đến năm 1924, công nhân đã có 22 vạn người. Cho đến nay, số lượng và chất lượng giai cấp công nhân đã tăng lên rất nhiều lần do sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất và xu hướng quốc tế hóa ngày càng gia tăng.

*** Những đặc điểm cơ bản của giai cấp công nhân Việt Nam**

Giai cấp công nhân Việt Nam là một bộ phận của giai cấp công nhân quốc tế nên có những đặc điểm chung của giai cấp công nhân quốc tế; ngoài ra, giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và phát triển trong điều kiện

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương*, khóa X, Nxb.CTQG, tr.43.

cụ thể của dân tộc Việt Nam nên còn có những đặc điểm riêng, ảnh hưởng đến việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam:

Thứ nhất, sinh ra và lớn lên từ một nước vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, có truyền thống yêu nước, ý thức tự tôn dân tộc, dù còn non trẻ, nhỏ bé, song giai cấp công nhân Việt Nam đã sớm trở thành giai cấp duy nhất được lịch sử, dân tộc thừa nhận và giao phó sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ sau các phong trào cứu nước theo lập trường Càn Vương, lập trường tư sản và tiêu tư sản thất bại.

Thứ hai, ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc, vừa mới lớn lên, đã sớm tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lê nin, hệ tư tưởng của giai cấp công nhân quốc tế, nhanh chóng trở thành lực lượng chính trị tự giác và thống nhất, được Chủ tịch Hồ Chí Minh giáo dục, đã sớm giác ngộ mục tiêu lý tưởng, chân lý của thời đại: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân Việt Nam luôn có tinh thần và bản chất cách mạng triệt để.

Thứ ba, do xuất thân từ nông dân, bị thực dân phong kiến bóc lột, bần cùng hóa nên giai cấp công nhân ta có mối quan hệ máu thịt với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác. Qua thử thách của cách mạng, liên minh giai cấp đã trở thành động lực và là cơ sở vững chắc cho khối đại đoàn kết dân tộc.

Thứ tư, từ khi trở thành giai cấp cầm quyền, giai cấp công nhân Việt Nam luôn phát huy bản chất cách mạng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, luôn là lực lượng đi đầu và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và phát triển nền kinh tế công nghiệp và nền kinh tế tri thức hiện đại.

Thứ năm, quá trình “trí thức hóa” giai cấp công nhân Việt Nam diễn ra mạnh mẽ, từng bước hình thành giai cấp công nhân trí thức Việt Nam. Việc hình thành giai cấp công nhân trí thức không có nghĩa đơn thuần chỉ là sự bổ sung vào lực lượng giai cấp công nhân những công nhân có trình độ cao mà là giai cấp công nhân được nâng cao về trình độ và có sự thay đổi về tính chất lao động - lao động điều khiển những công nghệ tự động hóa của nền kinh tế tri thức. Đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt

Nam là Đảng Cộng sản đã có một quá trình trưởng thành, trở thành Đảng cầm quyền duy nhất ở Việt Nam, đang nỗ lực đổi mới, tự chỉnh đón để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Cụ thể:

Một là, giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đã tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng, là giai cấp đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường.

Hai là, giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp, có mặt trong mọi thành phần kinh tế nhưng đội ngũ công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước là tiêu biểu, đóng vai trò nòng cốt, chủ đạo.

Ba là, công nhân tri thức, nắm vững khoa học - công nghệ tiên tiến và công nhân trẻ được đào tạo nghề theo chuẩn nghề nghiệp, học vấn, văn hóa, được rèn luyện trong thực tiễn sản xuất và thực tiễn xã hội là lực lượng chủ đạo trong cơ cấu giai cấp công nhân, lao động và phong trào công đoàn.

2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

Với những đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam nêu trên, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trước hết là phải lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân để giành độc lập dân tộc. Tiếp đến, trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, lãnh đạo nhân dân xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội vì mục tiêu của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chính vì vậy, trong thời kì đổi mới Đảng ta xác định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam như sau:

“Giai cấp công nhân nước ta có sứ mệnh lịch sử to lớn: Là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; lực lượng nòng cốt trong liên

minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng”¹.

* Về kinh tế:

Giai cấp công nhân là lực lượng nòng cốt trong lao động sản xuất, phát triển kinh tế thị trường hiện đại, định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy khoa học - công nghệ làm động lực quan trọng, quyết định tăng năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả. Đảm bảo tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, thực hiện hài hòa lợi ích cá nhân - tập thể và xã hội.

Giai cấp công nhân phát huy vai trò và trách nhiệm của lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây là nhiệm vụ trọng tâm trong việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay. Cụ thể:

Thực hiện thắng lợi mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, có nền công nghiệp hiện đại, định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời gian tới.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam dựa trên nền tảng kinh tế tri thức, gắn liền với bảo vệ tài nguyên môi trường.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cũng là điều kiện khách quan để giai cấp công nhân tăng cả về số lượng và chất lượng, làm cho những phẩm chất ở giai cấp công nhân hiện đại được hình thành và phát triển đầy đủ trong môi trường xã hội hội hiện đại, với phương thức lao động công nghiệp hiện đại. Đồng thời, là điều kiện khách quan để giai cấp công nhân Việt Nam khắc phục những nhược điểm, hạn chế vốn có do hoàn cảnh lịch sử và nguồn gốc xã hội sinh ra.

- Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên lĩnh vực kinh tế gắn liền với việc phát huy vai trò của giai cấp công nhân, của công nghiệp, thực hiện khối liên minh công - nông - trí thức để tạo ra những

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương*, khóa X, Nxb.CTQG, tr.43.

động lực phát triển nông nghiệp - nông thôn và nông dân ở nước ta theo hướng bền vững, hiện đại hóa, chủ động hội nhập quốc tế, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái.

* **Về chính trị - xã hội:**

Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Để làm được điều đó, thì nhiệm vụ giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên và tăng cường xây dựng chính đốn đảng, ngăn chặn đẩy lùi suy thoái về đạo đức, tư tưởng, lối sống, “tự diễn biến, tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Đội ngũ cán bộ đảng viên trong giai cấp công nhân phải nêu cao trách nhiệm tiên phong, đi đầu, góp phần cống cỗ và phát triển cơ sở chính trị - xã hội quan trọng của Đảng. Đồng thời, giai cấp công nhân chủ động, tích cực tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân.

* **Về văn hóa, tư tưởng:**

Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc có nội dung cốt lõi là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, giáo dục đạo đức cách mạng, rèn luyện lối sống, tác phong công nghiệp, văn minh, hiện đại, xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam, hoàn thiện nhân cách.

Giai cấp công nhân còn tham gia vào cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng lý luận để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là nền tảng tư tưởng của Đảng, chống lại những quan điểm sai trái, những sự xuyên tạc của thế lực thù địch, kiên định lý tưởng, mục tiêu và con đường cách mạng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Thường xuyên giáo dục cho các thế hệ công nhân và lao động trẻ ở nước ta về ý thức giai cấp, bản lĩnh chính trị, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế, củng cố mối liên hệ mật thiết giữa giai cấp công nhân với dân tộc, đoàn kết giai cấp gắn liền với đoàn kết dân tộc và đoàn kết

quốc tế. Đó là sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh trong thời đại Hồ Chí Minh.

2.3.3. Phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

2.3.3.1. Phương hướng

Cương lĩnh năm 1991 của Đảng có đề cập đến việc: “Phát triển giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng để xứng đáng là giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội... Đặc biệt coi trọng việc xây dựng một đội ngũ công nhân lành nghề, những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi và các nhà khoa học, kỹ thuật có trình độ cao”¹.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã xác định: “Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp”².

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001) của Đảng Cộng sản Việt Nam có những bước tiến mới trong nhận thức, lý luận về giai cấp công nhân trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Đảng ta xác định: “Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi nhiều cùng với những biến đổi to lớn về kinh tế, xã hội. Mỗi quan hệ

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.51, tr.141.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.55, tr.366.

giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích toàn dân tộc”¹.

Để giai cấp công nhân Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của mình, văn kiện Đại hội X của Đảng đã tiếp tục chỉ rõ: “Đối với *giai cấp công nhân*, phát triển về số lượng, chất lượng và tổ chức; nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”².

Tại Hội nghị lần thứ Sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Đảng ta đã ra nghị quyết về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, trong đó nhấn mạnh: “Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, có giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng; có ý thức công dân, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tiêu biểu cho tinh thần văn hóa của dân tộc; nhạy bén và vững vàng trước những phức tạp của tình hình thế giới và những biến đổi của tình hình trong nước; có tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết, hợp tác quốc tế; thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam... Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, phát triển nhanh về số lượng, nâng cao chất lượng, có cơ cấu đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước; ngày càng được tri thức hóa; có trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp cao, có khả năng tiếp cận và làm chủ khao học - công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức; thích ứng nhanh với cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế... có tác phong công nghiệp và kỉ luật cao”³.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.131.

² Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2008, tr.118.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ Sáu Ban Chấp hành Trung ương*, khóa X, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2008, tr.43.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011) của Đảng, Đảng ta xác định: “Quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”¹.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016) của Đảng khẳng định: “Coi trọng giữ vững bản chất giai cấp công nhân và các nguyên tắc sinh hoạt của Đảng”. Đồng thời, “chú trọng xây dựng, phát huy vai trò của giai cấp công nhân, đội ngũ tri thức, đội ngũ doanh nhân đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kì mới”. Vì vậy, Đảng và Nhà nước phải “quan tâm giáo dục, bồi dưỡng, phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động của công nhân; bảo đảm việc làm, nhà ở, các công trình phúc lợi phục vụ cho công nhân; sửa đổi, bổ sung các chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... để bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân”².

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, đặc biệt là sau 35 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, 13 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa IX, giai cấp công nhân Việt Nam đã lớn mạnh về số lượng, trưởng thành về chất lượng và đang có mặt trong tất cả các ngành nghề, các thành phần kinh tế, là lực lượng quan trọng, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Đại hội XIII của Đảng chủ trương: “Xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, trang 240 - 241.

² Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.37-38, tr.160, tr.186

động thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nhà ở phúc lợi xã hội cho công nhân; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân”¹.

2.3.2.2. Giải pháp chủ yếu

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trong thời kì mới cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, nâng cao nhận thức, kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân là một điều kiện tiên quyết đảm bảo thành công của công cuộc đổi mới, hiện đại hóa đất nước.

Hai là, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn với xây dựng và phát huy sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức và doanh nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phát huy vai trò của giai cấp công nhân trong khối đại đoàn kết dân tộc - động lực chủ yếu của sự phát triển đất nước; đồng thời tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế với giai cấp công nhân trên toàn thế giới.

Ba là, thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội và chăm lo xây dựng giai cấp công nhân; đảm bảo hài hòa lợi ích giữa giai cấp công nhân, người sử dụng lao động, Nhà nước và toàn xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân, quan tâm giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, H, 2021, tr.166

Bốn là, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hóa giai cấp công nhân. Đặc biệt quan tâm xây dựng thế hệ công nhân trẻ, có học vấn, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cao, ngang tầm khu vực và quốc tế, có lập trường giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng, trở thành bộ phận nòng cốt của giai cấp công nhân.

Năm là, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân, sự tham gia đóng góp tích cực của người sử dụng lao động. Sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước có vai trò quyết định, công đoàn có vai trò quan trọng trực tiếp trong chăm lo xây dựng giai cấp công nhân. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn liền với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong giai cấp công nhân.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích, làm sáng tỏ khái niệm giai cấp công nhân theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lenin?
2. Trình bày những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?
3. Trình bày những điểm tương đồng và khác biệt của giai cấp công nhân ngày nay so với giai cấp công nhân thế kỷ XIX?
4. Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thế giới hiện nay?
5. Phân tích đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay? Từ đó, phân tích phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay theo quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương*, khóa X, Nxb.CTQG.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội
7. Giáo trình Cao cấp lý luận chính trị (2018), Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, “*Chủ nghĩa xã hội khoa học*”, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, t. 3, tr. 34 - 59.
8. Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (2006), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
9. Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (2003), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
10. Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (2009), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
11. Đỗ Thị Thạch, Nguyễn Đức Bách, Nguyễn Thị Ngân, *Tìm hiểu môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
12. Nguyễn Việt Vượng (2010), *Giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
13. <http://congdoan.vn/tin-tuc/nghien-cuu-trao-doi-524/mot-so-van-de-ve-giai-cap-cong-nhan-va-chu-nghia-xa-hoi-trong-boi-canhang-hien-nay-182638.tld>

Chương 3

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Chủ nghĩa xã hội (CNXH) và quá độ lên CNXH là một trong những nội dung quan trọng của Chủ nghĩa xã hội khoa học. Quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về vấn đề này đã hình thành và phát triển gắn liền với thực tiễn cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác - Lênin là những người đầu tiên xây dựng hệ thống quan niệm về CNXH trên cơ sở lý luận của CNXH khoa học. Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau song đó vẫn là nền tảng lý luận có ý nghĩa lớn với thực tiễn cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam.

3.1. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

3.1.1. Chủ nghĩa xã hội - giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa

3.1.1.1. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin trong học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, lịch sử loài người là lịch sử thay thế nhau của các hình thái kinh tế - xã hội từ thấp đến cao, đó là một quá trình lịch sử - tự nhiên. C.Mác và Ph.Ăngghen đã vận dụng triệt để quan điểm duy vật lịch sử để nghiên cứu xã hội loài người. Hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa là thời kỳ thứ năm ra đời trên cơ sở sự phát triển cao của lực lượng sản xuất, cùng với quan hệ sản xuất mới dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, kiến trúc thượng tầng tương ứng với trình độ cao của cơ sở hạ tầng. Hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa ra đời và có quá trình phát triển qua các giai đoạn:

“Giai đoạn thấp của xã hội cộng sản” hay “giai đoạn đầu của xã hội cộng sản” là CNXH hay xã hội xã hội chủ nghĩa. Khi nói về giai đoạn này, C.Mác khẳng định: “Cái xã hội mà chúng ta nói ở đây không phải là một xã hội cộng sản chủ nghĩa đã phát triển trên những cơ sở của chính nó, mà trái lại là một xã hội cộng sản chủ nghĩa vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, do đó là một xã hội, về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần - còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó đã lọt lòng ra”¹. Lúc này, nguyên tắc phân phôi chủ yếu là “làm theo năng lực, hướng theo lao động”

“Giai đoạn cao hơn của xã hội cộng sản”, mà sau này V.I.Lênin gọi là chủ nghĩa cộng sản hay xã hội cộng sản chủ nghĩa. Ở giai đoạn này, con người không còn lệ thuộc một cách phiến diện và cứng nhắc vào phân công lao động xã hội; đồng thời lao động trong giai đoạn này không chỉ là phương tiện kiểm soát mà nó trở thành nhu cầu số một của con người. Khi đó, con người thực hiện theo nguyên tắc phân phôi: “làm theo năng lực, hướng theo nhu cầu”.

“Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nô sang xã hội kia... một thời kỳ quá độ chính trị..., chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản”. Thời kỳ quá độ được C.Mác ví với hình tượng “những cơn đau đẻ kéo dài” để CNXH lọt lòng từ xã hội cũ mà ra.

Tóm lại, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã phân tích quá trình hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa qua các giai đoạn cơ bản: 1) thời kỳ quá độ; 2) chủ nghĩa xã hội; 3) chủ nghĩa cộng sản.

3.1.1.2. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội

CNXH (hay xã hội xã hội chủ nghĩa) với tư cách là một chế độ xã hội ra đời và tồn tại ở giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa. Đó là một xã hội tiên bộ, ưu việt hơn các chế độ xã hội trước

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. 1995, T.19, tr.33.

đó, phát triển phù hợp các quy luật vận động của lịch sử loài người, có những đặc trưng cơ bản nổi bật sau:

Thứ nhất, cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội là nền sản xuất công nghiệp hiện đại. Một chế độ xã hội mới thực sự thì trước hết phải được xây dựng trên một nền tảng kinh tế phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản. Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là sự thịnh vượng và khả năng đáp ứng nhu cầu về phúc lợi xã hội cho toàn thể nhân dân nên không có cách nào khác là phải tạo ra một lực lượng sản xuất có trình độ cao hơn hẳn lực lượng sản xuất của chủ nghĩa tư bản. Do đó, chỉ khi chủ nghĩa xã hội tạo ra một nền sản xuất công nghiệp hiện đại, năng suất lao động cao vượt trội, khả năng tạo ra lượng của cải vật chất dồi dào thì mới có khả năng đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng cao. Với tư cách là một chế độ xã hội phủ định chế độ tư bản chủ nghĩa nên cơ sở vật chất kỹ thuật của nó phải là nền sản xuất đại công nghiệp có trình độ cao hơn nền công nghiệp của chủ nghĩa tư bản.

Đối với một số nước tư bản phát triển có trình độ lực lượng sản xuất cao thì sẽ thuận lợi đáp ứng yêu cầu này. Tuy nhiên để giải quyết được những mâu thuẫn cơ bản trong lòng chủ nghĩa tư bản, buộc quan hệ sản xuất tư nhân tư bản chủ nghĩa phải bị xóa bỏ thì đòi hỏi trình độ của lực lượng sản xuất phải cao hơn nữa. Các nước tư bản vẫn phải đủ điều kiện để thực hiện thành công cách mạng chính trị.

Đối với các nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản hoặc đang là nước tư bản với trình độ phát triển trung bình thì việc tạo ra một nền tảng kinh tế có trình độ phát triển cao trong thời gian được rút ngắn sẽ hết sức khó khăn nhưng cũng là điều hết sức cần thiết. Do đó, các nước cần phải có sự học hỏi kẽ thura những nước tư bản phát triển trước, vừa có sáng tạo và đột phá trong quá trình đầy mạnh nền công nghiệp hiện đại.

Thứ hai, xã hội xã hội chủ nghĩa đã xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa và thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu. Việc tồn tại chế độ tư hữu là nguyên nhân sâu xa của mọi bất công, bất bình đẳng trong xã hội. Chế độ tư hữu thời kỳ chiếm hữu nô lệ, chế độ tư hữu thời kỳ

phong kiến đã bị chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa bỏ qua. Tuy nhiên, chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa tạo điều kiện cho sự nô dịch, áp bức bóc lột giá trị thặng dư đối với đại đa số nhân dân lao động, đem lại lợi nhuận ngày càng lớn cho thiểu số thuộc giai cấp tư sản lũng đoạn và thống trị xã hội, làm cho mâu thuẫn giai cấp và mâu thuẫn dân tộc trên thế giới sâu sắc. Điều đó thúc đẩy xuất hiện những điều kiện mới tiến bộ hơn để có thể thay thế chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lenin, chỉ trên cơ sở xây dựng được nền tảng kinh tế xã hội mới dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu thì mới xây dựng được một xã hội công bằng và bình đẳng thực sự. Do đó, CNXH ra đời là một thành công to lớn của lịch sử loài người. Tuy nhiên, nhân loại cần phải trải qua một thời kỳ quá độ đầy phức tạp. Kết cấu xã hội ở thời kỳ quá độ lên CNXH đan xen nhiều giai cấp, tầng lớp; cơ sở kinh tế quá độ còn tồn tại nhiều thành phần, vẫn tồn tại những hình thức sở hữu tư nhân với quan hệ kinh tế cụ thể tạo điều kiện cho bóc bột. Song đó chỉ là các quan hệ bóc lột cụ thể, không phải chế độ áp bức bóc lột của giai cấp này đối với các giai cấp, tầng lớp khác.

Thứ ba, xã hội xã hội chủ nghĩa tạo ra cách thức tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới. Quá trình xây dựng và bảo vệ CNXH là hoạt động tự giác, xuất phát từ chính nguyện vọng, khát khao được giải phóng toàn diện của đại đa số nhân dân, mang lại lợi ích cho đa số. Chính từ bản chất và mục đích cao đẹp đó mà CNXH sẽ gắn liền với kiểu tổ chức lao động mới: đa số nhân dân được làm chủ hệ thống kinh tế - xã hội, dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản (tổ chức chính trị cao nhất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động) và nhà nước xã hội chủ nghĩa (hình thái nhà nước kiểu mới). Kỷ luật lao động mới hình thành, vừa có tính chặt chẽ theo quy định chung của pháp luật xã hội chủ nghĩa, vừa có tính tự giác cao độ khi người lao động đã giác ngộ về vị trí và vai trò làm chủ đích thực của mình trước xã hội. Để có được điều này, tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ lâu dài nhất định để xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa đủ trình độ, phẩm chất, ý thức tổ chức kỷ luật, tính tự giác cao, không ngừng đấu tranh, từng bước hoàn thiện CNXH.

Thứ tư, xã hội xã hội chủ nghĩa thực hiện nguyên tắc phân phối sản phẩm theo lao động. Phân phối sản phẩm là một mặt của quan hệ sản xuất, có tác động trở lại nhất định đến các mặt của quá trình sản xuất vật chất. Nếu nguyên tắc phân phối sản phẩm phù hợp thì sẽ tạo động lực cho người lao động đóng góp, sáng tạo không ngừng, tác động tích cực tới lực lượng sản xuất và ngược lại. Nguyên tắc phân phối theo lao động trở thành nguyên tắc cơ bản nhất trong CNXH, đảm bảo sự công bằng và bình đẳng trên cơ sở đóng góp thực tế của mỗi người. Mỗi người lao động sẽ nhận được từ xã hội một lượng sản phẩm (giá trị) nhất định tương đương với số lượng, chất lượng và hiệu quả lao động của họ, sau khi đã trừ đi một số khoản đóng góp chung cho xã hội. Đây không phải là nguyên tắc phân phối lao động duy nhất, nhưng là cơ sở quan trọng và chủ yếu của quá trình xây dựng xã hội công bằng ở giai đoạn này.

Thứ năm, nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc; thực hiện quyền lực và lợi ích của nhân dân. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước kiểu mới, là thiết chế chính trị quan trọng mà thông qua đó, đảng của giai cấp công nhân thực hiện vai trò lãnh đạo của mình đối với toàn xã hội, dựa trên cơ sở kinh tế của CNXH, thay thế nhà nước tư sản nhòe kết quả của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Với tư cách là một bộ phận cơ bản trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa thể hiện ý chí, quyền lực, đảm bảo lợi ích của nhân dân; đồng thời cũng thông qua đó, giai cấp công nhân và chính đảng của mình (đảng Cộng sản) thực hiện sự lãnh đạo đối với toàn xã hội trong quá trình xây dựng và bảo vệ CNXH. Nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa là cơ quan quyền lực, vừa là bộ máy hành chính, vừa là tổ chức quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội của nhân dân, được thể hiện tập trung qua hai chức năng chủ yếu: chức năng thống trị giai cấp và chức năng xã hội.

Theo V.I.Lênin, nhà nước xã hội chủ nghĩa không còn là nhà nước nguyên nghĩa, hay đó “là nhà nước nửa nhà nước”, thể hiện quyền dân chủ rộng rãi, lôi cuốn đông đảo nhân dân tham gia ngày càng nhiều vào quản lý nhà nước. Chức năng tổ chức và xây dựng xã hội về mọi mặt trên cơ sở

hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa không ngừng hoàn thiện là chức năng chủ yếu. Tùy điều kiện kinh tế xã hội, truyền thống văn hóa của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc mà các nhà nước xã hội chủ nghĩa có định hướng phù hợp nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ đặt ra.

Thứ sáu, xã hội xã hội chủ nghĩa là chế độ đã giải phóng con người thoát khỏi áp bức, bóc lột, thực hiện công bằng, bình đẳng, tiến bộ xã hội, tạo những điều kiện cơ bản để con người phát triển toàn diện. Mục tiêu cao nhất của CNXH là giải phóng con người khỏi sự bóc lột về kinh tế, nô dịch về tinh thần, tạo điều kiện phát triển toàn diện cho con người. “Xã hội xã hội chủ nghĩa từ việc xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân là điều kiện tiên quyết cho việc xóa bỏ đối kháng giai cấp”¹, giải phóng lực lượng sản xuất phát triển, đưa nhân dân lên vị thế làm chủ hệ thống kinh tế - xã hội mới, giành chính quyền, đem lại độc lập, tự do, dân chủ, như vậy là giải phóng các giai cấp, tầng lớp về chính trị, về cả vật chất lẫn tinh thần. Con người được phát triển tài năng cá nhân và có động lực sáng tạo đóng góp cho xã hội, thực hiện công bằng, bình đẳng xã hội. Tuy nhiên, cần phải hiểu sự bình đẳng trong CNXH là sự bình đẳng trong điều kiện vẫn tồn tại giai cấp, tầng lớp khác nhau, tồn tại nhà nước. Các bộ phận xã hội bình đẳng, công bằng trước pháp luật, được đảm bảo những lợi ích cơ bản. Bình đẳng khác với “bình quân chủ nghĩa”. Chẳng hạn như: sự bình đẳng của các thành phần kinh tế trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, bình đẳng giới, bình đẳng giữa các dân tộc,...

3.1.2. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội

CNXH là chế độ xã hội tiến bộ nhất trong lịch sử nhân loại kể từ khi hình thành cho tới khi cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công. Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã dự báo một cách khoa học về sự ra đời CNXH - giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa. V.I.Lênin cũng đánh giá rất cao công lao nghiên cứu của C.Mác và Ph.Ăngghen: “giống như một nhà tự nhiên học... đặt vấn đề tiến hóa của

¹ V.I.Lênin: Toàn tập, NXB Tiếng bô, Matxcova, 1976, T.33, tr.104

một giống sinh vật mới, một khi đã biết nguồn gốc của nó và định được rõ rệt hướng của những biến đổi của nó". Sự ra đời của CNXH cần những điều kiện cụ thể nhất định.

Thứ nhất, sự ra đời CNXH và hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa từ những điều kiện của các nước tư bản chủ nghĩa đã phát triển cao (tức quá độ trực tiếp). Với trình độ cao của lực lượng sản xuất, nền công nghiệp hiện đại và khả năng phát triển khoa học - công nghệ ở các nước tư bản phát triển thì đó là một thuận lợi cho việc tạo dựng nền tảng vật chất ngày càng cao trong chế độ xã hội mới. Mặt khác, bản thân sự phát triển không ngừng mang tính xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất cũng làm xuất hiện những mâu thuẫn ngày càng gay gắt với kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng của chủ nghĩa tư bản, đòi hỏi phải dần xóa bỏ quan hệ sản xuất cũ (dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất chủ yếu) thay thế bằng quan hệ sản xuất mới cho phù hợp hơn.

Trong chủ nghĩa tư bản có hai giai cấp cơ bản đối lập nhau về lợi ích là: giai cấp công nhân đại diện cho lực lượng sản xuất tiến bộ và giai cấp tư sản luôn bảo vệ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Mâu thuẫn giữa hai giai cấp ngày càng gay gắt, dẫn đến đấu tranh giai cấp. Sự phát triển cuộc đấu tranh giai cấp làm cho giai cấp công nhân không ngừng trưởng thành và lớn mạnh về mọi mặt, thúc đẩy hình thành nhiều yếu tố tích cực tiến bộ trong giai cấp công nhân để họ thực sự trở thành lực lượng lãnh đạo cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ ách thống trị cũ, thiết lập chế độ xã hội mới. C.Mác, Ph.Ăngghen đã khẳng định: "thực hiện sự nghiệp giải phóng thế giới ấy, đó là sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản hiện đại"¹.

Hơn nữa, chủ nghĩa tư bản phát triển cũng đồng thời gây nên nhiều mâu thuẫn sâu sắc giữa các dân tộc, các cộng đồng người, các khu vực khác nhau trên thế giới, tạo ra nhiều tai họa đe dọa tương lai lịch sử loài người như: thảm họa do môi trường bị suy kiệt, thảm họa chiến tranh xâm lược, sự suy đồi về văn hóa đạo đức,... Từ đó, những điều này cũng đe dọa

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. 1994, T.20, tr.393.

cả sự tồn vong của chính chủ nghĩa tư bản. Vì vậy, chủ nghĩa tư bản dù đạt được những thành tựu vượt trội, có tính ưu việt nhất định của nó, song cũng không thể là hình thái kinh tế - xã hội “vĩnh hằng, bất biến”.

Ngay thời kỳ thế kỷ 19, C.Mác và Ph.Ăng ghen đã chỉ rõ những tiền đề vật chất quan trọng cho sự ra đời CNXH trong lòng chế độ tư bản chủ nghĩa trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức* là: *sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự hình thành giai cấp vô sản cách mạng* “nếu không có những yếu tố vật chất ấy của một cuộc cách mạng toàn diện - những yếu tố bao gồm một mặt là những lực lượng sản xuất hiện có và mặt khác là sự hình thành một khối đồng đảo quần chúng cách mạng đang nổi dậy không những chống lại những điều kiện riêng biệt của xã hội cũ mà còn chống lại bản thân “sự sản xuất ra đời sống” trước đây, chống lại “toute bô hoạt động” làm cơ sở cho xã hội cũ đó, thì lịch sử của chủ nghĩa cộng sản đã chứng tỏ, ý niệm về cuộc cách mạng này dù có được phát biểu hàng trăm lần đi nữa, cũng hoàn toàn chẳng có ý nghĩa gì đối với sự phát triển thực tế cả”¹. Sang đến thế kỷ 20, chủ nghĩa tư bản có nhiều biến đổi, nhưng V.I.Lênin vẫn tiếp tục khẳng định: “Xã hội tư bản chủ nghĩa nhất định sẽ phải chuyển biến thành xã hội xã hội chủ nghĩa”². Mặc dù, trong thời đại ngày nay, chủ nghĩa tư bản có nhiều biến hiện mới, nhiều điều chỉnh trên cơ sở sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ khi xã hội loài người đang bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhưng chúng ta không thể phủ nhận tính chất cách mạng của cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân thời kỳ mới. Hiểu được những luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lenin giúp chúng ta kiên định với mục tiêu CNXH, chỉ ra những điểm chưa phù hợp của các quan điểm các học giả phương Tây (cho rằng CNXH ra đời không nhất thiết phải thông qua cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản, mà có thể xuất hiện như một “lựa chọn” phát triển trong điều kiện mới của chủ nghĩa tư bản, tức là mô hình “chủ nghĩa xã hội dân chủ”). Nhưng thực chất mô hình CNXH dân chủ ở phương Tây không phải là một chế độ xã hội mới về chất, mà đó chỉ là hình thức mới của chủ

¹ C.Mác và Ph.Ăng ghen, Sđd, T.3, tr.55

² V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb Tiếng bô, Matxcova. 1977, T.26, tr.86

nghĩa tư bản. Về điều này, C.Mác và Ph.Ăngghen đã từng phê phán trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*: “Những nhà xã hội chủ nghĩa tư sản muốn duy trì những điều kiện sinh hoạt của xã hội hiện đại, mà không có những cuộc đấu tranh và những mối nguy hiểm do những điều kiện sinh hoạt ấy nhất định phải sản sinh ra. Họ muốn duy trì xã hội hiện đại nhưng đầy trừ hết yếu tố đảo lộn và làm tan rã nó. Họ muốn có giai cấp tư sản mà không có giai cấp vô sản”¹; như vậy họ “đang muốn tìm cách chữa các căn bệnh xã hội, cốt để củng cố xã hội tư sản”. Như vậy, CNXH với tư cách là chế độ xã hội mới thực sự chỉ có thể “thoát thai”, “lột lồng” từ chủ nghĩa tư bản.

Thứ hai, CNXH có thể ra đời từ một quốc gia tư bản có trình độ trung bình, thậm chí từ những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản (quá độ gián tiếp). Lý luận về quá trình lịch sử - tự nhiên của sự thay thế nhau các hình thái kinh tế - xã hội, chủ nghĩa Mác - Lênin đã khẳng định: Lịch sử nhân loại chứng minh một số quốc gia đã bỏ qua một hay một vài hình thái kinh tế - xã hội trong quá trình phát triển. Điều đó vẫn hoàn toàn phù hợp với quy luật vận động của xã hội. Sẽ có những nước tư bản ở trình độ phát triển trung bình và những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản cũng có thể thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công và tiến lên CNXH. Theo V.I.Lênin, đó là loại “đặc biệt” và loại “đặc biệt của đặc biệt”. Tuy nhiên, để thực hiện được điều đó cần có điều kiện nhất định:

Nhân loại đã chuyển sang “giai đoạn cuối cùng của chủ nghĩa tư bản”, chủ nghĩa tư bản biểu hiện nhiều khuynh hướng cực đoan, tức chuyển sang chủ nghĩa đế quốc bành trướng xâm lược, áp bức bóc lột, đô hộ thuộc địa, chiến tranh đế quốc phân chia thế giới, ... gây nhiều đau thương cho nhiều nước bị làm nô lệ. Hàng loạt mâu thuẫn ngày càng trở nên gay gắt: Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân; mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc với các quốc gia bị xâm lược làm thuộc địa và đô hộ; mâu thuẫn giữa các nước tư bản đế quốc với nhau do xung đột lợi ích; mâu thuẫn trong lòng

¹ C.Mác và Ăngghen: Toàn tập, T.22, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, tr.769

các nước thuộc địa (địa chủ với nông dân, tư sản với nông dân,...); mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển giàu có với các nước nghèo và lạc hậu. Hàng loạt mâu thuẫn cơ bản của thời đại cần phải được giải quyết bằng cuộc cách mạng triệt để do lực lượng tiến bộ thực hiện.

Phong trào cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế và hệ tư tưởng cách mạng khoa học của giai cấp công nhân ra đời đã thúc đẩy cả nhân loại về khả năng giải phóng giai cấp, giải phóng các dân tộc bị áp bức, giải phóng loài người. Từ đó, sự hình thành chính đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động - Đảng cộng sản đã khẳng định vị thế chính trị, đồng thời lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng giành nhiều thắng lợi. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nước tư bản có trình độ trung bình và nhiều nước nông nghiệp lạc hậu có thể giành độc lập, tự chủ, vươn lên theo con đường CNXH như: Nga, Trung Quốc, Việt Nam,...Trong điều kiện mới, giai cấp công nhân cần phải vận dụng linh hoạt các phương pháp đấu tranh, sáng tạo trong việc thực hiện mục tiêu cách mạng.

Tóm lại, qua nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn đấu tranh cách mạng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về CNXH là hệ thống lý luận có tính mở, cung cấp niềm tin vào khả năng có thể tiến lên CNXH trên thực tế với đúng nghĩa của nó khi giai cấp công nhân và đảng cách mạng của nó vận dụng lý luận một cách đúng đắn, sáng tạo phù hợp điều kiện từng quốc gia, dân tộc.

3.2. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Trong lý luận của CNXH khoa học, ngoài việc phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa thành hai thời kỳ thì các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác còn chú ý đến thời kỳ quá độ lên CNXH. Trong tác phẩm *Phê phán cương lĩnh Gotha*, C.Mác nêu lên một định nghĩa kinh điển về thời kỳ quá độ: “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội kia.

Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị và nhà nước *của* thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là *nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*¹. Như vậy, theo quan điểm của C.Mác, thời kỳ quá độ là thời kỳ vận động “chuyển tiếp” từ xã hội cũ (tư bản chủ nghĩa) lên xã hội mới (cộng sản chủ nghĩa) với ba đặc điểm cơ bản: *một* là thời kỳ quá độ chính trị; *hai* là sự tồn tại của nhà nước chuyên chính vô sản; *ba* là thời kỳ cải biến xã hội với nhiều yếu tố còn tồn tại đan xen giữa cái cũ với cái mới.

Kế thừa và phát triển những tư tưởng của C.Mác về thời kỳ quá độ, V.I.Lênin cũng khẳng định: “Về lý luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, có một thời kỳ quá độ nhất định. Thời kỳ đó không thể không bao gồm những đặc điểm hoặc đặc trưng của cả hai kết cấu kinh tế xã hội ấy. Thời kỳ quá độ ấy không thể nào lại không phải là một thời kỳ đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản đang giãy chết và chủ nghĩa cộng sản đang phát sinh, hay nói một cách khác, giữa chủ nghĩa tư bản đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt hẳn và chủ nghĩa cộng sản đã phát sinh nhưng vẫn còn rất non yếu”². Để chuyển từ xã hội tư bản và các xã hội trước đó lên CNXH, các nước cần thiết phải trải qua thời kỳ quá độ. Tính tất yếu của thời kỳ này được lý giải ở những căn cứ sau:

Một là, giữa chủ nghĩa tư bản (và các chế độ xã hội bóc lột khác) với CNXH là hai kiểu chế độ xã hội khác nhau về bản chất. Chủ nghĩa tư bản được xây dựng và phát triển trên nền tảng kinh tế dựa vào chế độ sở hữu tư nhân, trái lại CNXH được xây dựng và phát triển trên nền tảng kinh tế dựa vào chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu. Do đó, ngay khi giai cấp công nhân giành được chính quyền từ tay giai cấp thống trị cũ thì cần phải có một thời gian nhất định để họ cùng các bộ phận nhân dân khác từng bước xây dựng nền tảng kinh tế mới của CNXH. Đặc biệt là đối với các nước đi lên CNXH từ một nền tảng kinh tế thấp kém (nền nông nghiệp

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1983, T.9, tr.47

² V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Matxcova, 1977, T.39, tr.309-310

lạc hậu) thì thời kỳ quá độ để chuyển đổi kinh tế có thể diễn ra lâu dài hơn, thậm chí tính chất phức tạp hơn.

Thứ hai, CNXH được xây dựng trên nền sản xuất đại công nghiệp, trình độ lực lượng sản xuất hiện đại với tính chất xã hội hóa cao hơn so với chủ nghĩa tư bản. Mặc dù, quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản đã tạo tiền đề vật chất - kỹ thuật nhất định cho CNXH, nhưng muôn tiền đề vật chất - kỹ thuật đó phục vụ sự phát triển của CNXH thì cần phải có thời gian để tổ chức, sắp xếp lại. Đối với các quốc gia chưa trải qua quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì thời kỳ quá độ lại càng cần thiết để có thể tạo dựng những tiền đề vật chất cho CNXH và thời kỳ này có thể phải kéo dài với nhiệm vụ trọng tâm phải tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, các quan hệ xã hội với tính chất đặc trưng của CNXH sẽ không tự phát nảy sinh và phổ biến trong lòng chủ nghĩa tư bản, mà phải là kết quả của quá trình xây dựng và cải tạo tư giác, kiên trì dưới định hướng CNXH. Trên thực tế, tại một số quốc gia tư bản chủ nghĩa phát triển hiện nay đã và đang có những điều kiện hình thành các quan hệ kinh tế, quan hệ xã hội tiến bộ, song vẫn cần thời gian nhất định để chuyển chúng thành các quan hệ tự giác và được phổ biến.

Thứ tư, công cuộc xây dựng CNXH là công việc mới mẻ, khó khăn, phức tạp. Để trở thành người chủ thực sự của chế độ xã hội mới thì giai cấp công nhân và nhân dân lao động cần phải có thời gian để học tập, rèn luyện, đấu tranh với những khuynh hướng cũ lỗi thời, lạc hậu, vươn lên xứng đáng với vị thế mới.

Thời kỳ quá độ lên CNXH ở các nước có trình độ phát triển khác nhau thì diễn ra trong những khoảng thời gian dài, ngắn khác nhau. Đối với những nước đã trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển cao thì con đường quá độ có thể được rút ngắn. Những nước tư bản ở trình độ phát triển trung bình và những nước thậm chí chưa trải qua chủ nghĩa tư bản thì thời kỳ quá độ thường kéo dài với nhiều khó khăn, phức tạp.

3.2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Đặc điểm nổi bật của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên CNXH là sự tồn tại những yếu tố của xã hội cũ bên cạnh những nhân tố mới của CNXH đang hình thành. Chúng tồn tại trong mối quan hệ vừa thống nhất, vừa đấu tranh trên tất cả các mặt của đời sống kinh tế - xã hội.

Trên lĩnh vực kinh tế: Kinh tế trong thời kỳ quá độ có sự đan xen những yếu tố tàn dư của cơ sở kinh tế cũ với những quan hệ kinh tế mới. Về điều này, V.I.Lênin đã là người bảo vệ lý luận của chủ nghĩa Mác và bổ sung nội dung về quá độ kinh tế: “danh từ quá độ có nghĩa là gì? Vận dụng vào kinh tế, có phải nó có nghĩa là trong chế độ hiện nay, có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội không? Bất cứ ai cũng đều thừa nhận là có”¹. Một cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là bước quá độ trung gian tất yếu trong quá trình xây dựng CNXH, không thể bằng ý chí chủ quan mà bỏ qua điều này. Đối với những nước chưa trải qua sự phát triển phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thì nền kinh tế nhiều thành phần được xác lập trên cơ sở khách quan là sự tồn tại nhiều loại hình sở hữu với nhiều hình thức tổ chức kinh tế đa dạng, tương ứng với đó cũng tồn tại nhiều hình thức phân phôi khác nhau, trong đó hình thức phân phôi theo lao động giữ vai trò là chủ đạo. Mâu thuẫn giữa các thành phần kinh tế chỉ có thể được giải quyết trong quá trình kiên định mục tiêu và xây dựng thành công CNXH.

Trên lĩnh vực chính trị: Do kết cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên CNXH đa dạng, phức tạp, nên kết cấu giai cấp xã hội trong thời kỳ này cũng hết sức phức tạp, gồm: giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức, những người sản xuất nhỏ, tầng lớp tư sản và các tầng lớp xã hội khác (tùy điều kiện cụ thể của mỗi nước). Các giai cấp, tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau, nhưng giai cấp công nhân vẫn giữ vị trí là giai cấp lãnh đạo. Trong mỗi giai cấp, trình độ nhận thức, ý thức, kỷ luật cũng

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb Tiên bộ, Matxcova, 1977, T.36, tr.362

có sự khác nhau, song đều hướng đến đấu tranh cho khuynh hướng ngày càng tiến bộ hơn.

Trên lĩnh vực văn hóa: Trong thời kỳ quá độ lên CNXH còn tồn tại nhiều yếu tố tư tưởng, văn hóa khác nhau. Bên cạnh những tư tưởng khoa học, tiến bộ của CNXH, những giá trị trờng tồn của đời sống văn hóa truyền thống, còn tồn tại nhiều khuynh hướng tư tưởng bảo thủ, lạc hậu, phản tiến bộ của tư tưởng tư sản, tiêu tư sản, tâm lý tiêu nông,...Theo V.I.Lênin, tính tự phát tiêu tư sản là “kẻ thù giấu mặt hết sức nguy hiểm, nguy hiểm hơn so với nhiều bọn phản cách mạng công khai”¹. Như vậy, trên lĩnh vực văn hóa, tồn tại nhiều yếu tố văn hóa cũ và mới đan xen, thường xuyên đấu tranh không ngừng và cũng có tác động không nhỏ đến lĩnh vực kinh tế, chính trị, nhiều mặt khác của đời sống xã hội.

Tóm lại, thực chất của thời kỳ quá độ vẫn là thời kỳ cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp tư sản (không còn là giai cấp thống trị) cùng các thế lực muôn ngăn chặn, chống phá khuynh hướng đi lên CNXH và giai cấp công nhân cùng nhân dân lao động (lực lượng đã nắm được chính quyền nhà nước) đang nỗ lực xây dựng chế độ xã hội mới. Cuộc đấu tranh diễn ra trong điều kiện mới với những nội dung, hình thức đa dạng và trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng - văn hóa.

3.3. QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

3.3.1. Bản chất đặc trưng thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Việc lựa chọn con đường quá độ đi lên CNXH ở Việt Nam là một sự vận dụng đúng đắn, linh hoạt, sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin trong điều kiện thực tiễn nước ta. Khi cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi sự xâm lược, áp bức của thực dân đế quốc và đấu tranh lật đổ chế độ phong kiến lạc hậu ở Việt Nam đang lâm vào bế tắc, thì trên thế giới, ánh sáng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin soi chiếu đã làm bừng tỉnh khắp năm châu với thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng

¹ V.I.Lênin, sđd, T.36, tr.285-286

Tháng mười Nga. Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy chân lý của con đường cứu nước: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”; “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”; “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người, không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc, sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc”¹. Với nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo giai cấp công nhân cùng toàn thể nhân dân lao động Việt Nam giành thắng lợi vẻ vang trong cuộc kháng chiến chống thực dân, lật đổ ách thống trị của chế độ phong kiến, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, đưa nước ta từng bước vững chắc tiến lên xây dựng CNXH.

Với điều kiện thực tiễn ở Việt Nam giai đoạn đầu thế kỷ 20, Đảng ta đã thống nhất quan điểm: tiến lên xây dựng CNXH từ một nước nông nghiệp lạc hậu, chưa trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Chủ tịch Hồ Chí Minh có viết: “tùy hoàn cảnh mà các dân tộc phát triển con đường khác nhau... có nước đi thẳng đến CNXH... có nước phải kinh qua chế độ dân chủ mới, rồi tiến lên CNXH”; nước ta “từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên CNXH không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”². Xây dựng CNXH từ một nền tảng rất thấp là điều hết sức mới mẻ, khó khăn, mà theo Hồ Chí Minh, không phải muốn là tức khắc có, không thể một sớm một chiều có thể giải quyết xong nhiệm vụ cực kì phức tạp. Do đó, chúng ta nhất thiết phải trải qua thời kỳ quá độ lâu dài, phải tính toán, cân nhắc kỹ lưỡng cách đi, cách làm cho phù hợp với điều kiện đất nước, đồng thời phải học tập kinh nghiệm của các nước anh em nhưng không được sao chép rập khuôn, máy móc, không được làm bừa, làm ẩu.

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, T.9- tr.314, T.10- tr.128, T.1-tr.461.

² Hồ Chí Minh, sđd, T.10, tr.13

Thời kỳ quá độ ở Việt Nam là hình thức *quá độ gián tiếp*, “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”¹.

Như vậy, thời kỳ quá độ ở Việt Nam là thời kỳ cách mạng mới, vẫn tiếp tục đấu tranh gian khổ giữa cái cũ với cái mới nhằm tạo dựng nền tảng vật chất - kỹ thuật hiện đại của CNXH (thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa); giải quyết tốt mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp hết sức phức tạp; đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; đấu tranh với mọi âm mưu của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc và những thành quả cách mạng.

Đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam:

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ thể hiện ngày càng rõ nhận thức của chúng ta về CNXH. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (1991) bước đầu xác định những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, thông qua “*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH*”. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011) của Đảng, phần nội dung “*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011)*”, Văn kiện Đại hội ngoài việc tiếp tục khẳng định sự lựa chọn đúng đắn của Đảng lên CNXH mà còn bổ sung và nêu tóm tắt đặc trưng của mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa của nước ta:

Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

Nhân dân làm chủ

Nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp

¹ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb CTQG, Hà nội, 2001, tr.84.

Nên văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện

Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau phát triển

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, do Đảng Cộng sản lãnh đạo

Việt Nam có quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới

Tâm đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa vừa phản ánh tổng quát về mô hình xã hội mới vừa thể hiện rõ định hướng, nhiệm vụ cần phải thực hiện trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam.

3.3.2. Nội dung thời kỳ quá độ ở Việt Nam

Trong thời kỳ quá độ, các lĩnh vực của đời sống xã hội diễn ra với sự đan xen và đấu tranh giữa cái cũ và cái mới, giữa con đường tư bản chủ nghĩa với con đường xây dựng CNXH, đấu tranh quyết liệt chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động.

Trong lĩnh vực kinh tế, nội dung cơ bản trên lĩnh vực kinh tế của thời kỳ quá độ là thực hiện việc sáp xếp lại, bố trí lại các yếu tố hiện có nhằm tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất phát triển (tuân theo tính tất yếu khách quan của các quy luật kinh tế), cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới theo hướng phát triển cân đối với trình độ của lực lượng sản xuất, đảm bảo phục vụ ngày càng tốt đời sống cho nhân dân. Với Việt Nam, chúng ta cần xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mà trước hết là thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Trong lĩnh vực chính trị, nội dung cơ bản trong lĩnh vực chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta là tiến hành xây dựng và củng cố nhà

nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền dân chủ XHCN đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân trong mọi lĩnh vực; luôn cảnh giác và quyết liệt đấu tranh chống lại những thế lực thù địch, chống phá sự nghiệp xây dựng CNXH; xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội thực sự là nơi thực hiện quyền làm chủ của nhân dân; không ngừng củng cố và xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh ngang tầm với các nhiệm vụ mỗi thời kỳ lịch sử.

Trong lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, nội dung cơ bản của lĩnh vực tư tưởng - văn hóa thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam là xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; khắc phục những khuynh hướng tư tưởng và tâm lý cũ lạc hậu, ảnh hưởng tiêu cực đến tiến trình xây dựng CNXH; không ngừng tuyên truyền, phổ biến tư tưởng khoa học cách mạng; tiếp thu các giá trị tinh hoa văn hóa của thế giới.

Trong lĩnh vực xã hội, nội dung cơ bản là phải thực hiện khắc phục mặt trái của kinh tế hàng hóa dẫn đến phân hóa giàu nghèo, sự chênh lệch trong phát triển không đồng đều giữa các vùng miền, đảm bảo an sinh xã hội, bình đẳng xã hội; đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

3.3.3. Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Thứ nhất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH: phát triển lực lượng sản xuất ở nước ta, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường;

Thứ hai, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất với nhiều hình thức sở hữu đa dạng; Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể làm nền tảng cho nền kinh tế quốc dân; Thực hiện nhiều hình thức phân phôi, trong đó nguyên tắc làm theo năng lực hướng theo lao động và hiệu quả kinh tế là nguyên tắc chủ đạo.

Thứ ba, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, làm cho chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh thực sự là nền tảng tư tưởng trong đời sống văn hóa tinh thần của nước ta; Ké thừa và phát huy những giá trị tinh hoa văn hóa nhân loại; Xây dựng con người xã hội chủ nghĩa (có đầy đủ sức khỏe, phẩm chất đạo đức, trí tuệ, lối sống, phong cách,... có văn hóa, văn minh) để lao động và cống hiến cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; Đầu tranh loại trừ các biểu hiện phản văn hóa, văn minh, phi đạo đức, trái với truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc và của nhân loại tiên bộ, trái với mục tiêu và lý tưởng của CNXH.

Thứ tư, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia; gắn chặt phát triển kinh tế với quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Thứ năm, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Thứ sáu, xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ XHCN; củng cố liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam làm nền tảng và nòng cốt cho khôi đại đoàn kết toàn dân tộc; tăng cường và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất.

Thứ bảy, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Thứ tám, thường xuyên xây dựng, chỉnh đốn Đảng Cộng sản Việt Nam, theo phương châm: phát triển kinh tế là trọng tâm; xây dựng và chỉnh đốn Đảng là then chốt, để Đảng ta luôn trong sạch, vững mạnh, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng vai trò lãnh đạo xã hội ta trên mọi lĩnh vực trước yêu cầu ngày càng cao hơn, với những vận hội mới lần thử thách mới.

Như vậy, tám phương hướng cơ bản bao quát những đặc điểm chủ yếu trong đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện sự nhất quán trong quá trình đổi mới và phát triển theo

hướng bền vững trên tất cả các mặt, các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thực hiện tốt tám phương hướng cơ bản này là cơ sở để đạt được tám đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đó cũng là những nội dung cốt lõi trong sự phát triển lý luận về CNXH Việt Nam của Đảng ta. Đúng như tinh thần của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (2021) đã khẳng định, sau 35 năm đổi mới, "lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa"¹. Thực tiễn đổi mới cũng chứng tỏ phát triển theo mô hình CNXH Việt Nam mà Đảng đã đề ra không chỉ có hiệu quả tích cực về kinh tế mà còn giải quyết tốt các vấn đề văn hóa, xã hội, môi trường tốt hơn nhiều so với các nước đi theo mô hình phát triển khác. Điều đó cũng chứng tỏ sự lựa chọn con đường phát triển XHCN và gắn độc lập dân tộc với CNXH là sự lựa chọn đúng đắn hợp quy luật khách quan và thực tiễn thời đại.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Nêu rõ các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội công sản chủ nghĩa và phân tích đặc trưng của chủ nghĩa xã hội.
2. Những điều kiện cơ bản cho sự ra đời chủ nghĩa xã hội là gì?
3. Tại sao muôn tiến lên chủ nghĩa xã hội, loài người tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ? Phân tích đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
4. Phân tích đặc trưng thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
5. Nội dung và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, t.19, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện ĐHĐB toàn quốc lần thứ XIII, NxbCTQGST, H.2021; tập 1; tr.103.

2. C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, t.20, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
3. C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, t.22, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
4. C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, t. 36, Nxb Tiền bộ, Matxcova, 1977.
5. V.I.Lênin: Toàn tập, T.26, Nxb Tiền bộ, Matxcova, 1977.
6. V.I.Lênin: Toàn tập, T.33, NXB Tiền bộ, Matxcova, 1976.
7. V.I.Lê nin: Toàn tập, T.36, Nxb Tiền bộ, Matxcova, 1977.
8. V.I.Lê nin: Toàn tập, T.39, Nxb Tiền bộ, Matxcova, 1977.
9. Hồ Chí Minh: Toàn tập, T.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
10. Hồ Chí Minh: Toàn tập, T.9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
11. Hồ Chí Minh: Toàn tập, T.10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

Chương 4

DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Dân chủ XHCN và nhà nước xã hội chủ nghĩa là một trong những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung và chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng. Xây dựng nền dân chủ XHCN và nhà nước xã hội chủ nghĩa được xem là vấn đề có tính quy luật trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Lý luận và thực tiễn đã minh chứng rằng, dân chủ XHCN là công cụ của nhân dân lao động thực hiện quyền lực trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Đối với Việt Nam, thực hiện dân chủ XHCN và nhà nước xã hội chủ nghĩa có vai trò quan trọng để Đảng, Nhà nước và nhân dân ta thực hiện thành công cuộc Đổi mới hiện nay.

4.1. DÂN CHỦ VÀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ

4.1.1.1. Quan niệm về dân chủ

Thuật ngữ dân chủ ra đời vào khoảng thế kỷ thứ VII - VI (TCN). Các nhà tư tưởng Hy Lạp cổ dùng cụm từ “demokratos” để nói đến dân chủ, trong đó “demos” là “dân” và “kratos” là “quyền lực”. Theo đó, dân chủ được hiểu là quyền lực thuộc về nhân dân.

Trên cơ sở nghiên cứu các chế độ dân chủ trong lịch sử và thực tiễn lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng dân chủ là sản phẩm và là thành quả của quá trình đấu tranh giai cấp cho những giá trị tiến bộ của nhân loại, là một hình thức tổ chức nhà nước của giai cấp cầm quyền, là một trong những nguyên tắc hoạt động của các tổ chức chính trị.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin dân chủ có một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, về phương diện quyền lực, dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ nhân của nhà nước. Trên phương diện này, chỉ khi mọi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân thì khi đó mới có thể đảm bảo về căn bản việc nhân dân được hưởng quyền làm chủ với tư cách một quyền lợi.

Thứ hai, trên phương diện chế độ xã hội và trong lĩnh vực chính trị, dân chủ là một hình thức hay hình thái nhà nước, là thể chế dân chủ hay chế độ dân chủ.

Thứ ba, trên phương diện tổ chức và quản lý xã hội dân chủ là một nguyên tắc - nguyên tắc dân chủ. Nguyên tắc này kết hợp với nguyên tắc tập trung để hình thành nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và quản lý xã hội.

Chủ nghĩa Mác - Lênin nhấn mạnh, dân chủ với những tính cách nêu trên phải được coi là mục tiêu, là tiền đề và cũng là phương tiện để vươn tới tự do, giải phóng con người, giải phóng giai cấp và giải phóng xã hội. Dân chủ với tư cách là một hình thức tổ chức thiết chế chính trị, một hình thái nhà nước thì nó là một phạm trù lịch sử. Dân chủ cũng được xem xét với tư cách là một giá trị xã hội, nó tồn tại và phát triển gắn với sự tồn tại và phát triển của con người, của xã hội loài người.

Trên cơ sở kế thừa các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và điều kiện cụ thể của Việt Nam, chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra quan niệm về dân chủ như sau:

Một là, dân chủ trước hết là một giá trị nhân loại chung. Trong nhiều tác phẩm của mình, Người luôn cho rằng: Dân chủ là dân làm chủ và dân là chủ. Hồ Chí Minh khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất của dân là chủ và dân làm chủ”¹.

¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. CTQG, H.1996, tập 6, tr515.

Hai là, khi coi dân chủ là một thể chế chính trị, một chế độ xã hội, Người khẳng định: “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ, mà Chính phủ là đài tó trung thành của nhân dân”¹.

Hồ Chí Minh coi dân chủ thể hiện ở việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Dân chủ không dừng lại với tư cách như là một thiết chế xã hội của một quốc gia, mà còn có ý nghĩa biểu thị mối quan hệ quốc tế, hòa bình giữa các dân tộc. Đó là dân chủ, bình đẳng trong mọi tổ chức quốc tế, là nguyên tắc ứng xử trong các quan hệ quốc tế.

Trên cơ sở những quan niệm dân chủ ở trên, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xây dựng chế độ dân chủ XHCN, mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Trong công cuộc đổi mới đất nước, Đảng ta luôn quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc” trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Từ những cách tiếp cận ở trên, *dân chủ có thể hiểu là một giá trị xã hội phản ánh những quyền cơ bản của con người; là một phạm trù lịch sử gắn với quá trình ra đời, phát triển của lịch sử xã hội nhân loại. Dân chủ là một phạm trù chính trị gắn với các hình thức tổ chức nhà nước của giai cấp cầm quyền.*

4.1.1.2. Sự ra đời, phát triển của dân chủ

Từ trước công nguyên, cách đây hàng ngàn năm, con người đã biết hợp lực với nhau để sản xuất, để chống thiên tai, thú dữ và đã tự tổ chức ra những hoạt động chung mang tính xã hội, trong đó có việc cử ra những người đứng đầu các cộng đồng người để thực thi những quy định chung và phép bổ những người đó nếu họ không thực hiện những quy định chung theo ý nguyện, lợi ích chung của cộng đồng. Trong chế độ cộng sản nguyên thủy đã xuất hiện hình thức mạnh nha của dân chủ mà Ph. Ăngghen gọi là “dân chủ nguyên thủy” hay còn gọi là “dân chủ quân sự”.

Khi xã hội có chế độ tư hữu, có giai cấp - *chế độ chiếm hữu nô lệ* ra đời, giai cấp chủ nô đã lập ra nhà nước, lấy tên là nhà nước dân chủ (ở

¹Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. CTQG, H.1996, tập 7, tr499.

Aten, Hy Lạp cổ đại, từ thế kỷ thứ VIII đến thứ VI trước công nguyên) - tức nhà nước *dân chủ chủ nô* thống trị đại đa số người lao động là *giai cấp nô lệ*. Khi đó nhà nước chủ nô mới chính thức sử dụng danh từ “dân chủ” theo nghĩa là nhà nước *dân chủ* chủ nô có “*quyền lực của dân*”. Nhưng “dân” lúc này là dân theo quy định của *luật pháp* do giai cấp chủ nô quy định gồm giai cấp chủ nô, tăng lữ, thương gia, một số trí thức và người tự do, còn đại đa số nhân dân trở thành *nô lệ không được coi là dân*.

Trong xã hội phong kiến, sự thống trị của giai cấp giai đoạn này được khoác lên chiếc áo thần bí của thế lực siêu nhiên. Họ xem việc tuân theo ý chí của giai cấp thống trị là bốn phận của mình trước sức mạnh của đấng tối cao. Do đó, ý thức về dân chủ và đấu tranh thực hiện quyền làm chủ của người dân đã không có bước tiến đáng kể nào.

Trong *chế độ dân chủ tư sản*, dù chế độ này có nhiều thành tựu to lớn (chủ yếu là do nhân dân lao động tạo ra...), dù chế độ đó có mang tên chế độ dân chủ, nhà nước dân chủ, nhưng về thực chất vẫn *không phải là nhà nước thực hiện quyền lực thực sự của nhân dân*, mà chỉ là nhà nước của giai cấp tư sản.

Chỉ đến khi Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga (1917) thắng lợi, mới bắt đầu một thời đại mới, khi đó *nhân dân lao động* đã giành lại chính quyền, tư liệu sản xuất... *giành lại quyền lực thực sự của dân* - tức là *dân chủ thực sự* và lập ra Nhà nước dân chủ XHCN, thiết lập nền dân chủ XHCN để thực hiện quyền lực của nhân dân.

Tóm lại, nhân loại từ lâu đời đã có nhu cầu và bước đầu thực hiện *dân chủ* và có quan niệm về dân chủ, đó là *việc thực thi quyền lực của dân*.

4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa

4.1.2.1. Quá trình ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê nin thì động lực của quá trình phát triển xã hội, của quá trình xây dựng CNXH là dân chủ. Dân chủ phải được mở rộng để phát huy cao độ tính tích cực, sáng tạo của nhân

dân, để nhân dân tham gia vào công việc quản lý nhà nước, quản lý và phát triển xã hội. “Với việc phát triển chế độ dân chủ một cách *đầy đủ*, nghĩa là với việc làm cho *toàn thể* quần chúng nhân dân tham gia thực sự bình đẳng và thực sự rộng rãi vào mọi công việc quản lý nhà nước”¹.

Dân chủ XHCN đã được phôi thai từ thực tiễn đấu tranh giai cấp ở Pháp và Công xã Pari năm 1871, tuy nhiên đến khi Cách mạng Tháng Mười thành công và sự ra đời của nhà nước XHCN đầu tiên trên thế giới thì nền dân chủ XHCN mới chính thức được xác lập. Sự ra đời của nền dân chủ XHCN đánh dấu bước phát triển mới về chất của dân chủ.

Quá trình phát triển nền dân chủ XHCN là từ thấp tới cao, từ chưa hoàn thiện tới hoàn thiện; có sự kế thừa chọn lọc giá trị của các nền dân chủ trước đó, trước hết là nền dân chủ chủ tư sản.

Xây dựng nền dân chủ XHCN cũng chính là quá trình thực hiện dân chủ hoá đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đảng cộng sản. Đây cũng là nhân tố quan trọng chống lại những biểu hiện của dân chủ cực đoan, vô chính phủ, ngăn ngừa mọi hành vi coi thường kỷ cương, pháp luật.

Nguyên tắc cơ bản của nền dân chủ XHCN là không ngừng mở rộng dân chủ, nâng cao mức độ giải phóng cho người lao động, thu hút họ tham gia tự giác vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng lưu ý xây dựng nền dân chủ XHCN là quá trình lâu dài, khi xã hội đạt tới trình độ phát triển cao, xã hội không còn phân chia giai cấp (xã hội cộng sản chủ nghĩa), khi đó dân chủ XHCN với tư cách là một chế độ nhà nước cũng tiêu vong không còn nữa.

Tóm lại, nền dân chủ XHCN là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ tư sản. Điều này xuất phát từ bản chất, mục đích hướng tới của chế độ xã hội chủ nghĩa trong đó mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ; dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền XHCN đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

¹ V.I.Lênin: Toàn tập. Nxb. Tiến bộ, Mát xcova, 1981, t.30, tr.93.

4.1.2.2. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Từ việc nắm vững và phân tích thực tế lịch sử đã diễn ra trong sự phát triển dân chủ của nhân loại, nhất là qua những quy luật của chế độ dân chủ chủ nô, chế độ dân chủ tư sản..., các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lenin đã dự báo khoa học - qua nhiều luận điểm cơ bản - về tính tất yếu xảy ra và thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, của *nền dân chủ XHCN*, gắn liền với tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

Khái quát về *bản chất của nền dân chủ XHCN* như sau:

Bản chất chính trị: Dưới sự lãnh đạo duy nhất của một đảng của giai cấp công nhân - đảng Mác - Lenin mà trên mọi lĩnh vực xã hội đều thực hiện *quyền lực của nhân dân*, thể hiện qua các quyền dân chủ, làm chủ, quyền con người, thoả mãn ngày càng cao hơn *các nhu cầu và các lợi ích của nhân dân*. Chủ nghĩa Mác - Lenin chỉ rõ: Bản chất chính trị của nền dân chủ XHCN là sự lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân thông qua đảng của nó đối với toàn xã hội, nhưng không phải chỉ để thực hiện quyền lực và lợi ích riêng cho giai cấp công nhân, mà chủ yếu là để thực hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể nhân dân, trong đó có giai cấp công nhân. Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ: Trong chế độ dân chủ XHCN thì bao nhiêu quyền lực đều là của dân, bao nhiêu sức mạnh đều ở nơi dân, bao nhiêu lợi ích đều là vì dân... Chế độ dân chủ XHCN, nhà nước xã hội chủ nghĩa... do đó về *thực chất là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân*. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, khác với các cuộc cách mạng trước đây là ở chỗ nó là cuộc cách mạng của số đông, vì lợi ích của số đông nhân dân. V.I.Lênin còn nhấn mạnh rằng: Dân chủ XHCN là chế độ mà nhân dân ngày càng tham gia nhiều vào công việc nhà nước. Với ý nghĩa đó, V.I.Lênin đã diễn đạt một cách khai quát về *bản chất và mục tiêu* của dân chủ XHCN rằng: đó là nền dân chủ “gấp triệu lần dân chủ tư sản”. Do vậy, dân chủ XHCN vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.

Bản chất kinh tế: Nền dân chủ XHCN dựa trên chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội đáp ứng sự phát triển ngày

càng cao của lực lượng sản xuất dựa trên cơ sở khoa học- công nghệ hiện đại nhằm thoả mãn ngày càng cao những nhu cầu vật chất và tinh thần của toàn thể nhân dân lao động.

Bản chất kinh tế đó chỉ được bộc lộ đầy đủ qua một quá trình ổn định chính trị, phát triển sản xuất và nâng cao đời sống của toàn xã hội, dưới sự lãnh đạo của đảng Mác - Lênin và quản lý, hướng dẫn, giúp đỡ... của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Bản chất kinh tế của nền dân chủ XHCN dù khác về bản chất kinh tế của các chế độ tư hữu, áp bức, bóc lột, bất công, nhưng cũng như toàn bộ nền kinh tế XHCN, nó không hình thành từ “hư vô” theo mong muốn của bất kỳ ai. Kinh tế XHCN cũng là sự kế thừa và phát triển mọi thành tựu nhân loại đã tạo ra trong lịch sử, đồng thời lọc bỏ những nhân tố lạc hậu, tiêu cực, kìm hãm... của các chế độ kinh tế trước đó, nhất là bản chất tư hữu, áp bức bóc lột, bất công... đối với đa số nhân dân.

Bản chất tư tưởng - văn hoá: Nền dân chủ XHCN lấy hệ tư tưởng Mác - Lênin - hệ tư tưởng của giai cấp công nhân làm nền tảng, chủ đạo đối với mọi hình thức xã hội khác trong xã hội mới (như văn học nghệ thuật, giáo dục, đạo đức, lối sống, văn hoá, xã hội, tôn giáo v.v.). Đồng thời, dân chủ XHCN kế thừa, phát huy những tinh hoa văn hoá truyền thống các dân tộc; tiếp thu những giá trị tư tưởng - văn hoá, văn minh, tiến bộ xã hội... mà nhân loại đã tạo ra ở tất cả các quốc gia, dân tộc...

Do đó, đời sống tư tưởng - văn hoá của nền dân chủ XHCN rất phong phú, đa dạng, toàn diện và ngày càng trở thành một nhân tố quan trọng hàng đầu, thành mục tiêu và động lực cho quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

4.2. NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa

4.2.1.1. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Ý tưởng về một xã hội công bằng, bình đẳng và bác ái đã xuất hiện từ lâu. Ý tưởng đó xuất phát từ nguyện vọng của nhân dân lao động muôn

thoát khỏi sự bất công, bạo lực và chuyên chế, ước mơ xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó những giá trị chân chính của con người được tôn trọng, mọi người đều có điều kiện để tự do phát triển với tất cả mọi năng lực của mình.

Trong giai đoạn xã hội tư bản chủ nghĩa, khi những mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất tư bản tư nhân về tư liệu sản xuất với tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất trở nên gay gắt, dẫn tới hàng loạt phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản nổ ra ở các nước. Các Đảng Cộng sản được thành lập và trở thành nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng. Thêm nữa, giai cấp vô sản được trang bị lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin đã tiến hành cách mạng và xây dựng nhà nước của giai cấp mình sau chiến thắng.

Nhà nước XHCN ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh do giai cấp vô sản và nhân dân lao động tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Tùy theo đặc điểm, điều kiện của mỗi quốc gia, sự ra đời của nhà nước XHCN mang những nét riêng, song về cơ bản, điểm chung của nhà nước XHCN là tổ chức thực hiện quyền lực của nhân dân, là cơ quan đại diện cho ý chí của nhân dân, thực hiện việc tổ chức và xây dựng đời sống của nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Như vậy, *nhà nước XHCN là nhà nước mà ở đó, sự thống trị chính trị thuộc về giai cấp công nhân, do cách mạng XHCN sản sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công CNXH, đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ tất cả các mặt đời sống xã hội trong một xã hội phát triển cao - xã hội XHCN.*

4.2.1.2. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa (nhà nước chuyên chính vô sản) do đó trước hết nó mang *bản chất giai cấp công nhân*. Nhưng giai cấp công nhân lại là giai cấp thuộc nhân dân lao động mà ra, đại biểu phương thức sản xuất mới, hiện đại, gắn với và đại biểu cho lợi ích của toàn thể nhân dân lao động và dân tộc, do vậy nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa có *bản chất giai cấp công nhân*, vừa có *tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc* (giống như bản chất của nền dân chủ XHCN).

So với các kiểu nhà nước trong lịch sử, nhà nước XHCN là kiểu nhà nước mới, có bản chất khác với các kiểu nhà nước bóc lột. Tính ưu việt về bản chất nhà nước XHCN thể hiện:

Về chính trị: Nhà nước XHCN mang bản chất của giai cấp công nhân, giai cấp có lợi ích phù hợp với lợi ích chung của quần chúng nhân dân lao động. Nhà nước XHCN là đại biểu cho ý chí chung của nhân dân lao động.

Về kinh tế: Bản chất của nhà nước XHCN chịu sự quy định của cơ sở kinh tế của xã hội XHCN, đó là chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất chủ yếu. Do đó không tồn tại quan hệ sản xuất bóc lột.

Về văn hóa, xã hội: Nhà nước XHCN được xây dựng trên nền tảng tinh thần là lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin và những giá trị văn hóa tiên tiến, tiên bộ của nhân loại, đồng thời mang bản sắc riêng của dân tộc.

4.2.1.3. *Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa*

Chức năng của nhà nước XHCN được thực hiện cả bằng tổ chức có hiệu quả công việc xây dựng toàn diện xã hội mới, cả bằng việc sử dụng những công cụ bạo lực để đập tan sự phản kháng của kẻ thù chống lại sự nghiệp xây dựng CNXH, bảo vệ độc lập, chủ quyền của đất nước, giữ vững an ninh xã hội.

Theo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen việc giai cấp công nhân giành lấy quyền lực nhà nước mới chỉ là giai đoạn đầu tiên. Giai đoạn tiếp theo phải sử dụng quyền lực nhà nước. Như vậy, rõ ràng *chức năng tổ chức và xây dựng* phải là chức năng chủ yếu của nhà nước XHCN.

Phát triển quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về vấn đề này, V.I.Lê nin khẳng định, việc tích cực xây dựng chuyên chính vô sản, sáng tạo ra một xã hội mới, đó là chức năng quan trọng của nhà nước XHCN, quan trọng hơn cả việc đập tan sự phản kháng của giai cấp tư sản.

Về cơ bản, việc cải tạo xã hội cũ và xây dựng thành công xã hội mới là nội dung chủ yếu và mục đích cuối cùng của nhà nước XHCN. Đó là một sự nghiệp vĩ đại nhưng vô cùng khó khăn phức tạp, đòi hỏi nhà nước XHCN phải là bộ máy có đầy đủ sức mạnh trên nhiều phương diện.

4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ XHCN và nhà nước xã hội chủ nghĩa

Nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN có mối quan hệ gắn bó mật thiết, được thể hiện trên một số khía cạnh cơ bản như sau:

Một là: Dân chủ XHCN là cơ sở, nền tảng cho xây dựng và hoạt động của nhà nước XHCN. Điều này thể hiện, chỉ trong xã hội dân chủ XHCN, người dân mới có đầy đủ các điều kiện cho việc thực hiện ý chí của mình thông qua việc lựa chọn một cách công bằng, bình đẳng những người đại diện cho quyền lợi chính đáng của mình vào bộ máy nhà nước, tham gia một cách trực tiếp hay gián tiếp vào hoạt động quản lý, khai thác và phát huy một cách tốt nhất sức mạnh trí tuệ của nhân dân cho hoạt động nhà nước.

Hai là: Ra đời trên cơ sở nền dân chủ XHCN, nhà nước XHCN trở thành công cụ quan trọng trong việc thực thi quyền làm chủ của người dân. Bằng việc thể chế hóa ý chí của nhân dân thành các hành lang pháp lý, phân định một cách rõ ràng quyền và trách nhiệm của mỗi công dân, là cơ sở để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình, đồng thời là công cụ để ngăn chặn có hiệu quả các hành vi xâm hại đến quyền lợi và lợi ích chính đáng của người dân, bảo vệ nền dân chủ XHCN, *nà nhà nước XHCN nằm trong nền dân chủ XHCN là phương thức thể hiện và thực hiện dân chủ.*

Trong hệ thống chính trị XHCN, nhà nước là thiết chế có chức năng trực tiếp nhất trong việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện những yêu cầu dân chủ chân chính của nhân dân.

4.3. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

4.3.1.1. Sự ra đời, phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Chế độ dân chủ nhân dân ở nước ta được xác lập sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Mặc dù sau đó nhà nước ta chưa sử dụng cụm từ

“dân chủ xã hội chủ nghĩa” song trong các văn kiện của Đảng luôn quán triệt quan điểm “xây dựng chế độ làm chủ tập thể XHCN” gắn với “năm vững chuyên chính vô sản”.

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những bước phát triển quan trọng trong nhận thức lý luận về dân chủ và thực hiện dân chủ.

Tại Đại hội VI - Đại hội mở đầu của sự nghiệp đổi mới, khi nhấn mạnh phát huy dân chủ để tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển đất nước, Đảng ta đã khẳng định, “trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”¹.

Các quan điểm về nền dân chủ XHCN ở nước ta tiếp tục được bổ sung và hoàn thiện qua các kỳ Đại hội của Đảng và thực tiễn xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nội dung cơ bản của dân chủ XHCN là “tất cả quyền lực thuộc về nhân dân”. Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định bản chất dân chủ XHCN - dân chủ gắn liền với quyền làm chủ của nhân dân, dân là gốc, dân là chủ và dân làm chủ. Xây dựng nền dân chủ XHCN, do đó, là một trong những mục tiêu lớn, một nội dung hết sức quan trọng của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

4.3.1.2. Bản chất của nền dân chủ XHCN ở Việt Nam

Cũng như bản chất của nền dân chủ XHCN nói chung, ở Việt Nam, bản chất nền dân chủ XHCN là dựa vào Nhà nước xã hội chủ nghĩa và sự ủng hộ giúp đỡ của nhân dân. Có thể nói, đây là nền dân chủ mà con người là thành viên trong xã hội với tư cách là công dân, tư cách của người làm chủ. Quyền làm chủ của nhân dân là tất cả *quyền lực thuộc về nhân dân, dân làm gốc, là chủ, dân làm chủ*.

Sinh thời Hồ Chí Minh đã khẳng định: “nước ta là nước dân chủ” cho nên bao nhiêu lợi ích, bao nhiêu quyền lực đều “vì dân”. Kế thừa tư

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Nxb. CTQG, H2005, tr28.

tưởng dân chủ trong lịch sử, trực tiếp là tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh, từ khi ra đời cho tới nay, Đảng ta luôn xác định xây dựng nền dân chủ XHCN ở nước ta vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Bản chất nền dân chủ XHCN Việt Nam vì nhân dân ngày càng được khẳng định hơn trong các kỳ Đại hội của Đảng.

Tại Đại hội XII, Đảng ta tiếp tục khẳng định và diễn đạt chuẩn xác bài học về vai trò của nhân dân và vai trò của dân chủ XHCN trong đổi mới, phát triển đất nước. Bài học thứ 2 (trong 5 bài học được rút ra từ thực tiễn 30 năm đổi mới) khẳng định: “đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc”¹.

Trên thực tế, bản chất nền dân chủ XHCN ở Việt Nam được thực hiện thông qua các *hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp*. Hình thức dân chủ trực tiếp là hình thức mà thông qua đó, nhân dân bằng hành động trực tiếp của mình thực hiện quyền làm chủ nhà nước và xã hội. Hình thức dân chủ gián tiếp là hình thức dân chủ đại diện, được thực hiện do nhân dân “ủy quyền”, giao quyền lực của mình cho tổ chức mà nhân dân bầu ra.

Trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta, một tất yếu là không ngừng củng cố, hoàn thiện những điều kiện đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Thực tiễn đã minh chứng bản chất tốt đẹp và tính ưu việt của nền dân chủ XHCN ở Việt Nam ngày càng thể hiện giá trị lấy dân làm gốc. Thực hiện quyền dân chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, phát huy tính tích cực, sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

¹Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG, H.2016, tr.69

4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

4.3.2.1. Quan niệm và đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Hiện nay có nhiều cách tiếp cận khác nhau trong quan niệm về nhà nước pháp quyền. Song về cơ bản, nhà nước pháp quyền là nhà nước đề cao vai trò của pháp luật, hướng tới các vấn đề phúc lợi cho mọi người, tạo điều kiện cho nhân dân được tự do, bình đẳng, phát huy hết năng lực của chính mình. Trong hoạt động của nhà nước pháp quyền, các cơ quan nhà nước được phân công rõ ràng và được mọi người chấp nhận trên nguyên tắc bình đẳng của các thể lực, giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra khái quát liên quan đến nhà nước pháp quyền trên một số nét sau: Đề cao vai trò tối thượng của Hiến pháp và pháp luật; Đề cao quyền và nghĩa vụ của công dân; tổ chức bộ máy vừa đảm bảo tập trung, thống nhất, vừa có sự phân công giữa các nhánh quyền lực, phân cấp quyền hạn và trách nhiệm giữa các cấp chính quyền nhằm đảm bảo quyền dân chủ thuộc về nhân dân...

4.3.2.2. Đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Từ thực tiễn nhận thức và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, có thể thấy Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta có những đặc điểm sau:

Một là, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Đây là đặc trưng cơ bản, được ghi nhận trong Hiến pháp của nước ta và được thể hiện trong các quy định về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Hai là, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp,

hành pháp và tư pháp. Đây vừa là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta, vừa là quan điểm chỉ đạo quá trình tiếp tục thực hiện việc cải cách bộ máy nhà nước.

Ba là, Hiến pháp và các đạo luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Hệ thống pháp luật thể hiện đầy đủ, đúng đắn ý chí của nhân dân, phù hợp với hiện thực khách quan, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật là của tất cả công dân, không loại trừ đối với bất cứ ai.

Bốn là, Nhà nước ta tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân, thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật. Mục tiêu cao cả của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh về bảo đảm quyền con người, quyền công dân được thể chế hóa thành luật và được Nhà nước ta tổ chức thực hiện có kết quả.

Năm là, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tôn trọng và thực hiện đầy đủ các điều ước quốc tế mà Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Sáu là, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là đặc trưng cơ bản để phân biệt nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền tư sản chủ nghĩa.

4.3.3. Phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

4.3.3.1. Phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

Phát huy nền dân chủ XHCN ở nước ta tập trung vào các vấn đề như sau:

Một là, xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN tạo ra cơ sở kinh tế vững chắc cho xây dựng dân chủ XHCN.

Trước hết cần thể chế hóa quan điểm của Đảng về phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp. Xây dựng và hoàn thiện các thể chế nhà nước, cải cách hành chính các cấp, đồng thời phải phát triển đồng bộ các yếu tố của thị trường và các loại thị trường.

Hai là, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh với tư cách điều kiện tiên quyết để xây dựng nền dân chủ XHCN.

Để đảm bảo vai trò lãnh đạo của mình, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo.

Ba là, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN vững mạnh với tư cách điều kiện để thực thi dân chủ XHCN.

Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, phải thực thi quyền làm chủ của nhân dân trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, thể hiện bằng Hiến pháp và pháp luật.

Bốn là, nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nền dân chủ XHCN.

Các tổ chức chính trị - xã hội ở nước ta cần phải đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động để nâng cao vai trò, vị trí của mình, để tham gia giám sát, phản biện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, tham gia bảo vệ lợi ích chính đáng của người dân, tạo ra khối đoàn kết dân tộc vững mạnh.

Năm là, xây dựng và từng bước hoàn thiện các hệ thống giám sát, phản biện xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Công tác giám sát và phản biện xã hội là yếu tố quan trọng trong xây dựng nền dân chủ ở nước ta. Vì vậy, cần công khai hóa, minh bạch hóa, dân chủ hóa về thông tin, về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là các quyền lợi chính đáng của người dân.

Ngoài các vấn đề nêu trên, xây dựng nền dân chủ XHCN ở nước ta cũng cần chú ý tới nâng cao dân trí, văn hóa pháp luật cho toàn thể xã hội (cán bộ đảng viên, công chức, viên chức, nhân dân...).

4.3.3.2. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân là phương hướng cơ bản để phát huy dân chủ XHCN, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Văn kiện của Đảng toàn quốc lần thứ XIII nhấn mạnh, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Trong điều kiện mới, xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiên tạo phát triển, liêm chính, hành động; xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan nhà nước. “Lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững”¹. Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định. Đẩy nhanh tiến độ ban hành các luật trực tiếp triển khai thi hành Hiến pháp 2013.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, NXb CTQGST, H. 2021, tr 175

Quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta tập trung vào một số vấn đề chính như sau:

Một là, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam mang bản chất của giai cấp công nhân, đồng thời gắn bó chặt chẽ với dân tộc, với nhân dân. Đảm bảo quyền lực nhà nước thống nhất, có sự phân công phối hợp giữa các cơ quan nhà nước.

Hai là, cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước.

Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội để đảm bảo đây là cơ quan quyền lực cao nhất của nhân dân. Xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa, bỏ các thủ tục hành chính gây phiền hà cho tổ chức và công dân.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch có năng lực.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo, điều hành quản lý nhà nước. Đồng thời có chính sách đãi ngộ, khuyến khích các cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ. Xây dựng cơ chế xử lý nghiêm với những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật.

Bốn là, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.

Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm được coi là nhiệm vụ cấp bách, lâu dài của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta. Nhà nước ta đang tích cực đẩy mạnh cải cách hành chính phục vụ nhiệm vụ phòng chống tham nhũng, lãng phí xây dựng và hoàn thiện cơ chế khuyến khích và bảo vệ người đấu tranh chống tham nhũng. Khuyến khích toàn Đảng, toàn dân thực hành tiết kiệm.

Bên cạnh đó, Nhà nước tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trên cả ba lĩnh vực: Xây dựng pháp luật, chấp hành pháp luật và bảo vệ pháp luật.

Tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, hiện đại với tính công khai, minh bạch cao, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng. Tăng cường tổng kết thực tiễn, bổ sung và hoàn thiện lý luận, rút ra những bài học kinh nghiệm về cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Trên cơ sở đó, cung cấp những luận cứ khoa học để tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội; Nhà nước hoạt động ngày càng hiệu lực, hiệu quả; nhân dân ngày càng tham gia nhiều hơn vào các công việc của Nhà nước.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Bản chất của nền dân chủ XHCN?
2. Bản chất, chức năng của nhà nước XHCN?
3. Đặc điểm Nhà nước Pháp quyền XHCN Việt Nam? Từ đó nêu quan điểm của anh/chị về trách nhiệm của cá nhân góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong bối cảnh hiện nay?
4. Trong điều kiện của Việt Nam hiện nay, phát huy nền dân chủ XHCN cần phải làm gì?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Nxb. CTQG, tr28.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
7. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Giáo trình Cao cấp lý luận chính trị (2018), “*Chủ nghĩa xã hội khoa học*”, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
8. Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (2006), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin (2009), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. CTQG, H.1996, tập 6, tr515.
11. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. CTQG, H.1996, tập 7, tr499.
12. V.I.Lênin (1981), Toàn tập. Nxb. Tiếng bô, Mát xcova, t.30, tr.93.

Chương 5

CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Ở những nước khi mà giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác còn là những lực lượng đong đảo trong xã hội, thì cách mạng xã hội chủ nghĩa chỉ có thể giành được thắng lợi nếu giai cấp công nhân thực hiện được sự liên minh chặt chẽ với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác nhằm tạo nên khối đoàn kết của lực lượng cách mạng, trong đó nòng cốt là liên minh công - nông. Việc phát hiện ra đặc điểm cơ cấu xã hội - giai cấp của các nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tầm quan trọng của liên minh giai cấp chính là phát triển vô cùng quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lê nin góp phần xây dựng thành công sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

5.1. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

5.1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội

5.1.1.1. Khái niệm cơ cấu xã hội và giai cấp xã hội - giai cấp

Cơ cấu xã hội: Là những cộng đồng người cùng toàn bộ những mối quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên.

Cần phân biệt khái niệm cơ cấu xã hội với khái niệm cộng đồng xã hội.

Cộng đồng xã hội: Là một bộ phận người trong xã hội có chung một số dấu hiệu, nguyên tắc nhất định nào đó.

Cơ cấu xã hội có nhiều loại như: cơ cấu xã hội - dân cư, cơ cấu xã hội - nghề nghiệp, cơ cấu xã hội - giai cấp, cơ cấu xã hội - dân tộc, cơ cấu xã hội - tôn giáo...

Dưới góc độ chính trị - xã hội, môn Chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung nghiên cứu cơ cấu xã hội - giai cấp vì đó là một trong những cơ sở để nghiên cứu vấn đề liên minh giai cấp, tầng lớp trong một chế độ nhất định.

Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội... giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội - giai cấp là tổng thể các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội có mối quan hệ hợp tác và gắn bó chặt chẽ với nhau. Yếu tố quyết định mối quan hệ đó là họ cùng chung sức cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Các giai cấp, tầng lớp xã hội và các nhóm xã hội cơ bản trong cơ cấu xã hội - giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, tầng lớp doanh nhân, tầng lớp tiểu chủ, tầng lớp thanh niên, phụ nữ.v.v... Mỗi giai cấp, tầng lớp và các nhóm xã hội này có vị trí và vai trò xác định song dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản - đội tiền phong của giai cấp công nhân cùng hợp lực, tạo sức mạnh tổng hợp để thực hiện những mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến tới xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản với tư cách là một hình thái kinh tế - xã hội mới thay thế hình thái kinh tế - xã hội cũ đã lỗi thời.

5.1.1.2. Vị trí cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội

Trong hệ thống xã hội, mỗi loại hình cơ cấu xã hội đều có vị trí, vai trò xác định và giữa chúng có mối quan hệ, phụ thuộc lẫn nhau. Song vị trí, vai trò của các loại cơ cấu xã hội không ngang nhau, trong đó, cơ cấu xã hội - giai cấp có vị trí quan trọng hàng đầu, chi phối các loại hình cơ cấu xã hội khác vì những lý do cơ bản sau:

Cơ cấu xã hội - giai cấp liên quan đến các đảng phái chính trị và nhà nước, đến quyền sở hữu tư liệu sản xuất, quản lý tổ chức lao động, vấn đề phân phối thu nhập... trong một hệ thống sản xuất nhất định. Các loại hình cơ cấu xã hội khác không có được những mối quan hệ quan trọng và quyết định này.

Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp tất yếu sẽ ảnh hưởng đến sự biến đổi của các cơ cấu xã hội khác và sự tác động đến sự biến đổi của toàn bộ cơ cấu xã hội. Những đặc trưng và xu hướng biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, mọi hoạt động xã hội và mọi thành viên trong xã hội, qua đó thấy rõ thực trạng, quy mô, vai trò, sứ mệnh và tương lai của các giai cấp, tầng lớp trong sự biến đổi cơ cấu xã hội và phát triển xã hội. Vì vậy, cơ cấu xã hội - giai cấp là căn cứ để từ đó xây dựng chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi xã hội trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

Mặc dù cơ cấu xã hội - giai cấp giữ vị trí quan trọng song không vì thế mà tuyệt đối hóa nó, xem nhẹ các loại hình cơ cấu xã hội khác, từ đó có thể dẫn đến tùy tiện, muôn xóa bỏ nhanh chóng các giai cấp, tầng lớp xã hội một cách giản đơn theo ý muốn chủ quan.

5.1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Cơ cấu xã hội - giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thường xuyên có những biến đổi mang tính quy luật sau đây:

Một là, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi gắn liền và bị quy định bởi cơ cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong một hệ thống sản xuất nhất định, cơ cấu xã hội - giai cấp thường xuyên biến đổi do tác động của nhiều yếu tố, đặc biệt là những thay đổi về phương thức sản xuất, về cơ cấu ngành nghề, thành phần kinh tế, cơ cấu kinh tế, cơ chế kinh tế...

Ph.Ăngghen chỉ rõ: “Trong mọi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - giai cấp này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra, hai cái

đó cấu thành cơ sở của lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy...”¹.

Sau thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân cùng toàn thể các giai cấp, tầng lớp xã hội, các nhóm xã hội bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ mới, cơ cấu kinh tế tất yếu có những biến đổi và những thay đổi tất yếu dẫn đến những thay đổi trong cơ cấu xã hội theo hướng phục vụ thiết thực lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Cơ cấu kinh tế trong thời kỳ quá độ tuy vận động theo cơ chế thị trường, song có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Ở những nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội có xuất phát điểm thấp thì cơ cấu kinh tế có những biến đổi đa dạng: từ một cơ cấu kinh tế chủ yếu là nông nghiệp và công nghiệp còn ở trình độ sơ khai chuyển sang cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỉ trọng nông nghiệp; chuyển từ cơ cấu vùng lanh thổ còn chưa định hình sang hình thành các vùng, các trung tâm kinh tế lớn, chuyển từ cơ cấu lực lượng sản xuất hiện đại nhưng không cân đối, trình độ công nghệ nhìn chung còn lạc hậu hoặc trung bình chuyển sang phát triển lực lượng sản xuất với trình độ công nghệ cao, tiên tiến theo xu hướng ứng dụng những thành quả của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, của kinh tế tri thức, kinh tế số, cách mạng công nghiệp lần thứ tư... từ đó hình thành những cơ cấu kinh tế mới hiện đại hơn, với trình độ xã hội hóa cao và đồng bộ hài hòa hơn giữa các vùng, các khu vực, giữa nông thôn và thành thị, đô thị...

Hai là, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi phức tạp, đa dạng, làm xuất hiện các tầng lớp xã hội mới.

Chủ nghĩa Mác - Lê nin cho rằng, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ đan xen giữa dấu vết của xã hội cũ với những nhân tố mới của

¹ C.Mác và Ăngghen, Toàn tập, Nxb. CTQG, H.1995, tập 21, tr.11.

xã hội mới. Đây là thời kỳ đòi hỏi giai cấp công nhân và nhân dân lao động cần tổ chức, xây dựng xã hội mới trong lòng xã hội cũ.

Về mặt kinh tế, đó là tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần. Chính cái kết cấu kinh tế đa dạng phức tạp này dẫn đến những biến đổi đa dạng, phức tạp trong cơ cấu xã hội - giai cấp mà biểu hiện của nó là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại các giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau. Ngoài giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, giai cấp tư sản... thì hiện nay xuất hiện thêm các tầng lớp xã hội mới như: tầng lớp doanh nhân, tiểu chủ, tầng lớp những người giàu có và trung lưu trong xã hội...

Ba là, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi trong mối quan hệ vừa đấu tranh, vừa liên minh, từng bước xóa bỏ bất bình đẳng xã hội dẫn đến sự xích lại gần nhau.

Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi và phát triển trong mối quan hệ vừa có tính mâu thuẫn, đấu tranh, vừa có mối quan hệ liên minh với nhau, dẫn đến sự xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội tùy thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.

Mức độ liên minh, xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội tùy thuộc vào các điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn của thời kỳ quá độ. Tính đa dạng và tính độc lập tương đối của các giai cấp, tầng lớp sẽ diễn ra việc hòa nhập, chuyển đổi bộ phận giữa các nhóm xã hội và có xu hướng tiến tới từng bước xóa bỏ dần tình trạng bóc lột giai cấp trong xã hội, vươn tới những giá trị công bằng, bình đẳng. Đây là một quá trình lâu dài thông qua những cải biến cách mạng toàn diện của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là xu hướng tất yếu và là biện chứng của sự vận động, phát triển cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong cơ cấu xã hội - giai cấp ấy, giai cấp công nhân, lực lượng tiêu biểu cho phương thức sản xuất mới giữ vai trò chủ đạo, tiên phong trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cải tạo xã hội cũ, xây

dựng xã hội mới. Vai trò chủ đạo của giai cấp công nhân còn được thể hiện ở sự phát triển mối quan hệ liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức ngày càng giữ vị trí nền tảng chính trị - xã hội, từ đó tạo nên sự thống nhất của cơ cấu xã hội - giai cấp trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

5.2. LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

5.2.1. Tính tất yếu của liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Khi nghiên cứu thực tiễn các phong trào đấu tranh giai cấp công nhân chống lại sự áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản ở Châu Âu, nhất là ở nước Anh và nước Pháp từ giữa thế kỷ XIX, C.Mác và Ăngghen đã nêu ra nhiều lý luận nền tảng định hướng cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đi đến thắng lợi, trong đó lý luận về liên minh công, nông và các tầng lớp lao động khác đã được các ông khái quát thành vấn đề mang tính nguyên tắc. Các ông đã chỉ ra rằng, nhiều cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở những nước này thất bại chủ yếu là do giai cấp công nhân “đơn độc” vì đã không tổ chức liên minh chặt chẽ với những “người bạn đồng minh tự nhiên” của mình là giai cấp nông dân. Do vậy, các cuộc đấu tranh đó đã trở thành những “ bài đơn ca ai điểu”¹.

Xét dưới góc độ chính trị, trong một chế độ xã hội nhất định, chính cuộc đấu tranh giai cấp của các giai cấp có lợi ích đối lập nhau đặt ra nhu cầu tất yếu khách quan mỗi giai cấp đứng ở vị trí trung tâm đều phải tìm cách liên minh với các giai cấp, tầng lớp xã hội khác có những lợi ích phù hợp với mình để tập hợp lực lượng thực hiện nhu cầu và lợi ích chung - đó là quy luật mang tính phổ biến và là động lực lớn cho sự phát triển của các xã hội có giai cấp. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân phải liên minh với giai

¹ C.Mác và Ăngghen, Toàn tập, Nxb. CTQG - ST, H.1993, tập 8, tr.762

cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động để tạo sức mạnh tổng hợp đảm bảo cho thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa cả trong giai đoạn giành chính quyền và giai đoạn xây dựng chế độ xã hội mới.

Vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản đã phát triển cao, bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, V.I.Lênin cũng khẳng định liên minh công, nông là vấn đề mang tính nguyên tắc để đảm bảo cho thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga năm 1917. V.I.Lênin chỉ rõ : “Nếu không liên minh với nông dân thì không thể có được chính quyền của giai cấp vô sản, không thể nghĩ đến việc duy trì chính quyền đó... Nguyên tắc cao nhất của chuyên chính là duy trì khối liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân để giai cấp vô sản có thể giữ được vai trò lãnh đạo và chính quyền nhà nước”¹.

Trên thực tế, trong bước đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, V.I.Lênin đã chủ trương mở rộng khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp xã hội khác. Ông xem đây là một hình thức liên minh đặc biệt không chỉ trong giai đoạn giành chính quyền, mà phải được đảm bảo trong suốt quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. V.I.Lênin chỉ rõ : “Chuyên chính vô sản là một hình thức đặc biệt của liên minh giai cấp giữa giai cấp vô sản, đội tiên phong của những người lao động, với đông đảo những tầng lớp lao động không phải vô sản (tiểu tư sản, tiểu chủ, nông dân, trí thức, v.v..), hoặc với phần lớn những tầng lớp đó, liên minh nhằm chống lại tư bản, liên minh nhằm lật đổ hoàn toàn tư bản, tiêu diệt hoàn toàn sự chống cự của giai cấp tư sản và những mưu toan khôi phục của giai cấp áy, nhằm thiết lập và củng cố vĩnh viễn chủ nghĩa xã hội”².

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác vừa là lực lượng sản xuất cơ bản, vừa là lực lượng chính trị - xã hội to lớn. Nếu thực hiện tốt khối liên

¹ V.I.Lênin, Toàn tập, Nxb Tiết bô, M.1978, tập 44, tr.57

² V.I.Lênin, Toàn tập, Nxb Tiết bô, Matxcova.1977, tập 38, tr.452

minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác, trong đó trước hết là với trí thức thì không những xây dựng được cơ sở kinh tế vững mạnh mà chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa cũng ngày càng được củng cố vững chắc. Khẳng định vai trò của trí thức trong khối liên minh, V.I.Lênin viết : “Trước sự liên minh của các đại biểu khoa học, giai cấp vô sản và giới kỹ thuật, không một thế lực đen tối nào đứng vững được”¹.

Xét từ góc độ kinh tế, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội - tức là cách mạng chuyển sang giai đoạn mới, cùng với tất yếu chính trị - xã hội, tính tất yếu kinh tế của liên minh lại nỗi lên với tư cách là nhân tố quyết định nhất cho sự thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội. Liên minh này được hình thành xuất phát từ yêu cầu khách quan của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, và chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ một nền sản xuất nhỏ nông nghiệp là chính sang sản xuất hàng hóa lớn, phát triển công nghiệp, dịch vụ và khoa học - công nghệ..., xây dựng nền tảng vật chất - kỹ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội. Mỗi lĩnh vực của nền kinh tế chỉ phát triển được khi gắn bó chặt chẽ, hỗ trợ cho nhau để cùng hướng tới phục vụ phát triển sản xuất và tạo thành nền cơ cấu kinh tế này đã và đang từng bước tăng cường khối liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân, tầng lớp trí thức và các tầng lớp xã hội khác.

Việc hình thành khối liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức cũng xuất phát từ chính nhu cầu, lợi ích kinh tế của họ nên các chủ thể của các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, khoa học và công nghệ... tất yếu phải gắn bó, liên minh chặt chẽ với nhau để cùng thực hiện những nhu cầu và lợi ích kinh tế chung của mình. Song quan hệ lợi ích giữa công nhân, nông dân và tri thức cũng có những biểu hiện mới, phức tạp: bên cạnh sự thống nhất về lợi ích kinh tế, xuất hiện những mâu thuẫn lợi ích ở những mức độ khác nhau. Do vậy, quá trình thực hiện liên minh giai cấp, tầng lớp, đồng thời là quá trình liên tục phát hiện ra mâu thuẫn và có giải pháp kịp thời, phù hợp để giải quyết mâu thuẫn nhằm tạo sự đồng thuận và

¹ V.I.Lênin, Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Matxcova. 1978, tập 40, tr.218.

tạo động lực thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đồng thời tăng cường khối liên minh ngày càng bền chặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản của giai cấp công nhân.

Như vậy, liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự liên kết, hợp tác, hỗ trợ nhau... giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội nhằm thực hiện nhu cầu và lợi ích của các chủ thể trong khối liên minh, đồng thời tạo động lực thực hiện thắng lợi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

5.2.2. Cơ sở khách quan của việc xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

Xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cần dựa trên những cơ sở khách quan sau đây:

Thứ nhất, trong xã hội tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân cũng như nhiều tầng lớp lao động khác đều là những người lao động bị áp bức bóc lột.

Thứ hai, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế quốc dân là một thể thống nhất của nhiều ngành, nghề, ... nhưng trong đó công nghiệp và nông nghiệp là hai ngành sản xuất chính trong xã hội. Nếu không có sự liên minh chặt chẽ giữa công nhân và nông dân thì hai ngành kinh tế này cũng như các ngành, nghề khác không thể phát triển được. Công nghiệp tạo ra những sản phẩm phục vụ cho nông nghiệp và các ngành nghề khác. Nông nghiệp tạo ra lương thực, thực phẩm phục vụ cho toàn xã hội, tạo ra nông sản phục vụ cho công nghiệp. V.I.Lênin khẳng định rằng : “Công xưởng xã hội hóa sẽ cung cấp sản phẩm của mình cho nông dân và nông dân sẽ cung cấp lại lúa mì. Đó là hình thức tồn tại duy nhất có thể được trong chủ nghĩa xã hội, là hình thức duy nhất để xây dựng chủ nghĩa xã hội”¹.

¹ V.I.Lênin, Toàn tập, sđd, t.44,tr.57

Thứ ba, xét về mặt chính trị - xã hội, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác là lực lượng chính trị to lớn trong xây dựng, bảo vệ chính quyền nhà nước, trong xây dựng khối đoàn kết dân tộc. Do vậy, giai cấp nông dân và nhiều tầng lớp lao động khác trở thành những người bạn “tự nhiên”, tất yếu của giai cấp công nhân.

5.3. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

5.3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Việt Nam

Sau thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đuổi thực dân đế quốc và thống nhất đất nước, cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ này, cơ cấu xã hội - giai cấp ở Việt Nam có những đặc điểm nổi bật sau:

Sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp vừa đảm bảo tính qui luật *phổ biến*, vừa mang tính *đặc thù* của xã hội Việt Nam.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cơ cấu xã hội - giai cấp cũng vận động, biến đổi theo đúng quy luật: đó là sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp bị chi phối bởi những biến đổi trong cơ cấu kinh tế. Từ Đại hội VI (1986), dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam chuyển mạnh sang cơ chế thị trường phát triển kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự chuyển đổi trong cơ cấu kinh tế đã dẫn đến những biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp với việc hình thành một cơ cấu xã hội - giai cấp đa dạng thay thế cho cơ cấu xã hội đơn giản gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức của thời kỳ trước đổi mới. Sự biến đổi phức tạp đa dạng của cơ cấu xã hội - giai cấp Việt Nam diễn ra trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp cơ bản của xã hội; thậm chí có sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội, đồng thời xuất hiện những tầng lớp xã hội mới. Chính những biến đổi này cũng là một trong những yếu tố có tác động trở lại làm cho nền kinh tế đất nước phát

triển trở nên năng động, đa dạng hơn và trở thành động lực góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp, vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp xã hội ngày càng được khẳng định.

Cơ cấu xã hội - giai cấp của Việt Nam ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm những giai cấp, tầng lớp cơ bản sau:

Giai cấp công nhân Việt Nam có vai trò quan trọng đặc biệt, là giai cấp lãnh đạo cách mạng qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giữ vị trí tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức¹.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Giai cấp công nhân - lực lượng đi đầu của quá trình này sẽ có những biến đổi nhanh cả về số lượng, chất lượng và có sự thay đổi đa dạng về cơ cấu. Sự đa dạng của giai cấp công nhân không chỉ phát triển theo thành phần kinh tế mà còn phát triển theo ngành nghề. Bộ phận "công nhân hiện đại", "công nhân tri thức" sẽ ngày càng lớn mạnh. Trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp của công nhân cũng ngày càng được nâng lên nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức và cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang có xu hướng phát triển mạnh. Bên cạnh đó, sự phân hóa giàu - nghèo trong nội bộ công nhân cũng ngày càng rõ nét. Một bộ phận công nhân thu nhập thấp, giác ngộ ý thức chính trị giai cấp chưa cao và còn nhiều khó khăn về mọi mặt vẫn tồn tại.

Giai cấp nông dân cùng với nông nghiệp, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa X, Nxb CTQG, H.2008, tr.43-44.

thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái; là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp..."¹.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp nông dân cũng có sự biến đổi, đa dạng về cơ cấu giai cấp, có xu hướng giảm dần về số lượng và tỉ lệ trong cơ cấu xã hội - giai cấp. Một bộ phận nông dân chuyển sang lao động trong các khu công nghiệp, hoặc dịch vụ có tính chất công nghiệp và trở thành công nhân. Trong giai cấp nông dân xuất hiện những chủ trang trại lớn, đồng thời vẫn còn những nông dân mất ruộng đất, nông dân đi làm thuê... và sự phân hóa giàu nghèo trong nội bộ nông dân cũng ngày càng rõ.

Đội ngũ trí thức là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế tri thức, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, là lực lượng trong khối liên minh. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị².

Hiện nay, cùng với yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức trong điều kiện khoa học - công nghệ và cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang phát triển mạnh mẽ thì vai trò của đội ngũ trí thức càng trở nên quan trọng.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa X, Nxb CTQG, H2008, Tr.44

² Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa X, Nxb CTQG, H.2008

Đội ngũ doanh nhân ở Việt Nam đang phát triển nhanh cả về số lượng và qui mô với vai trò không ngừng tăng lên. Đây là tầng lớp xã hội đặc biệt được Đảng ta chủ trương xây dựng thành một đội ngũ vững mạnh. Trong đội ngũ doanh nhân có các doanh nhân với tiềm lực kinh tế lớn, có những doanh nhân vừa và nhỏ thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Đội ngũ này đang đóng góp tích cực vào việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động và tham gia giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo. Vì vậy, xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có năng lực, trình độ và phẩm chất, uy tín cao sẽ góp phần tích cực nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển nhanh, bền vững và bảo đảm độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

Phụ nữ là một lực lượng quan trọng và đông đảo trong đội ngũ những người lao động tạo dựng nên xã hội và đóng góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phụ nữ thể hiện vai trò quan trọng của mình trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và trong gia đình. Ở bất cứ thời đại nào, quốc gia, dân tộc nào, phụ nữ cũng phán đấu vượt qua mọi khó khăn, thách thức vươn lên đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội, duy trì ảnh hưởng của mình trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

Đội ngũ thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chăm lo, phát triển thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển vững bền của đất nước. Tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa, ý thức công dân cho thanh niên, nhất là học sinh, sinh viên để hình thành thế hệ thanh niên có phẩm chất tốt đẹp, có khí phách và quyết tâm hành động thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có trách nhiệm với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tóm lại, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, các giai cấp, tầng lớp xã hội biến đổi liên tục trong nội tại mỗi giai cấp, tầng lớp, hoặc xuất hiện thêm các nhóm xã hội mới. Trong quá trình này, cần phải có những giải pháp sát thực, đồng bộ và tác động tích cực để các giai cấp, tầng lớp có thể khẳng định vị trí xứng đáng và phát huy đầy đủ, hiệu

quả vai trò của mình trong cơ cấu xã hội và trong sự nghiệp phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Trên cơ sở những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về liên minh giai cấp, tầng lớp, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức đã được hình thành từ rất sớm ở nước ta và được khẳng định qua các kỳ Đại hội của Đảng. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo”¹.

Tại Đại hội XIII, Đảng ta đã xác định mục tiêu của cách mạng nước ta là “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài,...”². Mục tiêu đó cũng chính là đích đến, là điểm hội tụ sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

5.3.2.1. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, việc tổ chức khối liên minh vững mạnh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để thực hiện những nội dung cơ bản của liên minh.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. CTQG, H.2016

²Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Ban Chấp hành Trung ương, Hà Nội, tháng 2, 2021, tr.4.

Nội dung kinh tế của liên minh

Đây là nội dung cơ bản quyết định nhất, là cơ sở vật chất - kỹ thuật của liên minh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, V.I.Lênin chỉ rõ nội dung cơ bản nhất của thời kỳ này là: chính trị đã chuyển trọng tâm sang *chính trị trong lĩnh vực kinh tế*, đấu tranh giai cấp mang những nội dung và hình thức mới. Nội dung này cần thực hiện nhằm thỏa mãn các nhu cầu, lợi ích kinh tế thiết thực của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và các tầng lớp khác trong xã hội, nhằm tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội.

Nội dung kinh tế của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ở nước ta thực chất là sự hợp tác giữa họ, đồng thời mở rộng liên kết hợp tác với các lực lượng khác, đặc biệt là đội ngũ doanh nhân... để xây dựng nền kinh tế mới xã hội chủ nghĩa hiện đại. Nhiệm vụ và cũng là nội dung kinh tế xuyên suốt của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là: “Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị; phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng nông thôn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; gắn kết hài hòa, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế”¹.

Dưới góc độ kinh tế, xác định dùng tiềm lực kinh tế và nhu cầu kinh tế của công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội, trên cơ sở đó

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H.2021, tr.114

xây dựng kế hoạch đầu tư và tổ chức triển khai các hoạt động kinh tế đúng trên tinh thần đảm bảo lợi ích của các bên và tránh sự đầu tư không hiệu quả, lãng phí. Xác định đúng cơ cấu kinh tế (của cả nước, của ngành, địa phương, cơ sở sản xuất, v.v.), từ đó, các địa phương, cơ sở, vận dụng linh hoạt và phù hợp vào địa phương mình, ngành mình để xác định cơ cấu kinh tế cho đúng.

Tổ chức các hình thức giao lưu, hợp tác, liên kết kinh tế giữa công nghiệp - nông nghiệp - khoa học và công nghệ - dịch vụ; giữa các ngành kinh tế; các thành phần kinh tế, các vùng kinh tế; giữa trong nước và quốc tế... để phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống cho công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội. Chuyển giao và ứng dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ cao vào quá trình sản xuất kinh doanh nông nghiệp và công nghiệp, dịch vụ nhằm gắn kết chặt chẽ các lĩnh vực kinh tế cơ bản của quốc gia, qua đó gắn bó chặt chẽ công nhân, nông dân, trí thức và các lực lượng khác trong xã hội làm cơ sở kinh tế - xã hội cho sự phát triển của quốc gia.

Nội dung chính trị của liên minh

Khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức cần thực hiện nhằm tạo cơ sở chính trị - xã hội vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp vượt qua mọi khó khăn thử thách và đập tan mọi âm mưu chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Ở nước ta, nội dung chính trị của liên minh thể hiện ở việc giữ vững lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân, đồng thời giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với khối liên minh và đối với toàn xã hội để xây dựng và bảo vệ vững chắc chế độ chính trị, giữ vững độc lập dân tộc và định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn còn tồn tại những hệ tư tưởng cũ, những phong tục tập quán cũ lạc hậu; các thế lực thù địch vẫn tìm mọi cách chống phá chính quyền cách mạng, chống phá chế độ mới, vì vậy trên lập trường tư tưởng - chính trị của giai cấp công nhân, để thực

hiện liên minh giai cấp, tầng lớp, phải tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm", những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Xây dựng đội ngũ đảng viên và cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Củng cố niềm tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa”¹.

Nội dung văn hóa, xã hội của liên minh

Tổ chức liên minh để các lực lượng dưới sự lãnh đạo của Đảng cùng nhau xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu những tinh hoa, giá trị văn hóa của nhân loại và thời đại.

Nội dung văn hóa, xã hội của liên minh giai cấp, tầng lớp đòi hỏi phải đảm bảo “gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển, xây dựng con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội”. Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thẩm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bao vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xoá đói giảm nghèo, thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân; chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng sống cho nhân dân; nâng cao dân trí, thực hiện tốt an sinh xã hội. Đây là nội dung cơ bản, lâu dài tạo điều kiện cho liên minh giai cấp, tầng lớp phát triển bền vững.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb.CTQGST, H.2021, tr.199-200

5.3.2.2. Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội - giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến độ, công bằng xã hội tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp theo hướng tích cực.

Cơ cấu xã hội muốn biến đổi theo hướng tích cực phải dựa trên cơ sở tăng trưởng và phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Bởi vì chỉ có một nền kinh tế phát triển năng động, hiệu quả, dựa trên sự phát triển của khoa học công nghệ hiện đại mới có khả năng huy động các nguồn lực cho phát triển xã hội một cách thường xuyên và bền vững. Vì vậy, cần tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang phát triển công nghiệp và dịch vụ; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với kinh tế tri thức để tạo môi trường, điều kiện và động lực thúc đẩy sự biến đổi cơ cấu xã hội theo hướng ngày càng phù hợp và tiến bộ hơn.

Tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển văn hóa, đảm bảo tiến độ, công bằng xã hội và bảo vệ tài nguyên môi trường là cơ sở và điều kiện thuận lợi cho những biến đổi tích cực của cơ cấu xã hội, đồng thời hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của nó đến biến đổi cơ cấu xã hội, nhất là cơ cấu xã hội - giai cấp. Quan tâm thích đáng và phù hợp với mỗi giai cấp, tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là với tầng lớp yếu thế của xã hội. Tạo ra cơ hội công bằng cho mọi thành phần xã hội để tiếp cận đến sự phát triển về sở hữu tư liệu sản xuất, về giáo dục, y tế, các chính sách an sinh xã hội v.v...

Hai là, xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách xã hội tổng thể nhằm tác động tạo sự biến đổi tích cực cơ cấu xã hội, nhất là các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội - giai cấp.

Trong hệ thống chính sách xã hội, các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội - giai cấp cần được đặt lên vị trí hàng đầu. Các chính sách này không chỉ liên quan đến từng giai cấp, tầng lớp trong xã hội, mà còn chú ý

giải quyết tốt mối quan hệ trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp cũng như mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp với nhau để hướng tới đảm bảo công bằng xã hội, thu hẹp dần khoảng cách phát triển và sự phân hóa giàu nghèo giữa các giai cấp, tầng lớp, hoặc trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp xã hội. Cần có sự quan tâm thích đáng và phù hợp đối với mỗi giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Cụ thể:

Xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Gắn xây dựng giai cấp nông dân với phát triển nông nghiệp và quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá nông thôn, tạo điều kiện để cư dân nông thôn trở thành cư dân đô thị mà không dẫn đến di cư quy mô lớn.

Xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới. Có cơ chế phát huy dân chủ, tự do sáng tạo và đề cao đạo đức, trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học.

Phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh về số lượng và chất lượng, có tinh thần công hiến cho dân tộc, có chuẩn mực văn hoá, đạo đức tiên bội và trình độ quản trị, kinh doanh giỏi.

Tăng cường giáo dục thế hệ trẻ về lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá, nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc, nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, khát vọng vươn lên; nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với đất nước, với xã hội; Tạo động lực cho thanh niên xung kích trong học tập, lao động sáng tạo, khởi nghiệp, lập nghiệp; làm chủ các kiến thức khoa học, công nghệ hiện đại, phát huy vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của các tầng lớp phụ nữ. Xây dựng người phụ nữ Việt

Nam thời đại mới. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Động viên cựu chiến binh, công an hưu trí phát huy bản chất, truyền thống Bộ đội Cụ Hồ và Công an nhân dân Việt Nam cách mạng trong xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa...

Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội, cộng đồng và gia đình.

Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển.

Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chúc sắc, tín đồ sống "tốt đời đẹp đạo", đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hỗ trợ đê người Việt Nam ở nước ngoài có địa vị pháp lý vững chắc, phát triển kinh tế và đời sống, hòa nhập xã hội nước sở tại.

Ba là, tạo sự đồng thuận và phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất giữa các lực lượng trong khối liên minh và toàn xã hội.

Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của khối liên minh, của việc phát huy vai trò của mọi thành phần trong cơ cấu xã hội - giai cấp, từ đó xây dựng chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp với từng đối tượng để tạo động lực và tạo sự đồng thuận xã hội.

Tiếp tục giải quyết tốt các mâu thuẫn, các khác biệt và phát huy sự thống nhất trong các giai cấp, tầng lớp xã hội nhằm tạo sự đồng thuận, tạo sức mạnh tổng hợp, thực hiện sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Bốn là, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của các chủ thể trong khối liên minh.

Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội.

Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, lĩnh vực là phương thức căn bản và quan trọng để thực hiện và tăng cường liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ở Việt Nam hiện nay.

Đẩy mạnh nghiên cứu sáng tạo và ứng dụng các thành tựu của khoa học - công nghệ hiện đại, những thành tựu mới của cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong tất cả các ngành, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ... làm cơ sở vững chắc cho sự phát triển của nền kinh tế thông nhất. Để thực hiện tốt giải pháp này, vai trò của đội ngũ trí thức, cùng đội ngũ doanh nhân là rất quan trọng.

Năm là, đổi mới hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát triển bền vững đất nước.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà nước theo hướng tinh giản, hiệu quả. Xây dựng Nhà nước phục vụ, kiến tạo phát triển nhằm tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho tất cả các thành viên trong xã hội được phát triển một cách công bằng trước pháp luật. Mọi chính sách, pháp luật của Nhà nước phải nhằm phục vụ, bảo vệ và vì lợi ích căn bản chính đáng của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc với việc tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Mặt Trận Tổ quốc thường xuyên giữ mối liên hệ và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Công đoàn, Hội nông dân, Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, các hoạt động của đội ngũ doanh nhân... Trong liên minh cần đặc biệt chú trọng hình thức liên minh của thế hệ trẻ. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam cần chủ động hướng dẫn các hình thức hoạt động,

các phong trào thi đua yêu nước, phát huy tài năng sáng tạo của tuổi trẻ vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích rõ cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và liên hệ ở Việt Nam?
2. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vì sao phải thực hiện liên minh giai cấp, tầng lớp? Phân tích vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong cơ cấu xã hội - giai cấp Việt Nam?
3. Phân tích nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta hiện nay?
4. Làm rõ trách nhiệm của thanh niên, sinh viên trong việc góp phần củng cố khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008) *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển 2011)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội
6. Tạ Ngọc Tân (Chủ biên) (2010), *Một số vấn đề về biến đổi cơ cấu xã hội Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

7. Giáo trình Cao cấp lý luận chính trị (2018), Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, “*Chủ nghĩa xã hội khoa học*”, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
8. Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (2006), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
9. Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (2003), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
10. Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin (2009), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
11. Đỗ Thị Thạch, Nguyễn Đức Bách, Nguyễn Thị Ngân, *Tìm hiểu môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.

Chương 6

VÂN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một thời kỳ lịch sử lâu dài và khó khăn với mục đích cuối cùng là bảo đảm thành công sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Vân đề dân tộc và tôn giáo cần phải được giải quyết một cách khoa học trên lập trường thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công. Vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc phân tích đặc điểm dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra những quan điểm và chính sách phù hợp để giải quyết vân đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

6.1. VÂN ĐỀ DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

6.1.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc

6.1.1.1. Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của dân tộc

Khái niệm dân tộc

Cũng như nhiều hình thức cộng đồng khác, dân tộc là sản phẩm của một quá trình phát triển lâu dài của xã hội loài người. Trước khi dân tộc xuất hiện, loài người đã trải qua các hình thức cộng đồng từ thấp đến cao: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc.

Ở phương Tây, dân tộc xuất hiện khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được xác lập thay thế vai trò của phương thức sản xuất phong kiến. Ở phương Đông, dân tộc được hình thành trên cơ sở một nền văn hóa, một tâm lý dân tộc đã phát triển tương đối chín muồi và một công

đồng kinh tế tuy đã đạt tới một mức độ nhất định nhưng nhìn chung còn kém phát triển và ở trạng thái phân tán.

Khái niệm dân tộc được hiểu theo hai nghĩa cơ bản:

Theo nghĩa hẹp, dân tộc - tộc người (ethnies) là cộng đồng người được hình thành lâu dài trong lịch sử và có ba đặc trưng cơ bản sau:

Cộng đồng về ngôn ngữ (bao gồm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết; hoặc chỉ riêng ngôn ngữ nói). Đây là tiêu chí cơ bản để phân biệt các tộc người khác nhau và là vấn đề luôn được các dân tộc coi trọng giữ gìn. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển tộc người, vì nhiều nguyên nhân khác nhau, có những tộc người không còn ngôn ngữ mẹ đẻ mà sử dụng ngôn ngữ khác làm công cụ giao tiếp.

Cộng đồng về văn hóa (bao gồm văn hóa vật thể và phi vật thể). Văn hóa ở mỗi tộc người phản ánh truyền thống, lối sống, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của tộc người đó. Lịch sử phát triển của các tộc người gắn liền với truyền thống văn hóa của họ.

Ý thức tự giác tộc người. Đây là tiêu chí quan trọng nhất để phân định một tộc người và có vị trí quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi tộc người. Đặc trưng nổi bật là các tộc người luôn tự ý thức về nguồn gốc, tộc danh của dân tộc mình; ý thức tự khẳng định sự tồn tại và phát triển của mỗi tộc người cho dù có nhiều tác động làm thay đổi địa bàn cư trú, lãnh thổ hay tác động ảnh hưởng của giao lưu kinh tế, văn hóa... Sự hình thành và phát triển ý thức tự giác tộc người liên quan trực tiếp đến các yếu tố của ý thức, tình cảm, tâm lý tộc người.

Ba đặc trưng trên tạo nên sự ổn định trong mỗi tộc người trong quá trình phát triển. Căn cứ vào ba tiêu chí này để xem xét và phân định các tộc người ở Việt Nam hiện nay. Trong một quốc gia có nhiều tộc người, căn cứ vào số lượng của mỗi cộng đồng, người ta phân thành tộc người đa số và tộc người thiểu số. (Cách gọi này không căn cứ vào trình độ phát triển của mỗi cộng đồng).

Theo nghĩa rộng, dân tộc hay quốc gia dân tộc (nation) là cộng đồng chính trị - xã hội có những đặc trưng cơ bản sau:

Có chung một phương thức sinh hoạt kinh tế. Đây là đặc trưng quan trọng nhất của dân tộc. Các mối quan hệ kinh tế là cơ sở liên kết các bộ phận, các thành viên của dân tộc, tạo nên nền tảng vững chắc của cộng đồng dân tộc.

Có lãnh thổ chung ổn định không bị chia cắt, là địa bàn sinh tồn và phát triển của cộng đồng dân tộc. Khái niệm lãnh thổ bao gồm cả vùng đất, vùng biển, hải đảo, vùng trời thuộc chủ quyền của quốc gia dân tộc và thường được thể chế hóa thành luật pháp quốc gia và luật pháp quốc tế. Vận mệnh dân tộc một phần rất quan trọng gắn với việc xác lập và bảo vệ lãnh thổ quốc gia dân tộc.

Có ngôn ngữ chung của quốc gia làm công cụ giao tiếp trong xã hội và trong cộng đồng (bao gồm cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết).

Có nét tâm lý dân tộc biểu hiện kết tinh trong nền văn hóa dân tộc và tạo nên bản sắc riêng của nền văn hóa dân tộc. Đối với các quốc gia có nhiều tộc người thì tính thống nhất trong đa dạng văn hóa là đặc trưng của nền văn hóa dân tộc.

Có một nhà nước và pháp luật thống nhất. Dân tộc - quốc gia - nhà nước là thống nhất không thể tách rời. Dân tộc nào cũng có một nhà nước nhất định và nhà nước nào cũng của một dân tộc nhất định.

Như vậy, khái niệm dân tộc cần được hiểu theo hai nghĩa khác nhau. Thực chất, hai vấn đề này tuy khác nhau nhưng lại gắn bó mật thiết với nhau và không thể tách rời.

6.1.1.2. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc

Nghiên cứu về vấn đề dân tộc, V.I.Lênin đã phát hiện ra hai xu hướng khách quan của sự phát triển các dân tộc.

Xu hướng thứ nhất: Cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập. Nguyên nhân là do sự thức tỉnh, sự trưởng thành của ý thức dân tộc, ý thức về quyền sống của mình, các cộng đồng dân cư muốn tách ra để thành lập các cộng đồng dân tộc độc lập. Xu hướng này đã biểu hiện rõ nét trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc muốn thoát khỏi sự áp bức, bóc lột của các nước thực dân, đế quốc.

Xu hướng thứ hai: Các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau. Xu hướng này nổi lên trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc đi bóc lột thuộc địa. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học công nghệ, của giao lưu kinh tế, văn hóa trong xã hội tư bản chủ nghĩa đã tạo nên mối liên hệ quốc gia và quốc tế mở rộng giữa các dân tộc, xóa bỏ sự biệt lập, khép kín, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.

Hai xu hướng này vận động trong điều kiện của chủ nghĩa đế quốc gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Xu hướng các dân tộc muốn được sống độc lập, tự do bị chính sách xâm lược của chủ nghĩa đế quốc xóa bỏ. Xu hướng các dân tộc xích lại gần nhau trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng cũng bị chủ nghĩa đế quốc phủ nhận, thay vào đó là những khối liên hiệp với sự áp đặt, thống trị của chủ nghĩa đế quốc nhằm áp bức, bóc lột các dân tộc còn nghèo nàn và lạc hậu.

Khi nghiên cứu về dân tộc và hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc, chủ nghĩa Mác - Lê nin cho rằng, chỉ trong điều kiện chủ nghĩa xã hội, khi tình trạng áp bức giai cấp, tình trạng người bóc lột người bị thủ tiêu thì tình trạng áp bức dân tộc cũng bị xóa bỏ. Quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là sự quá độ lên một xã hội thực sự tự do, bình đẳng, đoàn kết hữu nghị giữa người và người trên toàn thế giới.

Trong thời đại ngày nay, hai xu hướng khách quan của phong trào dân tộc do V.I.Lê nin phát hiện đang phát huy tác dụng với những biểu hiện rất phong phú và đa dạng.

Biểu hiện của hai xu hướng xét trong phạm vi các quốc gia xã hội chủ nghĩa có nhiều dân tộc:

Xu hướng thứ nhất biểu hiện trong sự nỗ lực của từng dân tộc để đi tới sự tự chủ và phồn vinh của bản thân dân tộc mình. Xu hướng thứ hai tạo nên sự thúc đẩy mạnh mẽ để các dân tộc trong cộng đồng quốc gia xích lại gần nhau hơn, hòa hợp với nhau hơn trong mọi lĩnh vực của đời sống.

Ở các quốc gia xã hội chủ nghĩa, hai xu hướng này phát huy tác động cùng chiều, bổ sung, hỗ trợ cho nhau và diễn ra trong từng dân tộc, trong

cộng đồng quốc gia và đến tất cả các quan hệ dân tộc. Sự xích lại gần nhau trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng giữa các dân tộc sẽ tạo điều kiện cho từng dân tộc đi nhanh tới sự tự chủ và phồn vinh. Mỗi dân tộc không những có điều kiện khai thác tối đa tiềm năng của dân tộc mình để phát triển mà còn nhận được sự giúp đỡ, dựa vào tiềm năng của dân tộc anh em để phát triển nhanh chóng.

Sự xích lại gần nhau giữa các dân tộc trong một quốc gia sẽ làm cho những giá trị, tinh hoa của các dân tộc hòa nhập vào nhau, bổ sung cho nhau làm phong phú thêm giá trị chung của quốc gia - dân tộc. Tuy nhiên, sự hòa nhập đó không xóa bỏ sắc thái đặc thù của từng dân tộc; ngược lại, nó bảo lưu, gìn giữ và phát huy những tinh hoa, bản sắc của từng dân tộc. Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, cả hai xu hướng trên đều loại trừ các tư tưởng và hành vi kỳ thị dân tộc, chia rẽ dân tộc, tự ti dân tộc, dân tộc hẹp hòi, xung đột dân tộc...

Biểu hiện của hai xu hướng xét trên phạm vi thế giới:

Thời đại ngày nay là thời đại các dân tộc bị áp bức đã vùng dậy, xóa bỏ ách đô hộ của chủ nghĩa đế quốc và giành lấy sự tự quyết định vận mệnh của dân tộc mình, bao gồm quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc, quyền bình đẳng với các dân tộc khác. Đây là một trong những mục tiêu chính trị chủ yếu của thời đại - mục tiêu độc lập dân tộc.

Xu hướng này biểu hiện trong phong trào giải phóng dân tộc thành sức mạnh chống chủ nghĩa đế quốc và chính sách của chủ nghĩa thực dân mới dưới mọi hình thức. Đồng thời, xu hướng này cũng biểu hiện trong cuộc đấu tranh của các dân tộc nhỏ bé đang là nạn nhân của sự kỳ thị dân tộc, phân biệt chủng tộc, bị coi là đối tượng của chính sách đồng hóa cưỡng bức ở nhiều nước tư bản.

Thời đại ngày nay còn có xu hướng các dân tộc muốn xích lại gần nhau để trở lại hợp nhất thành một quốc gia thống nhất theo nguyên trạng đã được hình thành trong lịch sử. Xu hướng này tạo nên sức hút các dân tộc vào các liên minh được hình thành trên những cơ sở lợi ích chung nhất

định. Các dân tộc có những lợi ích mang tính khu vực như: gần nhau về địa lý, môi trường thiên nhiên, tương đồng về giá trị văn hóa, trùng hợp nhau về lịch sử và hiện tại trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung bên ngoài. Sự liên minh đó còn tạo nên sức hút trên toàn cầu nhằm tập trung giải quyết những vấn đề chung của nhân loại như: chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường sinh thái, dịch bệnh hiểm nghèo, dân số, sức khỏe... Lợi ích toàn cầu có tác động sâu xa gắn bó loài người trong một quá trình vận động thống nhất, vì các dân tộc quốc gia trên thế giới hiện nay có trình độ phát triển khác nhau nên cần có sự hỗ trợ nhau để cùng tiến bộ. Nhận rõ điều này, mỗi dân tộc, mỗi quốc gia phải biết thực hiện chính sách độc lập tự chủ để mở cửa hội nhập vào dòng vận động chung của nhân loại; đồng thời tìm ra giải pháp hữu hiệu để gìn giữ, phát huy bản sắc của dân tộc mình.

Trong xu thế hiện nay, vấn đề xây dựng và củng cố sự thống nhất trong đa dạng dân tộc của một quốc thổ toàn vẹn là mối quan tâm lớn trong vấn đề dân tộc nhằm ổn định xã hội, tạo tiền đề lớn nhất cho sự tồn tại và phát triển của quốc gia - dân tộc, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, củng cố an ninh, quốc phòng, giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia. Tuy nhiên, có nhiều quốc gia dân tộc đang tiềm ẩn nguy cơ xung đột tộc người, ly khai dân tộc và chia cắt quốc thổ, do chưa giải quyết thỏa đáng vấn đề bình đẳng dân tộc, bao gồm: quan hệ bình đẳng lợi ích giữa các dân tộc - tộc người trong điều kiện đa dân tộc, vấn đề người di cư, nhập cư và vấn đề công dân, quốc tịch... Mặt khác, những thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, để ra những trường phái dân tộc nước lớn, dân tộc cực đoan, dân tộc ly khai, chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa dân túy... nhằm phục vụ lợi ích của thiểu số, tạo nên những tình huống xung đột phức tạp về dân tộc. Trong quan hệ giữa các quốc gia ngày nay, tuy chế độ thực dân cũ đã kết thúc, nhưng chế độ thực dân mới với những biến tướng vô cùng phức tạp vẫn đang tồn tại, là công cụ để ràng buộc các nước yếu thế lệ thuộc vào các nước có thế lực hơn vì lợi ích của các nước này. Vì vậy thoát khỏi sự lệ thuộc để giải phóng dân tộc, giành quyền tự chủ vẫn là cuộc đấu tranh rất lâu dài, gian khổ để giành độc lập thực sự, thực hiện

triết đế mục tiêu cuối cùng của sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhiều quốc gia.

6.1.1.3. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin

Trên cơ sở tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về vấn đề dân tộc, cùng với sự phân tích hai xu hướng khách quan của phong trào dân tộc, V.I.Lênin đã khái quát thành *Cương lĩnh dân tộc* với ba nội dung cơ bản sau:

Một là: Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là quyền thiêng liêng của các dân tộc. Tất cả các dân tộc, dù đông người hay ít người, có trình độ phát triển cao hay thấp đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau, không có đặc quyền đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa cho bất cứ dân tộc nào.

Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng giữa các dân tộc phải được pháp luật bảo vệ và được thực hiện trong thực tế, trong đó việc khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc do lịch sử để lại có ý nghĩa cơ bản.

Trong quan hệ giữa các quốc gia - dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc gắn liền với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa bá quyền; chống sự áp bức, bóc lột của các nước tư bản phát triển đối với các nước lạc hậu, chậm phát triển về kinh tế. Mọi quốc gia đều bình đẳng trong quan hệ quốc tế.

Hai là: Các dân tộc được quyền tự quyết

Quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc, quyền tự quyết định chế độ chính trị - xã hội và con đường phát triển của dân tộc mình.

Quyền dân tộc tự quyết bao gồm quyền tự do phân lập thành cộng đồng quốc gia dân tộc độc lập và quyền tự nguyện liên hiệp lại với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.

Khi xem xét giải quyết quyền tự quyết của dân tộc cần đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân: ủng hộ các phong trào dân tộc tiến bộ, kiên quyết đấu tranh chống lại những mưu toan lợi dụng quyền dân tộc

tự quyết làm chiêu bài để can thiệp vào công việc nội bộ các nước, đòi ly khai chia rẽ dân tộc.

Ba là: Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc

Đây là nội dung cơ bản trong Cương lĩnh dân tộc của V.I.Lênin. Liên hiệp công nhân các dân tộc thể hiện bản chất quốc tế của giai cấp công nhân, phong trào công nhân và phản ánh sự thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Nó đảm bảo cho phong trào dân tộc có đủ sức mạnh để giành thắng lợi.

Đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Nó có vai trò quyết định đến việc xem xét, thực hiện quyền bình đẳng dân tộc và quyền dân tộc tự quyết. Đây cũng là yếu tố tạo nên sức mạnh bảo đảm cho thắng lợi của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Vì vậy, nội dung liên hiệp công nhân các dân tộc đóng vai trò liên kết cả ba nội dung của Cương lĩnh thành một chỉnh thể.

Đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc là sự thể hiện thực tế tinh thần yêu nước mà thời đại ngày nay đã trở thành sức mạnh cực kỳ to lớn. Nội dung đó phù hợp với tinh thần quốc tế chân chính đang lên tiếng kêu gọi các dân tộc, quốc gia xích lại gần nhau.

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin là một bộ phận trong cương lĩnh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp; là cơ sở lý luận của đường lối, chính sách dân tộc của các Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

6.1.2. Văn đề dân tộc ở Việt Nam và quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay

6.1.2.1. Đặc điểm của dân tộc Việt Nam

Việt Nam là một dân tộc nằm trong khu vực Đông Nam Á, đã hình thành từ rất sớm với 54 dân tộc anh em cùng chung sống, phân bố rải rác trên địa bàn cả nước. Dân tộc Việt Nam có những đặc điểm nổi bật sau:

Thứ nhất: Có sự chênh lệch về số dân giữa các dân tộc

Việt Nam có 54 dân tộc thống nhất được phân bố rải rác trên lãnh thổ cả nước. Dân tộc đông nhất là dân tộc Kinh 73.594.341 người, chiếm 85,7% dân số cả nước; 53 dân tộc thiểu số với 12.252.656 người, chiếm 14,3% dân số. Tỷ lệ số dân giữa các dân tộc không đồng đều, có dân tộc với số dân lớn hơn 1 triệu người (Tày, Nùng, Thái, Mường, Khơ-me, Mông,...), có dân tộc với số dân chỉ vài trăm người (Si la, Pu Péo, Rơ măm, O Đu, Brau...). Những dân tộc có số dân ít sẽ rất khó khăn trong việc tổ chức cuộc sống, bảo tồn tiếng nói, văn hóa dân tộc, duy trì và phát triển giống nòi. Do vậy, phát triển số dân hợp lý cho các dân tộc thiểu số ít người được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm.

Tuy có sự chênh lệch đáng kể về đời sống vật chất và tinh thần, nhưng các dân tộc vẫn coi nhau như anh em dùm bọc lẫn nhau, chung sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ở nước ta không có tình trạng dân tộc đa số cuồng bức, đồng hóa, thôn tính các dân tộc ít người, do đó cũng không có tình trạng dân tộc ít người chống lại dân tộc đa số.

Thứ hai: Các dân tộc cư trú xen kẽ lẫn nhau

Việt Nam là nơi chuyển cư của nhiều dân tộc ở khu vực Đông Nam Á. Các dân tộc ở Việt Nam sống phân tán, xen kẽ và không có lãnh thổ tộc người riêng. Đặc điểm này tạo điều kiện thuận lợi để các dân tộc tăng cường mở rộng giao lưu, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển và tạo nên một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng. Tuy nhiên, do có nhiều tộc người sống xen kẽ nên trong quá trình sinh sống cũng dễ nảy sinh mâu thuẫn, xung đột, tạo kẽ hở để các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc phá hoại an ninh chính trị và sự thống nhất của đất nước.

Thứ ba: Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng

Mặc dù chỉ chiếm 14,3% dân số, nhưng 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam lại cư trú trên ¾ diện tích lãnh thổ và ở những vị trí trọng yếu của đất nước như: vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa. Một số dân tộc có quan hệ dòng tộc với các dân tộc ở các nước láng giềng và khu vực (dân

tộc Hoa, Thái, Mông, Khơme...). Do vậy, các thế lực phản động thường lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá cách mạng Việt Nam.

Thứ tư: Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đều

Ở các quốc gia có nhiều dân tộc, sự phát triển không đồng đều giữa các dân tộc là tình trạng khá phổ biến, do nhiều nguyên nhân: lịch sử, xã hội, điều kiện tự nhiên nơi sinh sống... quy định.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra và thực hiện nhiều chủ trương, chính sách theo tinh thần tạo điều kiện để từng bước miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiến kịp vùng đồng bào đa số. Qua hơn 30 năm đổi mới, tình hình kinh tế - xã hội miền núi và vùng dân tộc thiểu số đã có sự phát triển vượt bậc. Tuy nhiên, giữa các dân tộc thiểu số với nhau cũng như giữa các dân tộc thiểu số với dân tộc đa số, trình độ phát triển kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều chênh lệch. Về phương diện kinh tế: đại bộ phận các dân tộc ở Việt Nam đã chuyển sang phương thức sản xuất tiền bô, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; một số ít các dân tộc còn dựa vào khai thác tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế còn thấp kém. Về phương diện văn hóa - xã hội: trình độ dân trí, trình độ chuyên môn kỹ thuật, trình độ tổ chức đời sống, quan hệ xã hội của các dân tộc thiểu số có sự khác nhau và phát triển còn thấp.

Muốn thực hiện bình đẳng dân tộc, phải từng bước giảm và tiến tới xóa bỏ khoảng cách phát triển giữa các dân tộc về kinh tế, văn hóa và xã hội. Đây là nội dung quan trọng trong đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta để các dân tộc thiểu số phát triển nhanh và bền vững.

Thứ năm: Các dân tộc ở Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc - quốc gia thống nhất

Truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam được hình thành từ sớm, do yêu cầu của quá trình cải biến tự nhiên và nhu cầu phải hợp sức lại để cùng đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước. Đoàn kết dân tộc trở thành truyền thống quý báu của các dân tộc Việt Nam, là một trong những nguyên nhân và động lực quyết định mọi thắng lợi của dân

tộc trong các giai đoạn lịch sử. Ngày nay, để thực hiện thắng lợi chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các dân tộc Việt Nam phải ra sức phát huy nội lực, nâng cao cảnh giác, kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động chia rẽ, phá hoại khói đại đoàn kết dân tộc.

Thứ sáu: Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất

Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất trong đa dạng. Các dân tộc đều có chung một lịch sử dựng nước và giữ nước, đều sớm hình thành ý thức về một quốc gia độc lập, thống nhất. Đồng thời, mỗi dân tộc anh em có những giá trị và sắc thái văn hóa riêng. Ở nước ta có *nhiều dòng ngôn ngữ*, trong mỗi dòng lại có những nhóm khác nhau. *Văn hóa, sản xuất, kiến trúc, xây dựng...* giữa các dân tộc có nhiều nét khác nhau. *Văn hóa ăn, mặc* của các dân tộc hết sức phong phú. *Phong tục, tập quán, lối sống* mỗi dân tộc khác nhau. *Tổ chức xã hội* của dân tộc Kinh có xóm, làng, xã; dân tộc Thái có bản, mường; dân tộc Êđê có buôn, xã; dân tộc Khmer có phum, xóm... Già làng, già bản ở nhiều dân tộc thiểu số có uy tín cao. Đặc biệt, các dân tộc thiểu số ở nước ta có *kho tàng văn hóa dân gian*, bao gồm các làn điệu dân ca, các điệu múa, các bản trường ca..., vô cùng phong phú và có giá trị nghệ thuật lớn. Chính bản sắc văn hóa mỗi dân tộc tạo nên nền văn hóa Việt Nam rực rỡ. Sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới phải hướng vào việc củng cố và tăng cường sự thống nhất, nhân lên sức mạnh tinh thần chung của toàn dân tộc. Đồng thời phải khai thác và phát triển mọi sắc thái và giá trị văn hóa của các dân tộc, đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần ngày càng cao của từng dân tộc.

6.1.2.2. Quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay

* *Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay về vấn đề dân tộc*

Đảng Cộng sản Việt Nam ngay từ khi ra đời đã thực hiện nhất quán những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc.

Trong mỗi thời kỳ cách mạng, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng vấn đề dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; coi việc giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là nhiệm vụ có tính chiến lược nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, cũng như tiềm năng của từng dân tộc, đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội XI (2011) của Đảng ta khẳng định: “Các dân tộc trong đại gia đình dân tộc Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹. Từ thực tế vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở nước ta, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) cũng chỉ rõ: “Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số”².

Tại Đại hội XII (2016), trên cơ sở đánh giá kết quả, hạn chế trong cơ chế, chính sách về dân tộc, Đảng ta chủ trương: “Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng có đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây duyên hải miền Trung”³.

Đại hội XIII (2021) khẳng định: “Khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển và đời sống văn hoá giữa các vùng, miền, các giai tầng xã

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.51.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.81.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.164.

hội, đặc biệt quan tâm đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, các khu công nghiệp..."¹.

Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay

Về chính trị: Thực hiện tốt chính sách các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc; kiên quyết chống kỳ thị và chia rẽ dân tộc; chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan; khắc phục tư tưởng tự ti, mặc cảm dân tộc... Chính sách dân tộc góp phần nâng cao tính tích cực chính trị của công dân; nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc thiểu số về tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, đoàn kết các dân tộc, thống nhất mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Về kinh tế: Thực hiện phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Có chính sách phát triển kinh tế hàng hóa ở các vùng dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện và đặc điểm từng vùng, từng dân tộc, đảm bảo cho đồng bào các dân tộc khai thác được thế mạnh của địa phương để làm giàu cho mình và đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây là vấn đề quan trọng để khắc phục sự chênh lệch về kinh tế, văn hóa, đảm bảo sự bình đẳng thực sự giữa các vùng, giữa các dân tộc.

Về văn hóa: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người, xây dựng đời sống văn hóa, nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân. Đào tạo các cán bộ văn hóa, xây dựng môi trường, thiết chế văn hóa phù hợp với điều kiện của các tộc người trong quốc gia đa dân tộc. Mở rộng giao lưu văn hóa với các quốc gia, các khu vực trên thế giới. Đầu tranh chống tệ nạn xã hội, chống diễn biến hòa bình trên mặt trận văn hóa-tư tưởng ở nước ta hiện nay nhằm góp phần giữ vững ổn định chính trị,

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.144.

đẩy mạnh phát triển kinh tế, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Về xã hội: Thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo an sinh xã hội. Từng bước thực hiện bình đẳng xã hội, công bằng thông qua việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, dân số, y tế, giáo dục... trên cơ sở chú ý đến tính đặc thù ở mỗi vùng, mỗi dân tộc. Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở và tổ chức chính trị - xã hội ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

Về an ninh quốc phòng: Tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc, đảm bảo ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; phối hợp chặt chẽ các lực lượng trên từng địa bàn; tăng cường quan hệ quân dân, tạo thế trận quốc phòng toàn dân trong vùng đồng bào dân tộc.

Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay mang tính toàn diện, bao trùm tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, liên quan đến mỗi dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc trong cộng đồng quốc gia. Phát triển kinh tế - xã hội của các dân tộc là nền tảng để tăng cường đoàn kết và thực hiện quyền bình đẳng dân tộc, là cơ sở để từng bước khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các dân tộc. Do vậy, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước tamang tính cách mạng, tiến bộ và mang tính nhân văn sâu sắc. Bởi vì, chính sách đó không bỏ sót bất kỳ dân tộc nào, không cho phép bắt cứ tư tưởng khinh miệt, kỳ thị, chia rẽ dân tộc nào; tôn trọng quyền làm chủ của mỗi con người và quyền tự quyết của các dân tộc. Đồng thời, nó còn phát huy nội lực của mỗi dân tộc kết hợp với sự giúp đỡ có hiệu quả của các dân tộc anh em trong cả nước.

6.2. VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

6.2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lenin về vấn đề tôn giáo

6.2.1.1. Khái niệm, bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo

Khái niệm và bản chất của tôn giáo

Khái niệm tôn giáo:

Theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê nin, tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh một cách hoang đường, hư ảo hiện thực khách quan. Qua sự phản ánh của tôn giáo, những sức mạnh tự phát trong tự nhiên và xã hội đều trở thành thần bí. Ph.Ăngghen đã viết: “Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc của con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở tràn thế đã mang hình thức những lực lượng siêu tràn thế”¹.

Phân biệt tôn giáo với tín ngưỡng và mê tín dị đoan:

Tín ngưỡng là một khái niệm rộng hơn tôn giáo. Ở đây chúng ta chỉ đề cập đến một dạng tín ngưỡng - đó là tín ngưỡng tôn giáo (gọi tắt là tôn giáo).

Tín ngưỡng là niềm tin và sự ngưỡng mộ của con người vào một hiện tượng, một lực lượng siêu nhiên, tôn sùng vào một điều gì đó mang tính thần bí, hư ảo tác động đến tâm linh con người, trong đó bao hàm cả niềm tin tôn giáo. Có nhiều loại hình tín ngưỡng như: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ Mẫu, tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc...

Còn tôn giáo được hiểu là một hiện tượng xã hội bao gồm có ý thức tôn giáo lấy niềm tin tôn giáo làm cơ sở, hành vi và các tổ chức hoạt động tín ngưỡng tôn giáo - nghĩa là, tôn giáo thường có giáo lý, giáo luật, lễ nghi và các tổ chức giáo hội.

Mê tín là niềm tin mê muội, viễn vông, không dựa trên một cơ sở khoa học nào. Nói cách khác, mê tín là niềm tin về mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện, sự vật, hiện tượng, nhưng thực tế không có mối liên hệ cụ thể, rõ ràng, khách quan, tất yếu nhưng được bao phủ bởi các yếu tố siêu nhiên, thần thánh, hư ảo.

Dị đoan là sự suy đoán, hành động một cách tùy tiện, sai lệch những điều bình thường, chuẩn mực trong cuộc sống.

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen (1994): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 20, tr.437

Mê tín dị đoan là niềm tin của con người vào các lực lượng siêu nhiên, thần thánh đến mức độ mê muội, cuồng tín, dẫn đến những hành vi cực đoan, thái quá, trái với các giá trị văn hóa, đạo đức, pháp luật, gây tổn hại cho cá nhân, xã hội và cộng đồng.

Bản chất của tôn giáo:

Tôn giáo là sản phẩm của con người, gắn với những điều kiện lịch sử tự nhiên và lịch sử xã hội xác định. Về bản chất, tôn giáo là một hiện tượng xã hội phản ánh sự bất lực, bế tắc của con người trước tự nhiên và xã hội. Ở mức độ nhất định, tôn giáo cũng chứa đựng một số giá trị phù hợp với văn hóa, đạo đức xã hội như: đoàn kết, hướng thiện, quan tâm đến con người... Tôn giáo là niềm an ủi, chỗ dựa tinh thần của quần chúng nhân dân lao động.

Về phương diện thế giới quan, thế giới quan tôn giáo là duy tâm, đối lập với hệ tư tưởng và thế giới quan duy vật mácxít. Tuy vậy, trong thực tiễn, những người cộng sản có lập trường mácxít không bao giờ có thái độ xem thường hay trấn áp những nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo hợp pháp của nhân dân. Ngược lại, chủ nghĩa Mác - Lê nin và những người cộng sản luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.

Sự khác nhau giữa chủ nghĩa xã hội hiện thực và thiên đường mà các tôn giáo thường hướng tới là ở chỗ: trong quan niệm tôn giáo, thiên đường không phải là hiện thực, mà là ở thế giới bên kia (là cái hư ảo); còn những người cộng sản chủ trương và hướng con người vào xã hội văn minh, hạnh phúc ngay ở thế giới hiện thực, do mọi người xây dựng và vì mọi người.

Nguồn gốc của tôn giáo

Nguồn gốc kinh tế - xã hội của tôn giáo: Trong xã hội nguyên thủy, do trình độ lực lượng sản xuất thấp kém, con người cảm thấy yếu đuối và bất lực trước thiên nhiên rộng lớn và thần bí. Vì vậy, họ đã gán cho tự nhiên những sức mạnh và thần thánh hóa nó. Đó là hình thức tồn tại đầu tiên của tôn giáo.

Khi xã hội xuất hiện các giai cấp đối kháng, do không giải thích được nguồn gốc của sự phân hóa giai cấp và áp bức, bóc lột, bất công, tội ác...

cùng với lo sợ trước sự thống trị của các lực lượng xã hội, con người trông chờ vào sự giải phóng của một lực lượng siêu nhiên ngoài trần thế.

Như vậy, sự yếu kém của trình độ lực lượng sản xuất, sự bần cùng về kinh tế, áp bức về chính trị, sự bất lực trước những bất công xã hội là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo.

Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo: Ở một giai đoạn lịch sử nhất định, nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và bản thân mình là có giới hạn. Khoa học có nhiệm vụ từng bước khám phá những điều chưa biết. Những gì khoa học chưa giải thích được thì điều đó dễ bị tôn giáo thay thế. Ngay cả những vấn đề đã được khoa học chứng minh, nhưng do trình độ dân trí thấp, chưa nhận thức được đầy đủ, thì đây vẫn là điều kiện cho tôn giáo ra đời và tồn tại. Thực chất nguồn gốc nhận thức của tôn giáo chính là sự tuyệt đối hóa, sự cường điệu về mặt chủ thể của nhận thức con người, biến cái nội dung khách quan thành cái siêu nhiên, thần thánh.

Nguồn gốc tâm lý của tôn giáo: Ngoài sự sợ hãi trước sức mạnh của tự nhiên và xã hội, tôn giáo làm nảy sinh những tình cảm như: lòng biết ơn, sự kính trọng, tình yêu trong quan hệ giữa con người với tự nhiên và con người với con người... Đó là những giá trị tích cực của tôn giáo.

Tôn giáo đã đáp ứng nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, góp phần bù đắp những hụt hẫng trong cuộc sống, an ủi, xoa dịu nỗi đau. Vì thế, dù chỉ là hạnh phúc hư ảo nhưng nhiều người vẫn tin vào tôn giáo.

Tính chất của tôn giáo:

Tính lịch sử của tôn giáo: Tôn giáo là một hiện tượng xã hội có tính lịch sử, nghĩa là tôn giáo có sự hình thành, tồn tại, phát triển và có khả năng biến đổi trong những giai đoạn lịch sử nhất định để thích nghi với nhiều chế độ chính trị - xã hội. Khi các điều kiện kinh tế - xã hội, lịch sử thay đổi, tôn giáo cũng có sự thay đổi theo. Trong quá trình vận động của các tôn giáo, chính các điều kiện kinh tế - xã hội, lịch sử - cụ thể đã làm cho các tôn giáo bị chia tách thành nhiều tôn giáo, hệ phái khác nhau.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, đến một giai đoạn lịch sử, khi khoa học và giáo dục giúp cho đại đa số quần chúng nhân dân nhận

thức được bản chất các hiện tượng tự nhiên và xã hội thì tôn giáo sẽ dần dần mất đi vị trí của nó trong đời sống xã hội và cả trong nhận thức, niềm tin của mỗi con người.

Tính quần chúng của tôn giáo: Tôn giáo là một hiện tượng xã hội phổ biến ở tất cả các dân tộc, quốc gia, châu lục. Tính quần chúng của tôn giáo không chỉ biểu hiện ở số lượng tín đồ rất đông đảo (gần 3/4 dân số thế giới), mà còn thể hiện ở chỗ các tôn giáo là nơi sinh hoạt văn hóa, tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân. Dù tôn giáo hướng con người vào niềm tin hạnh phúc hứa hẹn của thế giới bên kia, song nó luôn phản ánh khát vọng của những người lao động về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái. Mặt khác, nhiều tôn giáo có tính nhân văn, nhân đạo và hướng thiện nên được nhiều người ở các tầng lớp khác nhau trong xã hội (đặc biệt là quần chúng nhân dân lao động) tin theo.

Tính chính trị của tôn giáo: Khi xã hội chưa có giai cấp, tôn giáo chưa mang tính chính trị. Tính chất chính trị của tôn giáo chỉ xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp, có sự khác biệt, sự đối kháng về lợi ích giai cấp. Do tôn giáo là sản phẩm của những điều kiện kinh tế - xã hội, phản ánh lợi ích, nguyện vọng của các giai cấp khác nhau trong cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, nên tôn giáo mang tính chính trị. Mặt khác, khi giai cấp bóc lột, thống trị sử dụng tôn giáo để phục vụ cho lợi ích của giai cấp mình, chống lại các giai cấp lao động và tiến bộ xã hội, tôn giáo mang tính chính trị tiêu cực, phản tiến bộ. Vì vậy, cần nhận thức rõ ràng: đa số quần chúng tín đồ đến với tôn giáo nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh thần; song, trên thực tế tôn giáo đã và đang bị các thế lực chính trị - xã hội lợi dụng thực hiện mục đích ngoài tôn giáo của họ.

6.2.1.2. Nguyên nhân tồn tại của tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tôn giáo vẫn còn tồn tại do những nguyên nhân chủ yếu sau:

Nguyên nhân nhận thức: Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trình độ dân trí của nhân dân chưa thật cao; nhiều hiện tượng tự nhiên, xã

hội và cả con người đến nay khoa học vẫn chưa giải thích được. Hiện nay, nhân loại đã đạt được những thành tựu to lớn về khoa học và công nghệ, với những tiến bộ vượt bậc của công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và vật liệu mới... đã giúp con người có thêm khả năng nhận thức xã hội và làm chủ tự nhiên. Tuy nhiên, thế giới khách quan là vô cùng, vô tận, còn nhận thức của con người là một quá trình và có giới hạn. Do vậy, thế giới còn nhiều vấn đề mà hiện tại khoa học chưa thể làm rõ. Những sức mạnh tự phát của tự nhiên, xã hội đã tác động và chi phối đời sống con người. Cho nên, tâm lý sợ hãi, trông chờ, nhờ cậy, tin tưởng vào Thần, Thánh, Phật... chưa thể gạt bỏ khỏi ý thức của con người.

Nguyên nhân kinh tế: Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế với những lợi ích khác nhau của các giai tầng xã hội. Trong đời sống hiện thực, sự bất bình đẳng về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa vẫn còn diễn ra, sự cách biệt khá lớn về đời sống vật chất và tinh thần giữa các nhóm dân cư còn tồn tại phổ biến. Do đó, những yếu tố may rủi, ngẫu nhiên vẫn tác động mạnh mẽ đến con người, làm cho con người trở nên thụ động với tư tưởng nhờ cậy, cầu mong vào những lực lượng siêu nhiên.

Nguyên nhân tâm lý: Tôn giáo đã tồn tại lâu đời trong lịch sử nhân loại, ăn sâu vào tiềm thức của nhiều người dân, trở thành niềm tin, lối sống, phong tục tập quán, tình cảm của bộ phận đông đảo quần chúng nhân dân qua nhiều thế hệ. Trong mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, ý thức xã hội thường bảo thủ hơn so với sự biến đổi của tồn tại xã hội, trong đó tôn giáo lại là một trong những hình thái ý thức xã hội bảo thủ nhất. Cho nên, dù có những biến đổi mạnh mẽ về kinh tế, chính trị - xã hội, tôn giáo vẫn không thể biến đổi ngay theo tiến độ của những biến đổi kinh tế, xã hội mà nó phản ánh.

Ngoài ra, sự sợ hãi của con người trước các hiện tượng tự nhiên, xã hội, dịch bệnh, chiến tranh; những may rủi bất ngờ xảy ra hoặc tâm lý muôn được bình yên khi làm một việc lớn (như: ma chay, cưới xin, làm nhà, kinh doanh...), con người cũng dễ tìm đến tôn giáo. Tín ngưỡng, tôn giáo đã đáp ứng nhu cầu tinh thần của bộ phận nhân dân, góp phần bù đắp

những hụt hẫng trong cuộc sống, nỗi trống vắng trong tâm hồn, an ủi, vỗ về, xoa dịu cho các số phận lúc sa cơ lỡ vận. Vì thế, dù chỉ là hạnh phúc hư ảo, nhưng nhiều người vẫn tin, vẫn bám víu vào tôn giáo.

Nguyên nhân chính trị - xã hội: Xét về mặt giá trị, một số nguyên tắc của tôn giáo phù hợp với chủ nghĩa xã hội, với đường lối, chính sách của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Đó là những giá trị đạo đức, văn hóa với tinh thần nhân đạo, hướng thiện... đáp ứng được nhu cầu của một bộ phận quần chúng nhân dân. Dưới chủ nghĩa xã hội, tôn giáo cũng có khả năng tự biến đổi để thích nghi theo xu hướng “đồng hành cùng dân tộc”, “sống tốt đời, đẹp đẽ”, “sống phúc âm giữa lòng dân tộc”... Nhà nước không ngừng nâng cao địa vị, tính tích cực của những người có đạo bằng cách tạo điều kiện để họ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động thực tiễn. Trên cơ sở đó, nhà nước xã hội chủ nghĩa làm cho người có đạo hiểu rằng, niềm tin tôn giáo chân chính không đối lập với chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa; chủ nghĩa xã hội đang hiện thực hóa lý tưởng của chủ nghĩa nhân đạo trong cuộc sống mỗi người dân.

Cuộc đấu tranh giai cấp vẫn đang diễn ra dưới nhiều hình thức đa dạng và phức tạp. Các thế lực chính trị vẫn lợi dụng tôn giáo để phục vụ cho mưu đồ chính trị của chúng, chống phá nhà nước xã hội chủ nghĩa, gây chia rẽ nhân dân, cản trở quá trình xây dựng xã hội mới... Mặt khác, những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, khủng bố, bạo loạn, lật đổ... còn xảy ra ở nhiều nơi. Nỗi lo sợ về chiến tranh, bệnh tật, đói nghèo... cùng với nhiều mối đe dọa khác là điều kiện thuận lợi cho tôn giáo tồn tại.

Nguyên nhân văn hóa: Trong thực tế sinh hoạt văn hóa, sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo đã đáp ứng được phần nào nhu cầu văn hóa tinh thần và có ý nghĩa nhất định về giáo dục ý thức, đạo đức, lối sống của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Vì vậy, việc kế thừa, bảo tồn và phát huy văn hóa (có chọn lọc) của nhân loại, trong đó có đạo đức tôn giáo là cần thiết. Mặt khác, tín ngưỡng tôn giáo có liên quan đến tình cảm, tư tưởng của một bộ phận dân cư. Tín ngưỡng, tôn giáo thường được thực hiện dưới hình thức là những nghi lễ tín ngưỡng cùng với những lời răn theo chuẩn mực đạo

đức phù hợp với quan niệm của mỗi loại tôn giáo. Do đó, sự tồn tại của tín ngưỡng tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như một hiện tượng khách quan.

6.2.1.3. Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lenin giải quyết vấn đề tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội

Giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cần dựa trên những nguyên tắc sau:

Một là, khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo trong đời sống xã hội phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Đó là yêu cầu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Hai là, tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của mọi công dân. Công dân có tôn giáo hay không có tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau. Nghiêm cấm mọi hành vi vi phạm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân.

Ba là, thực hiện đoàn kết những người theo tôn giáo với những người không theo tôn giáo, đoàn kết các tôn giáo hợp pháp, đoàn kết dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ vì lý do tín ngưỡng tôn giáo.

Bốn là, phân biệt rõ hai mặt chính trị và tư tưởng trong vấn đề tôn giáo. Mặt tư tưởng thể hiện sự tín ngưỡng trong tôn giáo. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, khắc phục mặt này là việc làm thường xuyên và lâu dài. Mặt chính trị là sự lợi dụng của tôn giáo của những phần tử phản động nhằm chống lại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đầu tranh loại bỏ mặt chính trị phản động trong tôn giáo là nhiệm vụ thường xuyên, vừa phải khẩn trương, kiên quyết, vừa phải thận trọng và có sách lược phù hợp.

Năm là, phải có quan điểm lịch sử - cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo. Ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò tác động của từng tôn giáo

đối với đời sống xã hội cũng khác nhau. Quan điểm, thái độ của các giáo hội, giáo sĩ, giáo dân về các lĩnh vực của đời sống xã hội có sự khác biệt. Do vậy, cần phải có quan điểm lịch sử - cụ thể khi xem xét, đánh giá và giải quyết những vấn đề liên quan đến tôn giáo.

6.2.2. Vấn đề tôn giáo ở Việt Nam và quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay

6.2.2.1. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam

Thứ nhất: Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo

Việt Nam là một quốc gia có sự tồn tại của nhiều tôn giáo khác nhau: có tôn giáo du nhập từ bên ngoài (như Phật giáo, Công Giáo, Tin lành, Hồi giáo, Baha'i...), có tôn giáo được hình thành từ trong nước (như Cao Đài, Hòa Hảo, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương...), có tôn giáo đã tồn tại lâu dài trong lịch sử, có tôn giáo mới hình thành... Bên cạnh đó, Việt Nam cũng tồn tại hệ thống các tín ngưỡng khác nhau trong sinh hoạt đời sống tinh thần nhân dân như: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ Mẫu, tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc...

Số lượng tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam không có sự tương đồng. Theo số liệu của Ban Tôn giáo Chính phủ năm 2011, nước ta có hơn 25 triệu tín đồ (chiếm hơn $\frac{1}{4}$ dân số), trong đó Phật giáo khoảng 10 triệu tín đồ, Công giáo 6,1 triệu tín đồ, Cao Đài 2,4 triệu tín đồ, Hòa Hảo 1,2 triệu tín đồ, Tin Lành 1,5 triệu tín đồ và Hồi giáo khoảng 100.000 tín đồ.

Nước ta hiện nay có 13 tôn giáo đã được công nhận tư cách pháp nhân (Phật giáo, Công Giáo, Hồi giáo, Tin lành, Cao Đài, Phật Giáo Hòa Hảo, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương, Baha'i, Minh Lý đạo - Tam Tông miếu, Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư Đạo, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội, Bà la môn) và trên 40 tổ chức tôn giáo đã được công nhận về mặt tổ chức hoặc đã đăng ký hoạt động với khoảng 24 triệu tín đồ, 95.000 chức sắc, 200.000 chức việc và hơn 23.250 cơ sở thờ tự¹.

¹ Nguồn: Ban Tôn giáo Chính phủ, 12/2017

Thứ hai: Tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo

Các tôn giáo ở Việt Nam có sự đa dạng về nguồn gốc và truyền thống lịch sử. Mỗi tôn giáo ở Việt Nam có quá trình lịch sử tồn tại và phát triển khác nhau, nên sự gắn bó với dân tộc cũng khác nhau. Tín đồ của các tôn giáo khác nhau cùng chung sống hòa bình trên một địa bàn, giữa họ có sự tôn trọng niềm tin của nhau và chưa từng xảy ra xung đột, chiến tranh tôn giáo.

Thứ ba: Tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc

Tín đồ các tôn giáo Việt Nam có thành phần rất đa dạng, chủ yếu là người lao động. Đa số tín đồ các tôn giáo đều có tinh thần yêu nước, không giặc ngoại xâm, gắn bó với dân tộc, đi theo Đảng, theo cách mạng, hăng hái tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong các giai đoạn lịch sử, tín đồ các tôn giáo cùng với các tầng lớp nhân dân làm nên những thắng lợi to lớn, vang danh của dân tộc và có ước vọng sống “tốt đời, đẹp đạo”.

Thứ tư: Hàng ngũ chức sắc các tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ

Chức sắc tôn giáo là tín đồ có chức vụ, phẩm sắc trong tôn giáo, họ tự nguyện thực hiện thường xuyên nếp sống riêng theo giáo lý, giáo luật của tôn giáomà mình tin theo. Chức năng của họ là truyền bá, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi, quản lý tổ chức của tôn giáo, duy trì, củng cố, phát triển tôn giáo, chuyên chăm lo đến đời sống tâm linh của tín đồ.

Trong giai đoạn hiện nay, hàng ngũ chức sắc các tôn giáo ở Việt Nam luôn chịu sự tác động của tình hình chính trị - xã hội trong và ngoài nước, nhưng nhìn chung xu hướng tiến bộ trong hàng ngũ chức sắc ngày càng phát triển.

Thứ năm: Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài

Nhìn chung các tôn giáo ở nước ta, không chỉ các tôn giáo ngoại nhập, mà cả các tôn giáo nội sinh đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài hoặc các tổ chức tôn giáo quốc tế.

Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới, đây chính là điều kiện gián tiếp củng cố và phát sinh mới các mối quan hệ giữa các tôn giáo Việt Nam với các tôn giáo ở các nước trên thế giới. Vì vậy, việc giải quyết vấn đề tôn giáo ở Việt Nam phải đảm bảo kết hợp giữa mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế với việc bảo đảm độc lập, chủ quyền, không để cho kẻ địch lợi dụng dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo để chống phá, can thiệp vào công việc nội bộ của Nhà nước Việt Nam.

Thứ sáu: Các tôn giáo ở Việt Nam thường bị các thế lực thực dân, đế quốc, phản động lợi dụng

Trong những năm trước đây cũng như giai đoạn hiện nay, các thế lực thực dân, đế quốc luôn ủng hộ, tiếp tay cho các đối tượng phản động ở trong nước lợi dụng tôn giáo để thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” đối với nước ta. Lợi dụng đường lối đổi mới, mở rộng dân chủ của Đảng và Nhà nước ta, các thế lực thù địch bên ngoài thúc đẩy các hoạt động tôn giáo, tập hợp tín đồ, tạo thành một lực lượng đấu tranh đòi hoạt động của tôn giáo thoát ly khỏi sự quản lý của Nhà nước; tìm mọi cách quốc tế hóa vấn đề tôn giáo ở Việt Nam.

6.2.2.2. Quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay

Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay về tôn giáo

Xuất phát từ những nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đặc điểm tôn giáo ở nước ta, Đảng ta đã khẳng định: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng theo hoạc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo với đồng bào không theo tôn giáo. Chăm lo phát triển kinh tế,

văn hóa, nâng cao đời sống của đồng bào cả nước. Chống mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, đồng thời chống việc lợi dụng tín ngưỡng để làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và nhân dân”¹.

Xuất phát từ những nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đặc điểm tôn giáo ở nước ta, Đảng ta đã khẳng định: “Thực hiện tốt mục tiêu đoàn kết tôn giáo, đại đoàn kết dân tộc. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người theo quy định của pháp luật. Phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo vào giữ gìn và nâng cao đạo đức truyền thống xã hội, xây dựng đời sống văn hóa ở các khu dân cư, góp phần ngăn chặn các tệ nạn xã hội”².

Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay

Thực hiện quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân trên cơ sở pháp luật. Công dân có tôn giáo hay không có tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau. Cần phát huy những giá trị tích cực của tôn giáo, nghiêm cấm mọi hành vi vi phạm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân.

Thực hiện đoàn kết người có tín ngưỡng tôn giáo với những người không có tín ngưỡng tôn giáo; đoàn kết những tín đồ giữa các tôn giáo; đoàn kết giữa các tổ chức tôn giáo. Xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn thể dân tộc. Nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ cộng đồng vì lý do tín ngưỡng tôn giáo.

Tích cực vận động đồng bào các tôn giáo tăng cường đoàn kết toàn dân nhằm xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo”; tích cực góp phần vào công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; chăm lo cải thiện đời sống vật chất và văn hóa, nâng cao trình độ mọi mặt cho đồng bào.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2001): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.128

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.272

Hướng các chức sắc giáo hội hoạt động tôn giáo theo đúng pháp luật, ủng hộ các tôn giáo theo xu hướng tiến bộ, làm cho các giáo hội ngày càng gắn bó với dân tộc và sự nghiệp cách mạng của toàn dân, thể hiện vai trò trách nhiệm của tôn giáo ở một quốc gia độc lập.

Luôn cảnh giác, kịp thời chống lại những âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo chống lại sự nghiệp cách mạng của nhân dân, chống lại chủ nghĩa xã hội. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng tôn giáo, gây rối, âm mưu phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc...

Những quan hệ quốc tế và đối ngoại về tôn giáo hoặc có liên quan đến tôn giáo phải theo chế độ, chính sách chung về quan hệ quốc tế đối ngoại của Nhà nước.

Như vậy, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta bao gồm nhiều mặt, vừa có mặt đối nội, vừa có mặt đối ngoại. Thực hiện chính sách tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo. Nhà nước thực hiện chức năng quản lý của mình thông qua chính sách, pháp luật. Các đoàn thể nhân dân và Mặt trận Tổ quốc có nhiệm vụ vận động các tín đồ và chức sắc tôn giáo phấn đấu xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo”.

6.3. QUAN HỆ GIỮA DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

Quan hệ dân tộc và tôn giáo là sự liên kết, tác động qua lại, chi phối lẫn nhau giữa dân tộc và tôn giáo trong nội bộ một quốc gia, hoặc giữa các quốc gia với nhau trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Việc giải quyết mối quan hệ này như thế nào ảnh hưởng đến sự ổn định chính trị và phát triển bền vững của mỗi quốc gia.

Ở Việt Nam, mối quan hệ dân tộc và tôn giáo có những đặc điểm sau:

Thứ nhất: Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo; quan hệ dân tộc và tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất

Cho đến nay ở Việt Nam, các tôn giáo gắn bó chặt chẽ với dân tộc, đồng hành cùng dân tộc. Mọi công dân Việt Nam, không phân biệt dân tộc và tôn giáo đều đoàn kết, ý thức về cội nguồn, về một quốc gia - dân tộc thống nhất cùng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai: Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống

Ở Việt Nam, tín ngưỡng truyền thống biểu hiện ở nhiều cấp độ trên phạm vi cả nước, không phân biệt dân tộc, tôn giáo. Đó là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ anh hùng dân tộc, những người có công với nước... Tín ngưỡng truyền thống đó đã làm nên nét đặc thù trong quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.

Thứ ba: Các hiện tượng tôn giáo mới xuất hiện có xu hướng phát triển mạnh, nếu không có sự quản lý tốt sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống cộng đồng và khôi đại đoàn kết toàn dân tộc

Từ khi đất nước đổi mới đến nay, một số hiện tượng tôn giáo mới xuất hiện như: Long Hoa Di Lặc, Tin Lành Vàng Chứ, Thanh Hải vô thượng sú, Tiên rồng...; các tổ chức đội lốt tôn giáo như: Tin Lành Đề Ga, Hà Mòn ở Tây Nguyên... Các hiện tượng tôn giáo mới phát triển mạnh cần phải được quản lý tốt nhằm đảm bảo sự ổn định chính trị quốc gia và đảm bảo giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở nước ta.

Thứ tư: Các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo nhằm thực hiện “diễn biến hòa bình”, nhất là tập trung ở bốn khu vực trọng điểm: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây duyên hải miền Trung

Trong những năm gần đây, thế giới xuất hiện những vấn đề mới trong dân tộc và tôn giáo trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Các thế lực thù địch đã lợi dụng những vấn đề này kết hợp với những vấn đề dân tộc và tôn giáo ở nước ta tạo ra những điểm nóng, gây mất ổn định xã hội. Đây là những vấn đề bức xúc, thường tập trung ở một số địa bàn trọng yếu, những khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa... Qua đó, các thế lực thù địch thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, kích động tư tưởng tự tri,

ly khai, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi nhằm thực hiện ý đồ phá hoại khói đại đoàn kết dân tộc và tôn giáo ở nước ta.

6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

Trên cơ sở nhận diện rõ các đặc điểm của quan hệ dân tộc và tôn giáo ở nước ta hiện nay, quá trình giải quyết mối quan hệ này cần quán triệt một số quan điểm sau:

Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam.

Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong mối quan hệ với cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, quyền của các dân tộc thiểu số, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào mục đích chính trị.

Tóm lại, nhận diện rõ những đặc điểm của quan hệ dân tộc và tôn giáo ở nước ta hiện nay, một mặt, tiếp tục phát huy hiệu quả và tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo tạo sự đoàn kết dân tộc và tôn giáo nhằm xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Mặt khác, chủ động ngăn chặn mọi tác động tiêu cực, kiên quyết đấu tranh chống mọi hành động lợi dụng quan hệ dân tộc và tôn giáo gây mất trật tự an toàn xã hội, gây mất ổn định chính trị và phá hoại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở nước ta hiện nay.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa?

Câu 2: Phân tích đặc điểm dân tộc Việt Nam? Quan điểm và chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

Câu 3: Phân tích bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo? Vì sao trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội tôn giáo vẫn còn tồn tại? Những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo?

Câu 4: Phân tích đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam? Quan điểm và chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

Câu 5: Phân tích đặc điểm mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam? Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005): *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019): *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Tài liệu Tập huấn Giảng viên Lý luận Chính trị, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009): *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
4. C.Mác và Ph.Ăngghen (1994): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 20.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
9. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh (2012): *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. *Nguồn*: Ban Tôn giáo Chính phủ, 12/2017

Chương 7

VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Gia đình đã và đang trở thành vấn đề thời sự được nhân loại quan tâm. Hiện nay, sự phát triển của xã hội nảy sinh nhiều vấn đề mới, trong đó vấn đề gia đình cũng có những biến đổi rất phức tạp. Việc xây dựng gia đình mới là một trong những vấn đề quan trọng của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đảng ta luôn coi trọng vấn đề gia đình. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021) của Đảng cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh: “Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, con người giàu lòng nhân ái, khoan dung, chân thành, tín nghĩa, trọng đạo lý, cần cù, chăm chỉ, tiết kiệm, sáng tạo, hiện đại. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh”¹.

7.1. KHÁI NIỆM, VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH

7.1.1. Khái niệm gia đình

Với tư cách là một hình thức cộng đồng tổ chức đời sống xã hội, gia đình được hình thành từ rất sớm và trải qua một quá trình phát triển lâu dài. Gia đình là một cộng đồng người đặc biệt, có vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của xã hội. C.Mác và Ph.Ăngghen khi đề cập đến vấn đề gia đình đã cho rằng: “Quan hệ thứ ba tham dự ngay từ đầu vào của quá trình lịch sử: Hàng ngày tái tạo ra đời sống của bản thân mình, con người bắt đầu tạo ra con người khác, sinh sôi, nảy nở - đó là quan hệ giữa chồng và vợ, cha mẹ và con cái, đó là gia đình”².

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2021, tr263

² C.Mác và Ph.Ăngghen, toàn tập, Nxb CTQG, H.1995, tập 3, tr.41

Như vậy, cơ sở hình thành gia đình là hai mối quan hệ cơ bản, quan hệ hôn nhân (vợ và chồng) và quan hệ huyết thống (cha mẹ và con cái...). Những mối quan hệ này tồn tại trong sự gắn bó, liên kết, ràng buộc và phụ thuộc lẫn nhau, bởi nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm của mỗi người, được quy định bằng pháp lý hoặc đạo lý.

Quan hệ hôn nhân là cơ sở, nền tảng hình thành các mối quan hệ khác trong gia đình, là cơ sở pháp lý cho sự tồn tại của mỗi gia đình. *Quan hệ huyết thống* là quan hệ giữa những người cùng một dòng máu, nảy sinh từ quan hệ hôn nhân. Đây là mối quan hệ tự nhiên, là yếu tố mạnh mẽ nhất gắn kết các thành viên trong gia đình với nhau.

Trong gia đình, ngoài hai mối quan hệ cơ bản là quan hệ giữa vợ và chồng, quan hệ giữa cha mẹ và con cái, còn có các mối quan hệ khác, quan hệ giữa ông bà với cháu chắt, giữa anh chị em với nhau, giữa cô, dì chú bác với cháu v.v.. Ngày nay, ở Việt Nam cũng như trên thế giới còn thừa nhận quan hệ giữa cha mẹ nuôi (người đỡ đầu) với con nuôi (được công nhận thủ tục pháp lý) trong quan hệ gia đình. Dù hình thành từ hình thức nào, trong gia đình tất yếu nảy sinh *quan hệ nuôi dưỡng*. Nó vừa là trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi thiêng liêng giữa các thành viên trong gia đình. Trong xã hội hiện đại, hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc của gia đình được xã hội quan tâm, chia sẻ nhưng không thể thay thế hoàn toàn sự chăm sóc, nuôi dưỡng của gia đình.

Các mối quan hệ này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và biến đổi, phát triển phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế và thể chế chính trị - xã hội.

Như vậy, gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và cống cỗ chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội

7.1.2.1. Gia đình là tế bào của xã hội

Có thể ví xã hội là một cơ thể sống hoàn chỉnh và không ngừng biến đổi được sắp xếp tổ chức theo nhiều mối quan hệ trong đó gia đình được xem là một tế bào, một thiết chế cơ sở đầu tiên.

Gia đình có vai trò quyết định đối với sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội, Ph.Ăngghen chỉ rõ: “Theo quan điểm duy vật thì nhân tố quyết định trong lịch sử, quy cho đến cùng, là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống trực tiếp. Nhưng bản thân sự sản xuất đó lại có hai loại. Một mặt là sản xuất ra tư liệu sinh hoạt: thực phẩm, quần áo, nhà ở và những công cụ cần thiết để sản xuất ra những thứ đó; mặt khác là sự sản xuất ra con người, là sự duy trì nòi giống. Những trật tự xã hội, trong đó những con người của một thời đại lịch sử nhất định và của một nước nhất định đang sống, là do hai loại sản xuất quyết định: một mặt là do trình độ phát triển của lao động và mặt khác là do trình độ phát triển của gia đình”¹.

Với việc sản xuất ra tư liệu tiêu dùng, tư liệu sản xuất, tái sản xuất ra con người, gia đình là một tế bào tự nhiên, là một đơn vị sản xuất để tạo nên cơ thể - xã hội. Không có gia đình để tái tạo ra con người thì xã hội không thể tồn tại và phát triển. Vì vậy, muốn có một xã hội phát triển lành mạnh thì phải quan tâm xây dựng tế bào gia đình tốt, như chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “... nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội chính là gia đình”².

Tuy nhiên, mức độ tác động của gia đình đối với xã hội lại phụ thuộc vào bản chất của từng xã hội, vào đường lối, chính sách của giai cấp cầm quyền, và phụ thuộc vào chính bản thân mô hình, kết cấu, đặc điểm của mỗi hình thức gia đình trong lịch sử. Vì vậy, trong mỗi giai đoạn lịch sử, tác động của gia đình đối với xã hội không hoàn toàn giống nhau. Chính vì vậy, quan tâm xây dựng quan hệ xã hội, quan hệ gia đình bình đẳng và hạnh phúc là vấn đề hết sức quan trọng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

7.1.2.2. Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên.

Trong gia đình, cá nhân được đùm bọc về mặt vật chất và giáo dục về tâm hồn; trẻ thơ có điều kiện an toàn khôn lớn, người già có nơi nương

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen, toàn tập, Nxb CTQG, H.1995, tập 21, tr.44.

² Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb CTQG, H.2011, t.9, tr.531

tự, người lao động được phục hồi sức khỏe và thoái mái tinh thần. Ở đó hàng ngày diễn ra những quan hệ thiêng liêng sâu đậm, những người đồng tâm, đồng cảm nâng đỡ nhau suốt cả cuộc đời.

Gia đình là môi trường tốt nhất để mỗi cá nhân được yêu thương, nuôi dưỡng, chăm sóc, trưởng thành, phát triển. Sự yên ổn và hạnh phúc của mỗi gia đình là tiền đề, điều kiện quan trọng cho sự hình thành, phát triển nhân cách, thể lực, trí lực để trở thành công dân tốt cho xã hội. Chỉ trong môi trường yên ấm của gia đình, cá nhân mới cảm thấy bình yên, hạnh phúc, có động lực để phấn đấu để trở thành con người xã hội tốt. Chỉ khi con người được yên ấm, hòa thuận trong gia đình, thì mới có thể yên tâm lao động, sáng tạo và đóng góp sức mình cho xã hội và ngược lại. Xây dựng gia đình là trách nhiệm và là một bộ phận cấu thành trong chính thể các mục tiêu phấn đấu cả xã hội vì sự ổn định, phát triển của chính xã hội.

7.1.2.3. Gia đình là cầu nối giữa cá nhân và xã hội

Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên mà mỗi cá nhân sinh sống, có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách của từng người. Tuy nhiên, mỗi cá nhân không chỉ là thành viên trong gia đình mà còn là thành viên trong xã hội. Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên đáp ứng nhu cầu quan hệ xã hội của mỗi cá nhân. Gia đình cũng chính là môi trường đầu tiên mà mỗi cá nhân học được quan hệ với xã hội.

Ngược lại, gia đình cũng là một trong những cộng đồng xã hội tác động đến cá nhân. Nhiều thông tin, hiện tượng xã hội thông qua lăng kính gia đình mà tác động tiêu cực hoặc tích cực đến sự phát triển của mỗi cá nhân về tư tưởng và đạo đức, lối sống, nhân cách v.v.. Xã hội nhận thức đầy đủ và toàn diện hơn về mỗi cá nhân khi xem xét họ trong các quan hệ xã hội và quan hệ với mỗi gia đình. Nhiều nội dung quản lý xã hội không chỉ thông qua hoạt động của các thiết chế xã hội mà con thông qua hoạt động của gia đình để tác động đến mỗi con người. Nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi cá nhân được thực hiện với sự hợp tác của các thành viên trong gia đình. Qua đó ý thức công dân của cá nhân được nâng lên và sự gắn bó giữa gia đình và xã hội có nội dung xác thực. Chính vì vậy, ở bất kỳ xã hội

nào, giai cấp cầm quyền muốn quản lý xã hội theo yêu cầu của mình, cũng đều coi trọng việc xây dựng và củng cố gia đình.

7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình

7.1.3.1. Chức năng tái sản xuất con người

Đây là chức năng đặc thù của gia đình, không một cộng đồng nào có thể thay thế. Chức năng này không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm, sinh lý tự nhiên của con người, đáp ứng nhu cầu duy trì nòi giống của gia đình, dòng họ mà còn đáp ứng nhu cầu về sức lao động và duy trì sự trường tồn của xã hội.

Việc thực hiện chức năng tái sản xuất ra con người diễn ra trong từng gia đình, nhưng không chỉ là việc riêng của mỗi gia đình mà là vấn đề của xã hội. Bởi vì, thực hiện chức năng này quyết định đến mật độ dân cư và nguồn lực lao động của một quốc gia và quốc tế, một yếu tố cấu thành của tồn tại xã hội. Vì vậy, tùy theo từng nơi, phụ thuộc vào nhu cầu của xã hội, chức năng này được thực hiện theo xu hướng hạn chế hay khuyến khích.

7.1.3.2. Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục

Sinh con, nuôi nấng, dạy dỗ là những hoạt động không thể tách rời nhau trong gia đình. Bên cạnh chức năng tái sản xuất ra con người, gia đình còn có trách nhiệm nuôi dưỡng, dạy dỗ con người trở thành người có ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội.

Chức năng này thể hiện tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm của cha mẹ với con cái, đồng thời thể hiện trách nhiệm của gia đình với xã hội. Thực hiện chức năng này, gia đình có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống của mỗi con người. Bởi vì, ngay khi sinh ra, trước tiên mỗi người đều chịu sự giáo dục của cha, mẹ và người thân trong gia đình. Vì vậy, gia đình là một môi trường văn hóa, giáo dục, trong môi trường này, mỗi thành viên đều là những chủ thể sáng tạo những giá trị văn hóa, chủ thể giáo dục đồng thời cũng là những người thụ hưởng giá trị văn hóa, và là khách thể chịu sự giáo dục của các thành viên khác trong gia đình.

Mỗi thành viên trong gia đình đều có vị trí, vai trò nhất định, vừa là chủ thể vừa là khách thể trong việc nuôi dưỡng, giáo dục của gia đình. Đây là chức năng hết sức quan trọng, mặc dù, trong xã hội có nhiều cộng đồng khác (nhà trường, các đoàn thể, chính quyền v.v..) cũng thực hiện chức năng này, nhưng không thể thay thế chức năng giáo dục của gia đình. Với chức năng này, gia đình góp phần lớn vào đào tạo thế hệ trẻ, thế hệ tương lai của xã hội, cung cấp nâng cao chất lượng nguồn lao động để duy trì sự tồn tại của xã hội, đồng thời mỗi xã nhân được từng bước xã hội hóa.

Vì vậy, giáo dục của gia đình cần phải gắn liền với giáo dục của xã hội. Nếu giáo dục của gia đình không gắn liền với giáo dục của xã hội, mỗi cá nhân sẽ khó khăn khi hòa nhập với xã hội, và ngược lại, giáo dục xã hội sẽ không đạt được kết quả cao khi không kết hợp với giáo dục gia đình, không lấy giáo dục gia đình làm nền tảng. Do vậy, cần tránh khuynh hướng coi trọng giáo dục gia đình mà hạ thấp giáo dục của xã hội hoặc ngược lại. Bởi cả hai khuynh hướng ấy, mỗi cá nhân đều không phát triển toàn diện.

Tuy nhiên, để thực hiện tốt chức năng nuôi dưỡng, giáo dục đòi hỏi mỗi người cha, người mẹ phải có kiến thức cơ bản, tương đối toàn diện về mọi mặt, văn hóa, học vấn, đặc biệt là phương pháp giáo dục.

7.1.3.3. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng

Cũng như các đơn vị kinh tế khác, gia đình trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng. Tuy nhiên, đặc thù của gia đình mà các đơn vị kinh tế khác không có được là ở chỗ, gia đình là đơn vị duy nhất tham gia quá trình sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động của xã hội.

Gia đình không chỉ trực tiếp tham gia trực tiếp vào sản xuất và tái sản xuất ra của cải và sức lao động, mà còn là *một đơn vị tiêu dùng trong xã hội*. Gia đình thực hiện chức năng tổ chức tiêu dùng hàng hóa để duy trì đời sống của gia đình về lao động sản xuất cũng như sinh hoạt trong gia đình. Đó là việc sử dụng hợp lý các khoản thu nhập của thành viên trong gia đình vào việc đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của mỗi thành

viên cùng với việc sử dụng quỹ thời gian nhàn rỗi để tạo ra một môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, nhằm nâng cao sức khỏe, đồng thời để duy trì sở thích, sắc thái riêng của mỗi người.

Cùng với sự phát triển của xã hội, tùy theo từng giai đoạn phát triển của xã hội, chức năng kinh tế gia đình có sự khác nhau, về quy mô sản xuất, sở hữu tư liệu sản xuất và cách thức tổ chức sản xuất và phân phôi. Vị trí, vai trò của kinh tế gia đình và mối quan hệ của kinh tế gia đình đối với các đơn vị khác trong xã hội cũng không hoàn toàn giống nhau.

Thực hiện chức năng này, gia đình đảm bảo nguồn sinh sống, đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần của các thành viên trong gia đình, đồng thời gia đình cũng đóng góp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra của cải, sự giàu có của xã hội. Gia đình có thể phát huy một cách có hiệu quả mọi tiềm năng của mình về vốn, về sức lao động, tay nghề của người lao động, tăng nguồn của cải vật chất cho gia đình và xã hội. Thực hiện tốt chức năng này, không những tạo cho gia đình có cơ sở để tổ chức tốt đời sống, nuôi dạy con cái, mà còn đóng góp to lớn đối với sự phát triển của xã hội.

7.1.3.4. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình

Đây là chức năng thường xuyên của gia đình, bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần cho các thành viên, đảm bảo sự cân bằng tâm lý, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người ốm, người già, trẻ em. Sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình vừa là nhu cầu tình cảm vừa là trách nhiệm, đạo lý, lương tâm của mỗi người. Do vậy, gia đình là chỗ dựa tình cảm cho mỗi cá nhân, là nơi nương tựa về tinh thần chứ không phải chỉ là nơi nương tựa về mặt vật chất của con người. Với việc duy trì tình cảm giữa các thành viên, gia đình có ý nghĩa quyết định đến sự ổn định và phát triển của xã hội. Khi quan hệ tình cảm gia đình rạn nứt, quan hệ tình cảm trong xã hội cũng có nguy cơ đổ vỡ.

Ngoài những chức năng trên, gia đình còn có *chức năng văn hóa, chức năng chính trị*. Với chức năng văn hóa, gia đình là nơi lưu giữ truyền

thống văn hóa của dân tộc cũng như tộc người. Những phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa của cộng đồng được thực hiện trong gia đình. Gia đình không chỉ là nơi lưu giữ mà còn là nơi sáng tạo và thụ hưởng những giá trị văn hóa của xã hội. Với chức năng chính trị, gia đình là một tổ chức chính trị của xã hội, là nơi thực hiện tổ chức chính sách, pháp luật của nhà nước và quy chế (hương ước) của làng xã và hưởng lợi từ hệ thống pháp luật, chính sách và quy chế đó. Gia đình là cầu nối của mối quan hệ giữa nhà nước với công dân.

7.2. CƠ SỞ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội

Cơ sở kinh tế - xã hội để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự phát triển của lực lượng sản xuất và tương ứng với trình độ của lực lượng sản xuất là quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Cốt lõi của quan hệ sản xuất mới ấy là chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa đổi mới tư liệu sản xuất từng bước hình thành và củng cố thay thế chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Nguồn gốc của sự áp bức bóc lột và bất bình đẳng trong xã hội và gia đình dần dần bị xóa bỏ, tạo ra cơ sở kinh tế cho việc xây dựng quan hệ bình đẳng trong gia đình dần dần bị xóa bỏ, tạo cơ sở xây dựng quan hệ bình đẳng trong gia đình và giải phóng phụ nữ trong xã hội.

Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất là xóa bỏ nguồn gốc gây nên tình trạng thống trị của người đàn ông trong gia đình, sự bất bình đẳng giữa nam và nữ, giữa vợ và chồng, sự nô dịch đối với người phụ nữ. Bởi vì sự thống trị của người đàn ông trong gia đình là kết quả của sự thống trị về kinh tế, sự thống trị đó tự nó sẽ tiêu tan khi sự thống trị về kinh tế của người đàn ông không còn.

Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất cũng là cơ sở để biến lao động tư nhân trong gia đình thành lao động xã hội trực tiếp, người phụ nữ tham gia lao động xã hội hay lao động gia đình thì sự tham gia của họ

đóng góp cho sự vận động phát triển, tiến bộ của xã hội. Do vậy, phụ nữ có địa vị bình đẳng với đàn ông trong xã hội. Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất cũng là cơ sở làm cho hôn nhân được thực hiện trên cơ sở tình yêu chứ không phải vì lý do kinh tế, địa vị xã hội hay một tính toán nào khác.

7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội

Cơ sở chính trị để xây dựng gia đình trong quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội là việc thiết lập chính quyền nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trong đó, lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân lao động được thực hiện quyền của mình không có sự phân biệt nam và nữ.

Nhà nước cũng chính là công cụ xóa bỏ những luật lệ cũ kỹ, lạc hậu, đè nặng lên vai người phụ nữ đồng thời thực hiện việc giải phóng người phụ nữ và bảo vệ hạnh phúc gia đình. Như V.I.Lênin đã khẳng định: “Chính quyền xô viết là chính quyền đầu tiên và duy nhất trên thế giới đã hoàn toàn thủ tiêu tất cả luật pháp cũ kỹ, tư sản, đê tiện, những pháp luật đó đặt người phụ nữ vào tình trạng không bình đẳng với nam giới, đã dành đặc quyền cho nam giới... Chính quyền xô viết, một chính quyền của nhân dân lao động, chính quyền đầu tiên trên thế giới hủy bỏ tất cả những đặc quyền gắn liền với chế độ tư hữu, những đặc quyền của người đàn ông trong gia đình...”¹.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa với tính cách là cơ sở của việc xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thể hiện rõ nét nhất ở vai trò của hệ thống pháp luật, trong đó có Luật Hôn nhân và Gia đình cùng với hệ thống chính sách xã hội đảm bảo lợi ích của công dân, các thành viên trong gia đình, đảm bảo sự bình đẳng giới, chính sách dân số, việc làm, y tế, bảo hiểm xã hội... Hệ thống pháp luật và chính sách xã hội đó vừa định hướng thúc đẩy quá trình hình thành gia đình mới trong thời kỳ quá độ đi lên xã hội chủ nghĩa. Chừng nào và ở đâu, hệ thống chính

¹ V. I.Lênin, Toàn tập, Nxb Tiếng bô, Matxcova. 1997, t.40, tr. 182

sách, pháp luật chưa hoàn thiện thì việc xây dựng gia đình và đảm bảo hạnh phúc gia đình còn hạn chế.

7.2.3. Cơ sở văn hóa

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cùng với những biến đổi căn bản trong đời sống chính trị, kinh tế thì đời sống văn hóa, tinh thần cũng không ngừng biến đổi. Những giá trị văn hóa được xây dựng trên nền tảng tư tưởng chính của giai cấp công nhân từng bước hình thành và dần dần giữ vai trò chi phối nền tảng văn hóa, tinh thần của xã hội, đồng thời nhữn yếu tố văn hóa, phong tục tập quán, lối sống lạc hậu do xã hội cũ để lại từng bước bị xóa bỏ.

Sự phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ của xã hội, đồng thời cũng cung cấp cho các thành viên trong gia đình kiến thức, nhận thức mới, làm nền tảng cho sự hình thành những giá trị, chuẩn mực mới, điều chỉnh các mối quan hệ gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thiếu đi cơ sở văn hóa, hoặc cơ sở văn hóa không đi liền với cơ sở kinh tế, chính trị, thì việc xây dựng gia đình sẽ lệch lạc, không đạt hiệu quả cao.

7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ

7.2.4.1. Hôn nhân tự nguyện

Hôn nhân tiến bộ là hôn nhân xuất phát từ tình yêu giữa nam và nữ. Tình yêu là khát vọng của con người trong mọi thời đại. Chừng nào, hôn nhân không được xây dựng trên cơ sở tình yêu thì chừng đó, trong hôn nhân tình yêu, hạnh phúc, gia đình sẽ bị hạn chế.

Hôn nhân xuất phát từ tình yêu tất yếu dẫn đến hôn nhân tự nguyện. Đây là bước phát triển tất yếu của tình yêu nam nữ, như Ph.Ăngghen đã nhấn mạnh: "... nếu nghĩa vụ của vợ chồng là thương yêu nhau thì nghĩa vụ của những kẻ thương yêu nhau há chẳng phải là kết hôn với nhau và không được kết hôn với người khác"¹. Hôn nhân tự nguyện là đảm bảo cho nam nữ có

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen, toàn tập, Nxb CTQG, H.1995, tập 21, tr.125.

quyền tự do chọn lựa người kết hôn, không chấp nhận sự áp đặt của cha mẹ. Tất nhiên, hôn nhân tự nguyện không bác bỏ việc cha mẹ quan tâm, hướng dẫn con cái nhận thức đúng, có trách nhiệm trong việc kết hôn.

Hôn nhân tiền bộ còn bao hàm cả quyền tự do ly hôn khi tình yêu giữa nam và nữ không còn nữa. Ph. Ăngghen viết “Nếu chỉ riêng hôn nhân dựa trên cơ sở tình yêu mới hợp đạo đức thì cũng chỉ riêng hôn nhân trong đó tình yêu được duy trì, mới hợp đạo đức mà thôi... và nếu tình yêu đã hoàn toàn phai nhạt hoặc bị một tình yêu say đắm mới át đi, thì ly hôn sẽ là điều hay cho cả đôi bên cũng như cho cả xã hội”¹. Tuy nhiên, hôn nhân tiền bộ không khuyến khích việc ly hôn, vì ly hôn để lại hậu quả nhất định cho xã hội, cho cả vợ, chồng và đặc biệt là con cái. Vì vậy, cần ngăn chặn những trường hợp nông nổi khi ly hôn, ngăn chặn hiện tượng lợi dụng quyền ly hôn và những lý do ích kỷ vì mục đích vụ lợi.

7.2.4.2. Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng

Bản chất của tình yêu là không thể chia sẻ được, nên hôn nhân một vợ một chồng là kết quả tất yếu của hôn nhân xuất phát từ tình yêu. Thực hiện hôn nhân một vợ một chồng là điều kiện đảm bảo hạnh phúc gia đình, đồng thời cũng phù hợp với quy luật tự nhiên, phù hợp với tâm lý, đạo đức của con người.

Hôn nhân một vợ một chồng đã xuất hiện rất sớm trong lịch sử xã hội loài người, khi có sự thắng lợi của chế độ tư hữu đối với xã hội công xã nguyên thủy. Tuy nhiên, trong các xã hội trước, hôn nhân một vợ một chồng thực chất chỉ là đối với người phụ nữ. “Chế độ một vợ một chồng sinh ra từ sự tập trung của cải vào tay một người, - vào tay người đàn ông, và từ nguyện vọng chuyển của cải ấy cho con cái của người đàn ông ấy, chứ không phải của người nào khác. Vì thế, cần phải có chế độ một vợ một chồng về phía người vợ, chứ không phải về phía người chồng”².

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen, toàn tập, Nxb CTQG, H.1995, tập 21, tr.128.

² C.Mác và Ph.Ăngghen, toàn tập, Nxb CTQG, H.1995, tập 21, tr.118

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng là thực hiện sự giải phóng đối với người phụ nữ, thực hiện sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau giữa vợ và chồng. Trong đó vợ và chồng đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau với mọi vấn đề cuộc sống gia đình. Vợ và chồng được tự do lựa chọn những vấn đề riêng, chính đáng như nghề nghiệp, công tác xã hội, học tập và một số nhu cầu khác v.v.. Đồng thời cũng có sự thống nhất trong việc giải quyết những vấn đề chung của gia đình như ăn, ở, nuôi dạy con cái... nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc.

Quan hệ vợ chồng bình đẳng là cơ sở cho sự bình đẳng trong quan hệ giữa cha mẹ và con cái và quan hệ giữa anh chị em với nhau. Nếu như cha mẹ có nghĩa vụ yêu thương con cái, thì ngược lại, con cái cũng có nghĩa vụ biết ơn, kính trọng, nghe lời dạy bảo của cha mẹ. Tuy nhiên, quan hệ giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em sẽ có những mâu thuẫn không thể tránh khỏi do sự chênh lệch tuổi tác, nhu cầu, sở thích riêng của mỗi người. Do vậy, giải quyết mâu thuẫn trong gia đình là vấn đề cần được mọi người quan tâm, chia sẻ.

7.2.4.3. Hôn nhân được bảo đảm về pháp lý

Quan hệ hôn nhân, gia đình thực chất không phải vấn đề riêng tư của mỗi gia đình mà là quan hệ xã hội. Tình yêu giữa nam và nữ là vấn đề riêng của mỗi người, xã hội không can thiệp, nhưng khi hai người đã thỏa thuận để đi đến kết hôn, tức là đã đưa quan hệ riêng vào quan hệ xã hội, thì phải có sự thừa nhận của xã hội, điều đó được thể hiện bằng thủ tục pháp lý trong hôn nhân.

Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân, là thể hiện sự tôn trọng trong tình yêu, trách nhiệm giữa nam và nữ, trách nhiệm giữa cá nhân với gia đình và xã hội và ngược lại. Đây cũng là biện pháp ngăn chặn những cá nhân lợi dụng tự do kết hôn, tự do ly hôn để thỏa mãn nhu cầu không chính đáng, để bảo vệ hạnh phúc của cá nhân và gia đình. Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân không ngăn cản quyền tự do kết hôn và tự do ly hôn chính đáng, mà ngược lại, là cơ sở để thực hiện những quyền đó một cách đầy đủ nhất.

7.3. XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

7.3.1. Những yếu tố tác động đến gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, gia đình chịu tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan:

Thứ nhất, sự phát triển của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thành phần kinh tế đã làm cho gia đình ngày càng trở thành một đơn vị kinh tế độc lập, có khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi của thực tiễn. Sự đa dạng hệ thống các dịch vụ trong nền kinh tế thị trường đã và đang đáp ứng ngày càng phong phú những nhu cầu của từng thành viên trong gia đình.

Thứ hai, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đã và đang tạo ra những cơ hội thuận lợi để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng gia đình, tạo điều kiện để các gia đình ngày càng thực hiện tốt các chức năng cơ bản của mình. Trong các gia đình, số lượng con cái có xu hướng giảm, thu nhập gia đình tăng lên, cha mẹ có điều kiện đầu tư và nuôi dưỡng con cái tốt hơn. Quá trình hội nhập còn giúp nhiều gia đình tiếp thu được các giá trị tiến bộ của gia đình hiện đại như: Dân chủ hóa các quan hệ trong gia đình; sự tôn trọng tự do cá nhân của các thành viên; hiện đại hóa nhu cầu vật chất và tinh thần của gia đình. Sự phát triển của khoa học công nghệ cũng đã và đang hỗ trợ tích cực cho cuộc sống của gia đình. Việc mua sắm trang bị các sản phẩm, thiết bị, dụng cụ phục vụ cho sinh hoạt gia đình ngày thuận tiện hơn. Vai trò của người phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội ngày càng được cải thiện, họ được tạo điều kiện nhiều hơn để phát huy khả năng của mình trong quá trình hội nhập và toàn cầu hóa.

Thứ ba, những chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước cũng là một trong những yếu tố cơ bản đã và đang tác động đến gia đình Việt Nam hiện nay. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn

quan tâm đến vấn đề gia đình, thực hiện nhiều chính sách nhằm thúc đẩy việc xây dựng và phát triển gia đình như: Chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế gia đình, đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo; chính sách đối với gia đình có công với cách mạng; chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình; tuyên truyền phổ biến kiến thức về giới; Luật Hôn nhân và gia đình luôn được bổ sung, sửa đổi để phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Nhờ vậy, chất lượng cuộc sống của các gia đình đã được cải thiện đáng kể. Gia đình đang có những điều kiện cơ bản để phát huy thế mạnh của mình, góp phần phát triển bền vững đất nước.

Những yếu tố cơ bản trên không chỉ tác động tích cực đến sự phát triển của gia đình Việt Nam mà còn đặt gia đình Việt Nam trước những thách thức lớn.

Mặt trái của sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, toàn cầu hóa và hộp nhập quốc tế đã và đang tác động nhiều mặt đến gia đình Việt Nam. Nhịp sống hối hả với vòng quay của công việc và học hành đã khiến những bữa cơm của gia đình hiếm khi đồng đều. Quỹ thời gian của cha mẹ dành cho con cái cũng bị giảm dần. Lối sống thực dụng, ích kỷ, đề cao cuộc sống hưởng thụ, văn hóa ứng xử xuống cấp, ly hôn, ly thân, sống thử và nạn phá thai trong giới trẻ đang có chiều hướng gia tăng, đã và đang là nguy cơ làm mai một và xói mòn nhiều giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của gia đình. Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình trở nên lỏng lẻo. Đó cũng chính là nguyên nhân dẫn đến những rạn nứt trong các gia đình Việt Nam hiện nay. Bên cạnh đó, sự phát triển khoa học công nghệ một mặt đem lại nhiều tiện ích cho mỗi gia đình, song việc lạm dụng những phương tiện công nghệ cao đã và đang tạo nên những “ốc đảo” ngay trong mỗi gia đình khiến cá nhân sống khép kín, ít giao lưu, chia sẻ trực tiếp.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã dành sự quan tâm chăm lo cho việc xây dựng gia đình với nhiều chính sách hiệu quả được thế giới đánh giá cao, song thực tế cho thấy, chính sách an sinh xã hội lấy hộ gia đình làm đối tượng thụ hưởng còn hạn chế ngoại trừ những chính sách đối với gia đình có công với cách mạng, các hộ nghèo, hộ gia đình

dân tộc thiểu số, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Chính vì vậy, Nhà nước cần tăng cường những chính sách phục vụ nhu cầu trực tiếp cho sự phát triển của gia đình, qua đó góp phần thúc đẩy quá trình xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hiện nay.

7.3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

7.3.2.1. Biến đổi quy mô, kết cấu gia đình

Gia đình Việt Nam ngày nay có thể được coi là “gia đình quá độ” trong bước chuyển từ xã hội nông nghiệp cổ truyền sang xã hội công nghiệp hiện đại. Trong quá trình này, sự giải thể của cấu trúc gia đình truyền thống và sự hình thành hình thái mới là một tất yếu. Gia đình đơn hay còn gọi là gia đình hạt nhân đang trở nên rất phổ biến trong các đô thị và nông thôn - thay thế cho kiểu gia đình truyền thống từng giữ vai trò chủ đạo trước đây.

Quy mô gia đình ngày nay tồn tại xu hướng thu nhỏ hơn so với trước kia, số thành viên trong gia đình trở nên ít đi nhằm đáp ứng nhu cầu và điều kiện của thời đại mới đặt ra. Sự bình đẳng nam nữ được đề cao hơn, cuộc sống riêng tư của con người được tôn trọng hơn, tránh được những mâu thuẫn trong đời sống của gia đình truyền thống. Nếu như gia đình truyền thống xưa có thể tồn tại ba đến bốn thế hệ cùng chung sống dưới một mái nhà thì gia đình hiện nay, quy mô ngày càng thu nhỏ lại. Gia đình Việt Nam hiện đại chỉ có hai thế hệ cùng chung sống: cha mẹ - con cái, số con trong gia đình cũng không nhiều như trước, cá biệt còn có số ít gia đình đơn thân, nhưng phổ biến nhất vẫn là loại gia đình hạt nhân quy mô nhỏ.

Sự biến đổi của gia đình cho thấy chính nó đang làm chức năng tích cực, thay đổi chính bản chất gia đình và cũng là thay đổi hệ thống xã hội, làm cho xã hội trở nên thích nghi và phù hợp hơn với tình hình mới, thời đại mới. Tất nhiên, quá trình biến đổi đó cũng gây những phản ứng tạo ra sự ngăn cách không gian giữa các thành viên trong gia đình, tạo khó

khăn, trở lực trong việc gìn giữ tình cảm cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của gia đình. Xã hội ngày càng phát triển, mỗi người đều bị cuốn theo công việc của riêng mình với mục đích kiếm thêm thu nhập, thời gian cho gia đình vì vậy cũng ngày càng ít đi. Con người dường như rơi vào vòng xoáy của đồng tiền và vị thế xã hội mà vô tình đánh mất đi tình cảm gia đình. Các thành viên ít quan tâm lo lắng đến nhau và giao tiếp với nhau hơn, làm cho mối quan hệ gia đình trở nên rạn rác, lỏng lẻo.

7.3.2.2. Biến đổi các chức năng của gia đình

Chức năng tái sản xuất ra con người

Nếu như trước kia, do ảnh hưởng của phong tục, tập quán và nhu cầu sản xuất nông nghiệp, trong gia đình Việt Nam truyền thống, nhu cầu về con cái thể hiện trên ba phương diện: phải có con, càng đông con càng tốt và nhất thiết phải có con trai nối dõi thì ngày nay, nhu cầu ấy đã có những thay đổi căn bản: thể hiện ở việc giảm mức sinh của phụ nữ, giảm số con trong mong muốn và giảm nhu cầu nhất thiết phải có con trai của các cặp vợ chồng. Trong gia đình hiện đại, sự bền vững của hôn nhân phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố tâm lý, tình cảm, kinh tế, chứ không phải chỉ là các yếu tố có con hay không có con, có con trai hay không có con trai như gia đình truyền thống.

Ngày nay, với những thành tựu của y học hiện đại, việc sinh đẻ được các gia đình tiến hành một cách chủ động, tự giác khi xác định số lượng con cái và thời điểm sinh con. Hơn nữa, việc sinh con còn chịu sự điều chỉnh bởi chính sách xã hội của nhà nước, tùy theo tình hình dân số và nhu cầu về sức lao động của xã hội. Ở nước ta, từ những năm 70 và 80 của thế kỷ XX, nhà nước đã tuyên truyền, phổ biến và áp dụng rộng rãi những phương tiện, biện pháp kỹ thuật tránh thai và tiến hành kiểm soát dân số thông qua cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, khuyến khích mỗi cặp vợ chồng nên chỉ có từ 1 đến 2 con. Sang thập niên đầu thế kỷ XXI, dân số Việt Nam đang chuyển sang giai đoạn già hóa. Để đảm bảo lợi ích của gia đình và sự phát triển bền vững của xã hội, thông điệp mới trong kế hoạch hóa gia đình là mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con.

Biến đổi chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng

Xét một cách khái quát, cho đến nay kinh tế gia đình đã có hai bước chuyển mang tính bước ngoặt: *Thứ nhất*, từ kinh tế tự cấp tự túc thành kinh tế hàng hóa, tức là từ một đơn vị kinh tế khép kín sản xuất để đáp ứng nhu cầu của gia đình thành đơn vị mà sản xuất chủ yếu để đáp ứng nhu cầu của người khác trong xã hội. *Thứ hai*, từ đơn vị kinh tế mà đặc trưng là sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường quốc gia thành tổ chức kinh tế của nền kinh tế thị trường hiện đại đáp ứng nhu cầu của thị trường toàn cầu.

Hiện nay, kinh tế gia đình đang trở thành một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập kinh tế và cạnh tranh sản phẩm hàng hóa với các nước trong khu vực và trên thế giới, kinh tế gia đình gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại trong việc chuyển sang hướng sản xuất kinh doanh hàng hóa theo hướng chuyên sâu trong kinh tế thị trường hiện đại. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình phần lớn là quy mô nhỏ, lao động ít và tự sản xuất là chính.

Sự phát triển của kinh tế hàng hóa và nguồn thu nhập băng tiền của gia đình tăng lên làm cho gia đình trở thành một đơn vị tiêu dùng quan trọng của xã hội. Các gia đình Việt Nam đang tiến tới “tiêu dùng sản phẩm do người khác làm ra”, tức là sử dụng hàng hóa dịch vụ xã hội.

Biến đổi chức năng giáo dục (xã hội hóa)

Trong xã hội Việt Nam truyền thống, giáo dục gia đình là cơ sở của giáo dục xã hội thì ngày nay, giáo dục xã hội bao trùm lên giáo dục gia đình và đưa ra những mục tiêu, nhưng yêu cầu của giáo dục xã hội cho giáo dục gia đình.

Điểm tương đồng giữa giáo dục gia đình truyền thống và giáo dục của xã hội mới là tiếp tục nhân mạnh sự hy sinh của cá nhân cho cộng đồng. Giáo dục gia đình hiện nay phát triển theo xu hướng sự đầu tư tài chính của gia đình cho giáo dục con cái tăng lên. Nội dung giáo dục gia đình hiện nay không chỉ nặng về giáo dục đạo đức, ứng xử trong gia đình, dòng họ, làng xã, mà hướng đến giáo dục kiến thức khoa học hiện đại, trang bị công cụ để con cái hòa nhập với thế giới.

Tuy nhiên, sự phát triển của hệ thống giáo dục xã hội, cùng với sự phát triển kinh tế hiện nay, vai trò giáo dục của các chủ thể trong gia đình có xu hướng giảm. Mặt khác, sự gia tăng của các hiện tượng tiêu cực trong xã hội và trong nhà trường, làm cho sự kỳ vọng và niềm tin của các bậc cha mẹ và phụ huynh vào hệ thống giáo dục xã hội trong việc rèn luyện đạo đức, nhân cách cho con em của họ đã giảm đi rất nhiều so với trước đây. Hiện tượng trẻ em hư, bỏ học sớm, lang thang, nghiện hút ma túy, mại dâm... cũng cho thấy phần nào sự bất lực của xã hội và sự bế tắc của một số gia đình trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Biến đổi chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm

Trong xã hội hiện đại, độ bền vững của gia đình không chỉ phụ thuộc vào sự ràng buộc của các quan hệ về trách nhiệm, nghĩa vụ giữa vợ và chồng; cha mẹ và con cái; sự hi sinh lợi ích cá nhân cho lợi ích gia đình, mà còn bị chi phối bởi các mối quan hệ hòa hợp tình cảm giữa chồng và vợ; cha mẹ và con cái, sự đảm bảo hành phúc cá nhân, sinh hoạt tự do, chính đáng của mỗi thành viên trong gia đình trong cuộc sống chung.

Trong gia đình Việt Nam hiện nay, nhu cầu thỏa mãn tâm lý - tình cảm đang tăng lên do gia đình có xu hướng chuyển đổi chủ yếu là đơn vị kinh tế sang chủ yếu là đơn vị tình cảm. Việc thực hiện chức năng này là một yếu tố rất quan trọng tác động đến sự tồn tại, bền vững của hôn nhân và hạnh phúc gia đình, đặc biệt là việc bảo vệ chăm sóc trẻ em và người cao tuổi. Tuy nhiên hiện nay, các gia đình đang đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt, trong tương lai gần, khi mà tỷ lệ các gia đình chỉ có một con tăng lên thì đời sống tâm lý - tình cảm của nhiều trẻ em và cả người lớn cũng sẽ kém phong phú hơn, do thiếu đi tình cảm giữa anh, chị em trong cuộc sống gia đình.

Tác động của công nghiệp hóa và toàn cầu hóa dẫn tới tình trạng phân hóa giàu nghèo sâu sắc, làm cho một số hộ gia đình có cơ may mở rộng sản xuất, tích lũy tài sản, đất đai, tư liệu sản xuất thì trở nên giàu có, trong khi đại bộ phận gia đình trở thành các lao động làm thuê không có cơ hội phát triển sản xuất, mất đất đai và các tư liệu sản xuất khác, không

có khả năng tích lũy tài sản, mở rộng sản xuất. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ các hộ nghèo, khắc phục khoảng cách giàu nghèo đang có xu hướng ngày càng gia tăng. Đồng thời, nhà nước cũng cần có những biện pháp, giải pháp nhằm củng cố chức năng xã hội của gia đình; giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản cho các thành viên sẽ là chủ gia đình tương lai; xây dựng nội dung phương pháp mới về giáo dục gia đình, giúp cha mẹ có những định hướng giáo dục hình thành nhân cách cho trẻ em; bảo đảm sự hài hòa lợi ích giữa các thành viên trong gia đình cũng như lợi ích giữa gia đình và xã hội.

7.3.2.3. Sự biến đổi quan hệ gia đình

Biến đổi quan hệ hôn nhân và quan hệ vợ chồng:

Trong thực tế, hôn nhân và gia đình Việt Nam đang phải đổi mới với những thách thức, biến đổi lớn. Tác động của cơ chế thị trường, khoa học công nghệ hiện đại, toàn cầu hóa... khiến các gia đình phải gánh chịu nhiều mặt trái như: quan hệ vợ chồng - gia đình lỏng lẻo; gia tăng tỷ lệ ly hôn, ly thân, ngoại tình, quan hệ tình dục trước hôn nhân và ngoài hôn nhân, chung sống không kết hôn.

Trong khảo sát hộ gia đình của năm 2019 của Tổng cục Thống kê cho thấy: tỷ lệ ly hôn của các gia đình Việt Nam tăng lên so với cùng kỳ năm 2009 (tỷ lệ này tăng lên từ 1,4% lên 2,1%). Theo báo cáo của tòa án, trung bình hàng năm Việt Nam có 600.000 vụ ly hôn, có tới 70% vụ ly hôn do người phụ nữ đệ đơn¹.

Biến đổi quan hệ giữa các thế hệ, các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình:

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, quan hệ giữa các thế hệ cũng như các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình cũng không ngừng biến đổi.

¹<https://thanhgiong.vn/ly-hon-o-gioi-tre-ngay-nay-va-nhung-he-luy-di-kem-42279.html>

Trong gia đình truyền thống, một đứa trẻ sinh ra và lớn lên dưới sự chỉ bảo và dạy dỗ của ông bà, cha mẹ ngay từ khi còn nhỏ. Trong gia đình hiện đại, việc giáo dục trẻ em gần như phó mặc cho nhà trường, thiếu đi sự dạy bảo thường xuyên của ông bà, cha mẹ. Ngược lại, người cao tuổi trong gia đình truyền thống thường sống chung cùng với con cháu, cho nên nhu cầu về tâm lý, tình cảm được đáp ứng đầy đủ. Còn khi quy mô gia đình bị biến đổi, người cao tuổi phải đối mặt với sự cô đơn, thiếu thốn về tình cảm.

Những biến đổi trong quan hệ gia đình cho thấy, thách thức lớn nhất đặt ra cho gia đình Việt Nam là mâu thuẫn giữa các thế hệ, do sự khác biệt về tuổi tác, khi cùng chung sống với nhau. Người già thường hướng về các giá trị truyền thống, có xu hướng bảo thủ, áp đặt nhận thức của mình đối với người trẻ. Ngược lại, tuổi trẻ thường hướng tới những giá trị hiện đại, có xu hướng phủ nhận yếu tố truyền thống. Gia đình càng nhiều thế hệ, mâu thuẫn càng lớn.

Ngày càng xuất hiện nhiều hiện tượng mà trước đây không có hoặc ít có như: bạo lực gia đình, ly hôn, ly thân, ngoại tình, sống thử... Chúng đã làm rạn nứt, phá hoại sự bền vững của gia đình, làm cho gia đình trở nên mong manh, dễ tan vỡ hơn. Ngoài ra, các tệ nạn như trẻ em lang thang, nghiện hút, buôn bán phụ nữ qua biên giới... cũng đang đe dọa, gây nhiều nguy cơ làm tan vỡ gia đình.

Như vậy, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, gia đình Việt Nam đã có sự biến đổi tương đối toàn diện về quy mô, kết cấu, các chức năng cũng như quan hệ gia đình. Ngược lại, sự biến đổi của gia đình cũng tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

7.3.3. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

7.3.3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể từ trung ương đến cơ sở nhận thức sâu sắc về vị trí,

vai trò và tầm quan trọng của gia đình và công tác xây dựng, phát triển gia đình Việt Nam hiện nay, coi đây là một trong những động lực quan trọng quyết định thành công sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nội dung cơ bản trực tiếp trong xây dựng và phát triển gia đình mới ở Việt Nam hiện nay là xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc. Đó là đích hướng tới hiện nay của mỗi gia đình ở nước ta. No ấm được hiểu là sự thỏa mãn những nhu cầu về vật chất và tinh thần cơ bản phù hợp với khả năng lao động và cống hiến của mỗi gia đình. Trong gia đình cũng cần chú trọng xây dựng mối quan hệ dân chủ bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình, tạo nên sự nè nếp, hòa thuận, kỷ cương trong gia đình. Hơn nữa, gia đình hạnh phúc không chỉ là no ấm, dân chủ, bình đẳng, tiến bộ mà còn là tổng thể những nét đẹp trong đời sống văn hóa tinh thần mỗi gia đình, trong quan hệ với cộng đồng, quan hệ xã hội, quan hệ giữa các thành viên trong từng gia đình.

7.3.3.2. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, kinh tế hộ gia đình

Xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội để góp phần cung cống, ổn định và phát triển kinh tế gia đình; có chính sách ưu tiên hỗ trợ phát triển kinh tế gia đình liệt sỹ, gia đình thương bệnh binh, gia đình các dân tộc ít người, gia đình nghèo, gia đình đang sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

Có chính sách kịp thời hỗ trợ các gia đình phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh các sản phẩm mới, sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, hỗ trợ các gia đình tham gia sản xuất phục vụ xuất khẩu. Tích cực khai thác và tạo điều kiện thuận lợi cho các gia đình vay vốn ngắn hạn và dài hạn nhằm xóa đói giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, mở rộng phát triển kinh tế, đẩy mạnh loại hình kinh tế trang trại, vươn lên làm giàu chính đáng.

7.3.3.3. Kế thừa những giá trị của gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhân loại về gia đình trong xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay

Gia đình truyền thống được hun đúc từ lâu đời trong lịch sử dân tộc. Bước vào thời kỳ mới, gia đình ấy bộc lộ những mặt tích cực và tiêu cực. Do vậy, Nhà nước cũng như các cơ quan văn hóa, các ban ngành liên quan cần phải xác định, duy trì những nét đẹp có ích; đồng thời, tìm ra những hạn chế và tiến tới khắc phục những hủ tục của gia đình cũ.

Xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam hiện nay là xây dựng mô hình gia đình hiện đại, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Vừa phải kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống và tốt đẹp của gia đình Việt Nam, vừa kết hợp với những giá trị tiên tiến của gia đình hiện đại để phù hợp với sự vận động phát triển tất yếu của xã hội.

Trong gia đình truyền thống có những giá trị tốt đẹp cần kế thừa và phát huy trong điều kiện mới. Trong số các giá trị đó phải kể đến truyền thống vừa đoàn kết trong gia đình lại vừa đoàn kết tình làng, nghĩa xóm; tình yêu gia đình gắn chặt với tình yêu dân tộc. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng gia đình mới cũng cần loại bỏ những giá trị không còn hợp lý của gia đình truyền thống như: Tính cục bộ theo dòng họ địa phương, những nghi lễ rườm rà tốn kém trong ma chay, cưới hỏi, sự bất bình đẳng về giới, bất bình đẳng giữa các thế hệ. Tất cả nhằm hướng tới thực hiện mục tiêu làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người.

7.3.3.4. Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa

Thực chất việc xây dựng gia đình mới nhằm góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, hướng tới hình thành con người mới Việt Nam. Gia đình văn hóa là một mô hình gia đình tiến bộ, một danh hiệu hay chỉ tiêu mà nhiều gia đình Việt Nam mong muốn

hướng đến. Đó là, gia đình ám no, hòa thuận, tiến bộ, khỏe mạnh và hạnh phúc; Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; Thực hiện kế hoạch hóa gia đình; Đoàn kết tương trợ trong cộng đồng dân cư.

Hiện nay, xây dựng gia đình văn hóa đã trở thành phong trào thi đua bao phủ hầu hết các địa phương ở Việt Nam. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa đã thực sự tác động đến nền tảng gia đình với những quy tắc ứng xử tốt đẹp, phát huy giá trị đạo đức truyền thống của gia đình Việt Nam. Chất lượng cuộc sống gia đình ngày càng được nâng cao. Do vậy, để phát triển gia đình Việt Nam hiện nay cần tiếp tục nghiên cứu, nhân rộng xây dựng các mô hình gia đình văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa với những giá trị tiên tiến cần tiếp thu và dự báo những biến đổi về gia đình trong thời kỳ mới, đề xuất hướng giải quyết những thách thức trong lĩnh vực gia đình.

Xây dựng gia đình văn hóa đem lại lợi ích cho cả cá nhân và cộng đồng. Tuy nhiên cần tránh xu hướng chạy theo thành tích, phản ánh không thực chất phong trào và chất lượng gia đình văn hóa. Các tiêu chí xây dựng gia đình văn hóa phải phù hợp và có ý nghĩa thiết thực với đời sống của nhân dân, công tác bình xét danh hiệu gia đình văn hóa phải được tiến hành theo tiêu chí thống nhất, trên nguyên tắc công bằng, dân chủ, đáp ứng nguyện vọng, tâm tư, tình cảm, tạo được sự đồng tình hưởng ứng của nhân dân.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích vị trí và các chức năng cơ bản của gia đình.
2. Trình bày những cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH.
3. Những biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH.
4. Phương hướng cơ bản xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [2]. C.Mác và Ph.Ăngghen, *toàn tập*, Nxb CTQG, H.1995, tập 3.
- [3], [6], [7],[8]. C.Mác và Ph.Ăngghen, *toàn tập*, Nxb CTQG, H.1995, tập 21
- [4]. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb CTQG, H.2011, t.9
- [5]. V. I. Lenin, *Toàn tập*, Nxb Tiền bộ, Matxcova. 1997, t.40
- [9] http://www.ubmvgiadinh.org/article/giật_mình_về_con_số_thống_kê_ở_Việt_Nam
- [10]. <https://thanhgiong.vn/ly-hon-o-gioi-tre-ngay-nay-va-nhung-he-luy-di-kem-42279.html>
- [11]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [12]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [13] Quốc hội số 52/2014/QH13, Luật Hôn nhân và Gia đình, ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2014
- [14] Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam năm 2020, tầm nhìn 2030 – Quyết định số 629/ QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 29 tháng 5 năm 2012
- [15] . Ph.Ăngghen: “*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*”, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1972
- [16] Lê Ngọc Văn(2011), *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội

Contents

Lời giới thiệu	3
Chương 1 - NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	5
1.1. SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC.....	5
1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Chủ nghĩa xã hội khoa học	5
1.1.2. Vai trò của C. Mác và Ph. Ăngghen	8
1.1.3. Tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học	12
1.2. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC.....	13
1.2.1. C. Mác và Ph. Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học	13
1.2.2. V.I. Lê nin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới	15
1.2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của chủ nghĩa xã hội từ sau khi V.I. Lê nin qua đời cho đến nay	18
1.3. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, Ý NGHĨA HỌC TẬP CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	21
1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học	21
1.3.2. Phương pháp nghiên cứu	22
1.3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học	23
CÂU HỎI ÔN TẬP.....	24
TÀI LIỆU THAM KHẢO	24

Chương 2 - SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN	26
2.1. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN.....	26
2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân	26
2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.....	29
2.1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.....	33
2.2. GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ VIỆC THỰC HIỆN SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN HIỆN NAY	37
2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay.....	37
2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thế giới hiện nay	40
2.3. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM	42
2.3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam	42
2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay	44
2.3.3. Phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay	47
CÂU HỎI ÔN TẬP.....	51
TÀI LIỆU THAM KHẢO	52
Chương 3 - CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	53
3.1. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	53
3.1.1. Chủ nghĩa xã hội - giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa	53

3.1.2. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội	58
3.2. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	62
3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ..	62
3.2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	65
3.3. QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	66
3.3.1. Bản chất đặc trưng thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	66
3.3.2. Nội dung thời kỳ quá độ ở Việt Nam	69
3.3.3. Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	70
CÂU HỎI ÔN TẬP.....	72
TÀI LIỆU THAM KHẢO	72
Chương 4 - DÂN CHỦ XHCN VÀ NHÀ NUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA .	74
4.1. DÂN CHỦ VÀ DÂN CHỦ XHCN	74
4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ.....	74
4.1.2. Dân chủ XHCN.....	77
4.2. NHÀ NUỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.....	80
4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa.....	80
4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ XHCN và nhà nước xã hội chủ nghĩa... <td>83</td>	83
4.3. DÂN CHỦ XHCN VÀ NHÀ NUỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM	83
4.3.1. Dân chủ XHCN ở Việt Nam.....	83
4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.....	86
4.3.3. Phát huy nền dân chủ XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay	87
CÂU HỎI ÔN TẬP.....	91
TÀI LIỆU THAM KHẢO	91

**Chương 5 - CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP,
TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI....93**

**5.1. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI93**

5.1.1.Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội- giai cấp trong cơ cấu xã hội 93

**5.1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời
kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội95**

**5.2. LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ
LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI98**

**5.2.1. Tính tất yếu của liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và
tầng lớp trí thức trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.98**

**5.2.2. Cơ sở khách quan của việc xây dựng khối liên minh giữa giai cấp
công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách
mạng xã hội chủ nghĩa101**

**5.3. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP,
TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
Ở VIỆT NAM102**

**5.3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
Việt Nam.....102**

**5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã
hội ở Việt Nam.....106**

CÂU HỎI ÔN TẬP.....114

TÀI LIỆU THAM KHẢO114

**Chương 6 - VĂN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ
ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....116**

**6.1. VĂN ĐỀ DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ
NGHĨA XÃ HỘI.....116**

6.1.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin về vấn đề dân tộc.....	116
6.1.2. Vấn đề dân tộc ở Việt Nam và quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay	123
6.2. VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....	129
6.2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin về vấn đề tôn giáo	129
6.2.2. Vấn đề tôn giáo ở Việt Nam và quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay	137
6.3. QUAN HỆ GIỮA DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM	141
6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam	141
6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay	143
CÂU HỎI ÔN TẬP.....	143
TÀI LIỆU THAM KHẢO	144
Chương 7 - VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	146
7.1. KHÁI NIỆM, VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH	146
7.1.1. Khái niệm gia đình.....	146
7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội	147
7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình.....	150
7.2. CƠ SỞ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	153
7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội.....	153
7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội	154
7.2.3. Cơ sở văn hóa	155
7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ	155

7.3. XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	158
7.3.1. Những yếu tố tác động đến gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	158
7.3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	160
7.3.3. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	165
CÂU HỎI ÔN TẬP.....	168
TÀI LIỆU THAM KHẢO	169

BÀI GIẢNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung:

Giám đốc - Tổng biên tập

PHAN NGỌC CHÍNH

Chủ biên: TS. Tô Mạnh Cường

Tham gia biên soạn: TS. Đào Thu Hiền; TS. Nguyễn Thị Cẩm Tú;

TS. Nguyễn Thị Nga; ThS. Nguyễn Thị Hoàn; ThS. Phạm Văn Hiển;

ThS. Vương Thị Huệ; ThS. Vũ Thị Thu Hương

Biên tập:

Đào Thị Hiền

Thiết kế bìa:

Trần Thị Bảo Ngọc

NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

FINANCE PUBLISHING HOUSE (Tên viết tắt: FPH)

Số 7 Phan Huy Chú, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: 024.3826.4565 - 0913.035.079

Email: phongbientap.nxbtc@gmail.com - Website: fph.gov.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH TẠI TP HỒ CHÍ MINH

138 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 024.3859.6002

In 300 cuốn, khổ 17x24 cm tại Xưởng in - Nhà xuất bản Xây dựng

Địa chỉ: Số 10, Phố Hoa Lư, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Số xác nhận ĐKXB: 2532-2022/CXBIPH/6-69/TC ngày 25 tháng 7 năm 2022

Số QĐXB: 298/QĐ-NXBTC ngày 11 tháng 10 năm 2022

Mã ISBN: 978-604-79-3294-8

In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2022.